

Tinh Tấn

MAGAZINE

THỜI ĐẠI DỊCH

- Nghĩ gì, làm gì? -

*Gồm những bài viết
về*

Thiền Viện Chân Nguyên

và của

Thầy Trí Siêu

Nguyên Giác

Vĩnh Hảo

Nguyên Phong

Steven Nguyễn

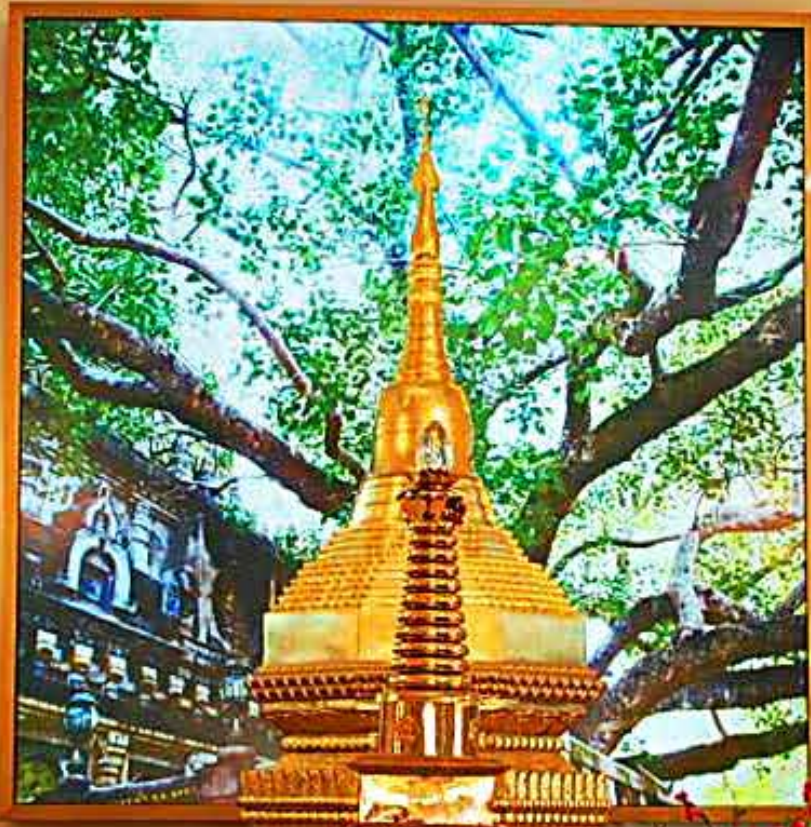
Tâm Nguyên

Hoàng Mai Đạt

Đặc biệt

*- Một giờ với Thầy Minh Mẫn
tại Chùa Huệ Quang*

*- Chuyện tu hành của
ca sĩ Quang Tuấn*



**Bên trong Bảo Tháp
tại
Thích Ca Thiên Viện
15950 Winters Lane
Riverside, CA 92504
Phone (951) 780-5249**

THÍCH CA THIÊN VIỆN
MỪNG ĐẠI LỄ KHÁNH THÀNH
▲ BẢO THÁP ▲
SANYAMUNI OBTIYA
DL: 12-12-12 PL: 2008



Chùa Hương Tích
4821 W 5th Street
Santa Ana, CA 92703
Phone (714) 554-7837

Photo: HMD

MỤC LỤC

4 Lời nhắn gửi về đại dịch
Thầy Thích Trí Siêu

5 Mùa đại dịch: Hộ
trì sáu phương
Nguyên Giác



9 Thiền Viện Chân
Nguyên lập Trai Đàn
Chấn Tế cho các oan
hồn giữa đại dịch
Hoàng Mai Đạt

16 Gót chân Achilles
Steven Nguyễn

18 ‘Muôn Kiếp Nhân Sinh’ của GS John Vũ
và đại dịch nhân quả
Nguyễn Văn Phước

19 Về cuốn ‘Muôn Kiếp Nhân Sinh’

20 Thống khổ
trần gian
Vĩnh Hảo



21 Con mưa
mùa dịch bệnh
Tâm Nguyên

22 Ngôi chùa
của đêm giao thừa trên đất khách. Một giờ
với Sư Ông Chùa Huệ Quang
Hoàng Mai Đạt

34 Quán Thế Âm Bồ Tát qua kinh điển và
nhân văn
Huyền Trí

38 Thiền Phật Giáo
phát triển trong xã
hội Thiên Chúa Giáo
Tâm Huy



42 Chủng tử Phật của
Ni Sư Tịnh Quang

45 Ai ở tù?
Sư Giác Nguyên

45 Một cư sĩ nên chia đều tài sản như thế nào
theo lời Phật dạy?
Simsapa Facebook

46 Cuộc đời của Sư Bà Diệu
Không: ‘Con xin lăn lóc cõi
Ta Bà’



50 Chuyện lúc ở chùa
Nguyễn Trung Dân

56 Hai trong một
Hong Tran

58 Ca Sĩ Quang Tuấn: Con đường tu tập của
một Phật tử thuần thành
Băng Huyền

65 Xin làm cơn
mưa pháp
Phúc Quỳnh

68 Tâm không
**Trần Nghi
Hoàng**

70 Ngày lễ
Vu Lan ở ngôi
chùa quen
**Tâm Hạnh
Nguyễn Thị
Thêm**



74 Mẹ đi chùa không?
Kiều Mỹ Duyên

76 Chuyến taxi
cuối cùng của
một bà cụ
Kent Nerburn



77 Thơ Mật
Nghiêm: Pháp
Giới, Về Nhà

Hình bìa: Phật A Di Đà tại Chùa Huệ Quang, tháng Bảy 2020.

Phụ trách bài vở, kỹ thuật: Đồng Phúc, Phúc Viên, Hoàng Mai Đạt

Với bài đóng góp thường xuyên của Huyền Trí, Nguyên Giác, Tâm Huy, Vĩnh Hảo,
Đào Văn Bình, Thanh Huy, Trần Nghi Hoàng, Tiểu Lục Thần Phong, và Băng Huyền.

Tin Tấn Magazine, 9082 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683

Phone (714) 290-7747. Email: tinhtan2018@yahoo.com. Website: <https://tinhtan.org>



Lời mở đầu cho Tinh Tấn 5

Có thể nói sự hiện hữu của Tinh Tấn Magazine số 5 mà quý vị đang cầm trên tay là một phép mầu kỳ diệu bất khả tư nghì. Thật vậy, vì hoàn cảnh khó khăn từ nhiều mặt trong cuộc sống chưa kể những phiền não âu lo của thời khủng hoảng đại dịch Covid-19, sau khi hoàn tất tờ báo số 4 phát hành hồi tháng Bảy, chúng tôi đã nghĩ tới chuyện buông tay không tiếp tục nữa. Ngay cả trong bốn số trước, việc thực hiện cũng không phải là không gặp nhiều chướng ngại nhưng vì lời cam kết với những độc giả đã đến với số đầu tiên khi họ đặt mua dài hạn trọn năm (bốn số), chúng tôi đã cố gắng giữ lời hứa dù thời gian kéo dài hơn hai năm.

Cho nên chúng tôi đã nghĩ đến việc đình bản Tinh Tấn Magazine. Duyên đã hết rồi thì phải dừng lại thôi. Thế nhưng, thật bất ngờ ngoài sự chờ đợi, tờ Tinh Tấn số 4 đã được hưởng ứng nồng nhiệt và được tiêu thụ khá nhanh chóng. Chúng tôi đã gửi báo đến khắp California, từ Westminster đây qua xóm giềng Garden Grove, Irvine, Los Angeles, lên Seaside, San Jose, Oakland, xuống San Diego. Báo cũng được đón nhận ở tận Texas, Georgia, Florida, Kentucky, Tennessee, North Carolina, Maryland, New Jersey, Massachusetts, và Pennsylvania. Có tờ đã... vượt biên qua Canada.

Điều đáng kể là kèm với sự ủng hộ tinh tài, các độc giả đạo hữu đã gửi đến những lời khích lệ quý báu qua các tin nhắn, những dòng chữ tuy ngắn nhưng đủ để nhắc nhở chúng tôi không thể quên mục đích ban đầu: “chúc quý báo được luôn tinh tấn,” hoặc “tiếp tục trên con đường gìn giữ Phật pháp trường tồn.” Có vị còn thông cảm về việc chúng tôi chưa thể ra báo định kỳ nên đã nhắn “khi nào có báo mới xin gửi cho chúng tôi.” Nhiệt tình yểm trợ của quý đạo hữu một lần nữa đã giúp chúng tôi có đủ khả năng để in ấn và phát hành báo Tinh Tấn số 5 ở mức khiêm tốn nhất giữa lúc thế giới đang tiếp tục lao đao trong bất an vì dịch bệnh, tranh chấp, sản hận.

Tinh Tấn số 5 được mở đầu với những bài viết liên quan đến đại dịch, từ lời khuyên minh triết của Thầy Thích Trí Siêu dành cho các Phật tử, lễ Trai Đàn Chấn Tế đầy lòng từ bi dành cho các oan hồn tử sĩ tại Thiền Viện Chân Nguyên của Thầy Thích Đăng Pháp, đến những chia sẻ sâu sắc của các thiện tri thức như Nguyên Giác, Vĩnh Hảo, Steven Nguyễn, Giáo Sư John Vũ, hay chân phương hiền hòa của Tâm Nguyên.

Đặc biệt trong số này, Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, viện chủ của một ngôi chùa Việt Nam nổi tiếng tổ chức lễ đón giao thừa với văn nghệ tưng bừng nhất tại hải ngoại, đã kể về cuộc đời hành đạo và phục vụ chúng sanh ít ai biết của Thầy suốt bốn thập niên qua. Và cũng đặc biệt là tâm tình của anh Quang Tuấn, một ca sĩ tiếng tăm trên sân khấu lấp lánh ánh đèn màu mà nay đang trở thành một Phật tử thọ Bồ Tát Giới tại gia, qua bài phỏng vấn của Băng Huyền. Mục văn nghệ lần đầu tiên của Tinh Tấn còn được bổ sung với bài viết về nhạc phẩm Phật Là Ánh Từ Quang của Thầy Thích Viên Giác qua tiếng hát của ca sĩ Hồ Quốc Việt.

Trong phần nghiên cứu, tác giả Huyền Trí trình bày công phu về Đức Quán Thế Âm Bồ Tát qua kinh điển, cư sĩ Tâm Huy chuyển ngữ một bài viết về thiền Phật Giáo đang phát triển trong Thiền Chứa Giáo. Số báo này còn có phần tâm sự về “duyên với Phật” của Ni Sư Tịnh Quang người Canada, về hạnh nguyện “lần lóc trong cõi Ta Bà” của Sư Bà Diệu Không vào thế kỷ trước, về “vùng tối của mặt trăng” trong Chuyện Lúc Ở Chùa của Nguyễn Trung Dân, từ bi và trí tuệ trong bài của Hồng Tran, Tâm Không của Trần Nghi Hoàng, ngày lễ Vu Lan của Nguyễn Thị Thềm, người mẹ đi chùa của Kiều Mỹ Duyên, và chuyến xe cuối cùng của một bà cụ do nhà văn Mỹ Kent Nerburn kể lại. Sau hết là thơ đạo của bác Mật Nghiêm, người luôn tặng thơ trong những buổi thuyết pháp của quý thầy tại Hội Phật Học Đức Tuệ. Bác đã tặng thơ cho Tinh Tấn qua điện thoại đúng lúc chúng tôi đang loay hoay tìm một bài thơ để hoàn tất số báo. Đúng là vừa tròn phước duyên.

Tinh Tấn số 5 được ra đời chính là nhờ sự trợ giúp của quý đạo hữu đã tin tưởng ở chúng tôi. Nếu có được chút công đức nào trong việc thực hiện tờ báo này, chúng tôi xin chân thành hồi hướng cho sự an lạc của tất cả các chúng sanh, và xin cầu nguyện cho thế giới sớm thoát cơn dịch bệnh.

Mời quý độc giả lần gỡ từng trang và bước vào thế giới của “Pháp Phật nhiệm mầu.”

Trân trọng,

Tinh Tấn Magazine



Lời nhắn gửi về đại dịch

của Thầy THÍCH TRÍ SIÊU

Kính gửi quý vị,
Hiện nay đại dịch coronavirus đang lan tràn và hoành hành khắp nơi trên thế giới, mọi người đều lo sợ và hoang mang vô cùng.

Chắc chắn quý vị đã được bạn bè gửi nhiều thông tin nhắc nhở rửa tay thật kỹ trong vòng ít nhất 20 giây, tránh lấy tay chạm lên mặt, mắt, mũi, và lau chùi thường xuyên cellphone, keyboard computer, chỗ nắm cửa ra vào, v.v. để đừng bị lây nhiễm Covid-19.

Do đó ở đây thầy không nói đến chuyện y tế mà nói chuyện đạo:

1/ Chúng ta nên nhớ cõi Ta Bà này có nghĩa là Kham Nhẫn. Đã sinh ra ở đây thì không ai tránh khỏi cảnh khổ của sinh, già, bệnh, chết. Ngoài ra còn phải chịu thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch... là những cộng nghiệp chung.

2/ Bệnh dịch coronavirus này xảy ra là một quả báo cộng nghiệp của toàn thế giới. Tuy nhiên cái gì có khởi đầu thì sẽ có ngày chấm dứt, đó là luật vô thường.

Chúng ta hãy kiên nhẫn chờ đợi, đừng nên hoảng hốt (panic), vì panic thì càng làm cho tình trạng trầm trọng hơn.

3/ Trong cộng nghiệp luôn có biệt nghiệp, đó là phước riêng của mỗi người. Không phải bất cứ ai bị nhiễm coronavirus đều chết cả.

Người bị nhiễm rất nhiều nhưng người chết thì rất ít, đó là do hết phước, hay mạng căn hết.

Bởi vậy khi gặp hoạn nạn thì chỉ có phước mới cứu

được mình.

4/ Trong thời gian bệnh dịch còn hoành hành và chờ đợi các bác sĩ tìm ra vaccine thì chúng ta nên giữ tâm lạc quan.

Tại sao vậy? Vì chúng ta là Phật tử, đã quy y Tam Bảo. Quy y là quay về nương tựa (taking refuge).

Chính trong những lúc lo lắng, sợ hãi, bất an thì chúng ta nên trở về cầu nguyện Chư Phật, Bồ Tát gia hộ cho mình và người thân; ôn lại những lời dạy trong Kinh hay trong các bài pháp và đem ra áp dụng để tự cứu mình.

5/ Hiện nay đa số mọi người đều bị cách ly (quarantine) ở nhà, không đi làm vì sợ đóng cửa, hoặc làm việc ở nhà...

Trong thời gian khó khăn này, chúng ta có thể niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, hoặc trì Chú Đại Bi, lạy Phật sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng, hoặc tụng kinh, ngồi thiền, v.v..

Cầu nguyện cho đại dịch (pandemic) mau hết. Chúng ta đừng xem thường sự cầu nguyện.

Khi con người bất lực trước thiên tai, bệnh dịch thì cầu nguyện là phương pháp hay nhất, nó cho ta ý thức được sự bé nhỏ bất lực của cái Ngã, để vươn lên cầu cứu tha lực từ bi của Chư Phật, Bồ Tát.

Khi nhiều người cầu nguyện thì sẽ tạo ra một hợp lực (synergy) rất lớn có thể thay đổi hoàn cảnh mà người đời gọi là phép lạ.

6/ Xưa nay, người nào từng tu tập thường xuyên thì hãy nhớ Pháp lực và Phước lực sẽ che chở cho mình. Người nào không tu tập thường xuyên thì đây là cơ hội cho mình tu tập nhiều hơn để tăng phước tăng huệ, làm giảm đi nghiệp chướng, tai qua nạn khỏi.

Thành tâm cầu nguyện chư Phật, Bồ Tát gia hộ cho tất cả quý vị nghiệp chướng tiêu trừ, ngày đêm thường bình an trong cơn đại dịch hiện nay.

A Di Đà Phật ♦

Bài viết của Thầy Trí Siêu đã được phổ biến trên mạng từ cuối tháng Ba, nay Tinh Tấn Magazine xin mạn phép đăng lại vì lời khuyên của Thầy vẫn hữu ích. Hình chụp tại khóa tu Thiền & Luyện Tâm được tổ chức tại YMCA of Rockies, thị xã Estes Park, tiểu bang Colorado đầu tháng 10, 2019 (ThichTriSieu.com).

Mùa đại dịch: Hộ trì sáu phương

Bài NGUYỄN GIÁC



Thượng Tọa Thích Quảng Trí đang may khẩu trang để tặng từ thiện tại Chùa Phật Tuệ ở Riverside, California. (Courtesy of The Press-Enterprise)

Ta. Ai khán hộ bệnh nhân, là người ấy đã khán hộ Ta. Vì sao vậy? Ta nay muốn đích thân khán hộ người tật bệnh. Nay các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào mà bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này không gì vượt qua, tối thượng trên cả sự bố thí cho chư thiên, thế gian, sa-môn, bà-la-môn. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng đồn vang khắp, được pháp vị cam lồ. Nghĩa là bố thí đến Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác. Nên biết, đó là bố thí tối thượng trong sự bố thí, không có gì vượt qua. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Ta vì nhân duyên này mà nói ra như vậy: Chăm sóc bệnh nhân, tức là đã chăm sóc Ta không khác. Các người lâu dài được phước lợi lớn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Đại dịch coronavirus bùng phát lần nữa tại Việt Nam, Hoa Kỳ và hầu hết các nước trên thế giới. Tính tới tuần lễ đầu tháng 8, 2020, thế giới có hơn 700,000 người chết vì đại dịch, trong đó Việt Nam có ít nhất 10 người chết. Vụ Thống Kê Dân Số và Lao Động cho biết VN có hàng chục triệu người mất việc, giảm giờ làm, giảm thu nhập... Kinh tế suy sụp mọi mặt, đặc biệt thâm trọng là các ngành du lịch, khách sạn, tiệm ăn, chợ búa, giao thông. Toàn dân đều bị ảnh hưởng - kể cả tăng ni trong và ngoài nước, khi các khóa tu và khóa lễ hủy bỏ vì giãn cách xã hội, Phật tử không thể tới chùa được.

Trong hoàn cảnh này, hạnh nguyện hộ trì và bố thí cần được thực hiện theo lời Đức Phật dạy để bảo vệ sáu phương: Bố thí tài vật (giúp dân vượt khó, cúng dường chư tăng, ba mẹ, thầy cô giáo...), bố thí sinh mạng (liều thân vào nơi hiểm nạn để cứu người, như lính cứu hỏa thời bình, như nhân viên y tế thời đại dịch vì chăm sóc bệnh nhân cũng là chăm sóc Đức Phật), và rồi tận cùng của hạnh bố thí là giải thoát.

Bài này sẽ trích một số kinh luận nói về hạnh bố thí. Các chữ viết tắt cho Kinh: DN là Trường Bộ, MN là Trung Bộ, AN là Tăng Chi Bộ, SN là Tương Ưng Bộ, EA là Tăng Nhất A Hàm, SA là Tạp A Hàm, MA là Trung A Hàm.

Trong thời đại dịch, mỗi người đều phải tự ý thức tuân thủ lời khuyên của các cơ quan y tế để bảo vệ mình và người chung quanh, và trong vị trí nghề nghiệp liên hệ hãy giúp ngăn chặn dịch, xem việc chăm sóc bệnh nhân cũng chính là chăm sóc Đức Phật. Đức Phật dạy trong Kinh EA 12.4, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

“Ai chăm sóc bệnh nhân, là người ấy đã chăm sóc

Đức Phật dạy rằng người Phật tử phải hộ trì sáu phương: ba mẹ, tăng ni, thầy/cô giáo, vợ con, bạn bè, tôi tớ, lao công... Hộ trì (dịch theo HT Minh Châu) còn có nghĩa là che chở (dịch theo Sujato), là bảo vệ (dịch theo Kelly, Sawyer & Yareham). Tức là người Phật tử phải hộ trì, bảo vệ tất cả những người chung quanh mình.

Kinh DN 31, bản dịch HT Minh Châu, trích: “Này Gia chủ tử, vị Thánh đệ tử **hộ trì sáu phương** như thế nào? Này Gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau: Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ. Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng. Phương Tây cần được hiểu là vợ con. Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè. Phương Dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công. Phương Trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.”

Bản dịch Kelly, Sawyer & Yareham: “And how, young man, does the noble disciple **protect the six directions**? These six directions should be known: mother and father as the east, teachers as the south, spouse and family as the west, friends and colleagues as the north, workers and servants as the lower direction, and ascetics and Brahmans as the upper direction.”

Bản dịch Sujato dịch nghĩa hộ trì là che chở: “And how, householders son, does a noble disciple **cover the six quarters**?”

Đã gieo nhân lành, tất nhiên sẽ có quả lành. Do vậy, cúng dường Tăng bảo, tất nhiên sẽ có công đức. Kinh AN 6.59, bản dịch HT Minh Châu, trích: “...này Gia chủ, hãy cúng dường chúng Tăng. Nếu Ông cúng dường chúng Tăng, tâm sẽ được định tín. Nếu Ông có tâm định tín, lúc thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.”

Người bố thí phải có tịnh tín và tâm lành, với tâm



Hai tăng ni đại diện Chùa Bát Nhã ở Santa Ana, California đang tặng những thùng khẩu trang do các Phật tử của chùa may dành cho viện dưỡng lão Mission Palms ở thành phố Westminster hồi tháng Sáu, 2020. (Chùa Bat Nha Cali / Facebook)

không gượng ép, sẽ có quả lành là thoát các nạn dữ. Kinh AN 5.148, bản dịch HT Minh Châu, trích:

“Này các Tỷ-kheo, có năm loại bố thí này xứng bậc Chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí có lòng tin, bố thí có kính trọng, bố thí đúng thời, bố thí với tâm không gượng ép, bố thí không làm thương tổn mình và người. (...) Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí không làm thương tổn mình và người, chỗ nào, quả dị thực của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn; và không một tai nạn nào từ đâu đến, đến với tài sản của người ấy, hoặc từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ các người thù địch hay từ các người thừa tự.”

Người tu hạnh bố thí sẽ có nhan sắc xinh đẹp, sức mạnh hơn người, tuổi thọ lâu dài... Đức Phật dạy trong Kinh AN 4.59, bản dịch HT Minh Châu, trích:

“Người bố thí đồ ăn, này các Tỷ-kheo, bố thí bốn sự cho người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh. Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần thọ mạng, thuộc chư Thiên hay loài Người. Sau khi cho dung sắc... cho an lạc... Sau khi cho sức mạnh, được chia phần sức mạnh, thuộc chư Thiên hay loài Người.”

Bố thí sẽ được đại phước. Đức Phật dạy trong Kinh SA 914, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng:

“Ta nhớ chín mươi một kiếp từ trước đến nay,

không thấy một người nào mà bố thí cho Tỷ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Này thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyền thuộc đông đảo, tôi tớ đầy nhà, thì biết nhà ấy lâu dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa, nên được phước lợi này.”

Về thái độ trong khi tu hạnh bố thí, Đức Phật dạy cần giữ tâm từ bi, bình đẳng, luôn nghĩ tới các loài chúng sanh (chứ không nghĩ riêng cõi người). Kinh EA 10.5, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

“Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, Gia chủ. Ông đã bằng tâm Bồ-tát, chuyên tinh nhất ý mà huệ thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sanh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì liền chết. Này Gia chủ, Ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao vậy? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ nghĩ đến các loài chúng sanh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Này Gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi.”

Tự thân mình giữ giới còn gọi là đại bố thí. Đức Phật dạy trong Kinh AN 8.39, bản dịch HT Minh Châu:

“Này các Tỷ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại

không tạp loạn, tương lai không tạp loạn, không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Thế nào là năm? (...) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh (...) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho ... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ hai, là đại bố thí (...) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục ... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ ba, là đại bố thí... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo ... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ tư, là đại bố thí... Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu... Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày...”

Đức Phật cũng dạy rằng trong khi trì giới hãy hồi hướng công đức trì giới tới vô lượng chúng sanh. Làm thế nào để bố thí công đức? Một bài kinh Tăng Nhất A Hàm nói về pháp bát quan trai giới, rằng Phật tử hãy giữ tám giới này trong một ngày tất sẽ có vô lượng công đức, và hãy hồi hướng công đức này cho khắp chúng sinh. Kinh EA 43.2 bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

“Sao gọi là trai pháp tám quan? Một là không sát sanh, hai là không lấy của không cho, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không ăn phi thời, bảy là không nằm ngồi trên giường cao rộng, tám là tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình. Tỷ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền thánh.”

[...] Thế Tôn bảo: “Người ấy nguyện rằng: Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đoạ địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác; con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung bộ, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp; đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sanh; đem công đức này bố thí cho họ giúp cho người kia thành Đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước của thế nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thối lui giữa chừng. Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo. Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này...”

Phật tử hãy suy nghĩ rằng, tuy rằng bản thân mình và người vẫn còn tham sân si, nhưng hạnh bố thí vẫn mang tới công đức vô lượng. Kinh MN 35 ghi lời Đức Phật nói với một giáo sĩ Ni Kiền Tử rằng cho dù người được bố thí vẫn còn tham sân si, nhưng hạnh bố thí vẫn mang tới công đức lớn cho người bố thí, theo bản dịch HT Minh Châu:

“Này Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Aggivessana, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và Ta là người không

có tham, không có sân, không có si.”

Nhìn chung, trong tất cả các pháp bố thí, pháp thí mới là tối thắng. Pháp thí là giúp người khác hiểu được Chánh pháp. Đức Phật dạy trong Kinh AN 2.141-150, bản dịch HT Minh Châu:

“Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí này. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là các loại bố thí. Tối thắng trong hai loại bố thí này, này các Tỷ-kheo, tức là pháp thí.”

Bố thí cũng là một phương tiện, một trong bốn pháp có thể giúp đưa cả một cộng đồng chung quanh mình vào dòng pháp. Đức Phật dạy về Tứ nhiếp pháp trong Kinh AN 9.5, bản dịch HT Minh Châu, trích:

“Này các Tỷ-kheo, có bốn Nhiếp pháp này: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Tối thượng trong các loại bố thí, này các Tỷ-kheo, là pháp thí. Tối thượng trong các loại ái ngữ, này các Tỷ-kheo là tiếp tục thuyết pháp cho những ai hy cầu và lắng tai nghe. Tối thượng trong các lợi hành, này các Tỷ-kheo, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đây đủ lòng tin; đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đây đủ giới; đối với người xan tham khích lệ, đặt vào an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đây đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tối thượng trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự Lưu với bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp.”

Bố thí như thế nào để có oai đức chói sáng như mặt trời? Đức Phật dạy Cư sĩ Ma-ha-nam trong Kinh SA 929, bản dịch của hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín và cũng xác lập cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa dạy người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp thứ, pháp hướng, cũng lại dạy người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành hướng đến pháp, thứ pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, được gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy và làm người khác được an ủy.

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, thì tất cả người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, thì oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối.”

Tuy nhiên, cho dù bố thí vô lượng vô biên, công đức vẫn không bằng người khởi tâm từ bi dù chỉ trong một thời gian rất ngắn, và trong tận cùng vô lượng

vô biên công đức cũng không bằng trong một khoảnh khắc thể nhập được các pháp ấn vô thường, khổ, không và vô ngã.

Đức Phật dạy trong Kinh MA 155, bản dịch thầy Tuệ Sỹ:

“Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho Chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.”

Bố thí có thể đi tới giải thoát hay không? Đức Phật dạy rằng niệm Thí có thể thành tựu thân thông, loại bỏ loạn tưởng, đi tới giải thoát, tự thân đạt tới Niết bàn.

Kinh EA 2.5, bản dịch hai thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, trích:

“Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thí. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Tại sao chỉ niệm một pháp lại có thể đạt tới Niết bàn? Đó là thuận theo pháp tánh. Trong bài viết nhan đề “Thuận Tánh Khởi Tu” nhà sư Nguyễn Thế Đăng giải thích theo Luận Đại thừa Khởi Tín của Bồ-tát Mã Minh, rằng phải nhận ra pháp tánh vốn chẳng hề có tham, vốn chẳng hề ô nhiễm, vốn chẳng hề có khổ, vốn chẳng hề có tướng thân tâm, vốn là thường định, vốn là sáng tỏ và lia hẳn vô minh:

“Chúng ta trích thuận tánh khởi tu chỉ trong sáu ba-la-mật: Vì biết pháp tánh vốn không có tham lam bốn xên, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Bố thí ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn không có ô nhiễm, thoát khỏi các lỗi năm dục, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Trì giới ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn không có khổ, lia hẳn giận dữ, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn không có tướng thân tâm, xa lia hẳn giải đãi, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Tinh tấn ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn thường định, không có loạn động nên tùy thuận pháp tánh tu hành Thiền định ba-la-mật. Vì biết pháp tánh vốn sáng tỏ, lia hẳn vô minh, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Trí huệ ba-la-mật”...” (1)

Như vậy là phải bố thí hết tất cả các pháp thế gian mới vào được pháp xuất thế gian. Thế nào là

pháp thế gian?

Trong tác phẩm “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn,” bản dịch của HT Thích Thanh Từ, ghi lời Thiền sư Tuệ Hải, môn đệ của ngài Mã Tổ Đạo Nhất (thế kỷ thứ 8, Trung Hoa) nói về pháp bố thí:

“Bố thí là bỏ tánh thiện ác, bố thí là bỏ tánh có không, tánh yêu ghét, tánh không chẳng không, tánh định chẳng định, tánh tịnh bất tịnh, tất cả đều cho bỏ hết thì được hai tánh không. Nếu khi được hai tánh không, cũng chẳng được khởi tưởng hai tánh không, cũng chẳng được khởi nghĩ tưởng có bố thí, tức là chân thật hành bố thí ba-la-mật, cũng gọi là môn duyên đều bất. Môn duyên đều bất, tức là tất cả pháp tánh không ấy vậy. Pháp tánh không là tất cả chỗ không tâm. Nếu khi được tất cả chỗ không tâm là không có một tướng có thể được. Vì sao? Vì tự tánh không, nên không một tướng có thể được. Không một tướng có thể được là tướng thật. Tướng thật là tướng Như Lai diệu sắc thân. Kinh Kim Cang nói: Lia tất cả các tướng gọi là chư Phật.” (2)

Tới đây, câu hỏi nêu lên là: Bố thí cách nào để có thể lia hết tất cả các tướng? Làm sao có thể nhận ra thực tướng chính là vô tướng?

Đức Phật dạy trong Kinh Kim Cang: ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm... Tức là, khi không vướng vào tất cả các pháp, khi không dính mắc vào bất kỳ một pháp nào trong sắc thọ tưởng hành thức thì Niết bàn diệu tâm sẽ hiển lộ.

Như thế, chỉ cần một chữ thôi, là không trụ, không dính mắc, không chấp trước. Khi một tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng nhà sư chỉ xin dạy một câu ngắn gọn để lui về góc núi ngồi trọn đời tới khi giải thoát, Đức Phật nói rằng hãy không dính mắc, không chấp trước là sẽ giải thoát (bản dịch Bhikkhu Bodhi: By not clinging one is freed; và bản dịch Bhikkhu Sujato: Not grasping, you're free.).

Kinh SN 22.63, bản dịch của HT Minh Châu, trích:

“Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.”

“Ai chấp trước, này Tỳ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma.”

Như thế, trong thời đại dịch, khi đồng bào và cả thế giới đang rơi vào hiểm nạn, không gì hơn là hãy thực hành lời Đức Phật dạy: giữ giới, hộ trì sáu phương, bố thí, cúng dường, hồng pháp, thuận theo pháp tánh để ngộ nhập Niết bàn vô tướng, và không để tâm dính mắc bất kỳ một pháp nào, tức là giải thoát. Do vậy, hãy làm vô lượng thiện pháp, nhưng không hề thấy có ai làm và không hề thấy có pháp nào được làm.

Ghi chú:

(1) Thuận Tánh Khởi Tu (thuvienhoasen.org)

(2) Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn (thuvienhoasen.org)♦



Thiền Viện Chân Nguyên lập Trai Đàn Chẩn Tế cho các oan hồn giữa đại dịch

Bài và hình HOÀNG MAI ĐẠT

Lễ Độc Lập năm 2020 của nước Mỹ đã diễn ra trong bầu không khí bất an, không tung bừng như mọi năm giữa trận đại dịch Covid-19. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử ngày lễ Fourth of July bị mất đi cái sinh khí náo nhiệt, mất đi niềm vui, thiếu tiếng reo hò, vắng tiếng cười ở những nơi mà người dân thường tụ tập để vui chơi trong một ngày hè nắng nóng. Tất cả chỉ vì mối lo âu trước sự lây lan của dịch bệnh. Trên toàn Hoa Kỳ, mà đặc biệt là tại California, chính quyền đã khuyên người dân không nên tụ tập ở nơi đông người, tránh đến những nơi công cộng, ngay các bãi biển nổi tiếng tại Nam California cũng bị đóng cửa, để tránh truyền nhiễm coronavirus. Riêng ở một nơi giữa vùng sa mạc của Nam California, một sự quy tụ khác đã diễn ra, hay nói đúng hơn là sự quy tụ của những hương linh theo sự cầu nguyện, kêu gọi những chúng sanh vô hình hãy về đây để được hưởng một sự bình an của tâm linh.

Vào hôm thứ Bảy đúng ngày Lễ Độc Lập Bốn



Hình trên, Hòa Thượng Thích Đăng Pháp, thứ ba từ bên phải, đang đọc lời cầu nguyện cho các hương linh được siêu thoát trong lúc các bài vị được đốt bên ngoài chánh điện của Thiền Viện Chân Nguyên ở Adelanto chiều thứ Bảy, 4 tháng 7, 2020. *Hình dưới*, Sư Ông Chân Nguyên, bên phải, và Hòa Thượng Thích Hạnh Đắc, giữa, tại bàn tụng sám, thứ Sáu.

Tháng Bảy, Thiền Viện Chân Nguyên ở thị trấn sa mạc Adelanto đã lập Trai Đàn Chấn Tế để cầu nguyện cho hơn nửa triệu người vừa mới qua đời vì đại dịch coronavirus, cho tất cả những nạn nhân chết bất đắc kỳ tử vì tai nạn, xung đột, chiến tranh, “chết mà không biết mình đã chết” theo lời của Sư Ông Viện Chủ Thiền Viện Chân Nguyên, Hòa Thượng Thích Đăng Pháp. Tính đến ngày hôm đó thì thế giới đã có hơn 535,000 người chết vì Covid-19, trong số này hơn 130,000 nạn nhân là người Hoa Kỳ. Riêng tại California thì số tử vong đã hơn 6,000 người.

Đặc biệt trong buổi lễ được tổ chức trong hai ngày thứ Sáu và thứ Bảy, chư tăng Chân Nguyên cũng tụng kinh cầu siêu cho các quân nhân Việt Nam Cộng Hòa đã tử trận trong cuộc chiến bảo vệ miền Nam hơn bốn thập niên trước, cho năm vị tướng oai hùng đã tự sát khi cuộc chiến chấm dứt, và cho 81 vị lính Nhảy Dù đã tử thương trong một tai nạn phi cơ tại miền Nam Việt Nam mà mới đây được an táng tại California và hầu hết chưa được biết danh tính.

Chương trình Trai Đàn Chấn Tế đặc biệt này bắt đầu từ 9 giờ sáng thứ Sáu với hàng giờ tụng kinh từ sáng đến chiều để cứu độ những oan hồn uổng tử, kết thúc vào chiều thứ Bảy với nghi thức mở cửa địa ngục để giải thoát những vong linh bị vướng nơi khổ ải. Bên trong ngôi chánh điện rộng lớn thường được mát mẻ với những luồng gió thổi qua những khung cửa mở rộng cho dù ngoài trời nắng nóng hơn 100 độ F, một dãy bàn thờ Phật, Bồ Tát được các Phật tử

đựng lên dành riêng cho buổi lễ trên lối đi vào giữa chánh điện. Ở hai bên tường là hai bàn thờ dành cho các hương linh cần được cầu siêu. Ở cửa ra vào là một bàn lớn với thức ăn mà phần lớn là những hộp bánh, gói kẹo, bịch chip do các thân nhân mang đến cho các vong linh. Bên ngoài sân cũng có những bàn thức ăn tương tự đặt ở các tượng Phật A Di Đà, Phật Di Lặc, và Quán Thế Âm Bồ Tát.

Gần nơi thờ Phật trong chánh điện là một bàn trải khăn vàng dành cho năm vị tăng trong ban tụng sám, với Sư Ông Chân Nguyên là chủ sám cùng tụng với Hòa Thượng Thích Hạnh Đắc, Hòa Thượng Thích Linh Quang, Thầy Thích Nguyên Toàn, và Thầy Thích Nguyên Hiếu. Mặc dù đã 79 tuổi, Hòa Thượng Thích Đăng Pháp, người được các Phật tử của chùa gọi một cách tôn kính là “Ôn” hay “Ôn trụ trì,” vẫn giữ được giọng khỏe để tụng kinh theo Nhã Nhạc Cung Đình Huế trong suốt hai ngày.

Giữa giờ giải lao ngày thứ Sáu, Ôn giải thích riêng với ký giả về mục đích của buổi lễ Trai Đàn Chấn Tế dành cho các oan hồn uổng tử, “Như Lai Đức Phật dạy chúng ta phải lấy lòng bi mẫn để thương cho những người ra đi không nói lời từ giã với gia đình, người thân thuộc. Ra đi như vậy thì họ không có sự bình an, mà không có sự bình an thì không về được cõi an lạc.

“Trước cơn đại dịch hiện nay thì thiền viện, các chư tăng và Phật tử có nhã ý lập lễ Trai Đàn Chấn Tế để cầu nguyện cho những oan hồn uổng tử không có nơi nương tựa, không có lời từ biệt ra đi lần cuối, cho



Vì đại dịch, buổi lễ Trai Đàn Chấn Tế chỉ được thông báo trong nội bộ chùa, không phổ biến trên truyền thông như mọi lần.



Các Phật tử bày thêm thức ăn trước tượng Phật A Di Đà chiều thứ Bảy, 4 tháng 7, 2020.

tất cả những người chết vì dịch corona, và cho năm vị tướng tuần tiết tại miền Nam Việt Nam và 81 vị biệt kích chết bất đắc kỳ tử. Cũng có một số Phật tử đóng góp cúng dường cho tất cả các hương linh đó và cầu nguyện cho hương linh chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, cũng như những nạn nhân vượt biên, vượt biển, những người hy sinh cho quốc gia, cho một nền độc lập tự do cho miền Nam Việt Nam.”

Thầy Đăng Pháp ngưng vài giây như xúc động khi nhắc đến các chiến sĩ từng chiến đấu cho miền Nam Việt Nam, rồi nói tiếp, “Làm Trai Đàn Chấn Tế để tưởng nhớ công ơn của họ, để thấy sự ra đi của họ xứng đáng cho những người còn lại, và biết ơn và tôn sùng họ. Cho nên chúng tôi làm Trai Đàn Chấn Tế hôm nay.”

Về nghi thức làm lễ theo nhạc cung đình đã có từ thời Vua Tự Đức vào thế kỷ thứ 19, Ôn trụ trì nói, “Thầy cũng là người Huế cho nên ít nhiều chi cũng thâm nhập vào cái nếp sống biết ơn của người Huế, cho nên thầy làm cái trai đàn chấn tế này theo lễ nhạc cung đình. Thầy đã chuẩn bị hai tháng, tập cho tất cả các chú tăng ở đây chơi theo lối nhạc của cung đình và tụng kinh theo lối của Huế.”

Nhắc tới Huế, hầu như những ai từng sống ở cố đô này hơn nửa thế kỷ trước đều không thể nào quên cuộc thảm sát Tết Mậu Thân năm 1968. Mùa xuân năm đó quân Cộng Sản, hay Việt Cộng, đã tràn vào chiếm cố đô và giết hơn 4,000 thường dân. Theo Bách

Khoa Wikipedia, số tử vong có thể lên tới 6,000 người với rất nhiều nạn nhân được tìm thấy hài cốt trong những hố chôn tập thể.

Đi ngược lại thời gian xa hơn nữa, trở về một ngày trong năm 1885. Ngày đó, ngày Kinh Đô Huế thất thủ, được nhắc tới là ngày 23 tháng 5 Ất Dậu (tức là đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 tháng 7 dương lịch), Huế đã chứng kiến một cuộc thảm sát đẫm máu tương tự như Tết Mậu Thân gần 80 năm sau, với hàng ngàn thường dân và binh lính của triều đình đã bị quân Pháp giết hoặc đập nhau chết lúc tản cư trong hoảng loạn.

Người chết vì giặc ngoại xâm hay giặc theo chủ thuyết ngoại lai đều đã để lại một cố đô Huế với quá nhiều vong hồn vất vưởng ở mọi nẻo đường, góc phố. Thế nên mỗi năm vào ngày 23 tháng 5 âm lịch, mặc dù không nói ra, người dân ở đây vẫn thường bày biện mâm cúng oan hồn uổng tử, tưởng nhớ đến những người đã chết oan trong biến cố 1885 và 1968. Họ cúng cho vong linh được được ấm áp ở cõi âm, được siêu thoát ra khỏi cõi dương này.

Thế nên Hòa Thượng Đăng Pháp đã không quên cái nếp sống ấy của người Huế. Lối nhạc và cách tụng kinh ngân nga, bi ai của Huế đã được Ôn trụ trì xướng lên trong bài Văn Tế Chiến Sĩ Trận Vong, Lương Dân Tử Nạn tụng trong ngày thứ Bảy: “Hôm nay 4 tháng 7 năm 2020, ngày tốt giờ lành Mỹ Quốc, California tiểu bang, Adelanto thành phố, Thiên Viện Chân Nguyên



Từ bên trái là thầy Linh Quang, thầy Đăng Pháp, và thầy Hạnh Đắc trong buổi lễ sáng thứ Sáu.

tăng đoàn cùng Phật tử, đồng tâm thành kính hòa hợp nơi đây. Trộm nghĩ rằng sống được an vui, ở được bình ổn, cơm no áo ấm, thanh vượng mạnh lành, nhờ sự hy sinh của các đấng anh linh đã xả thân che chở. Hôm nay tạm dùng trà nển, quả thực, hương trai, gọi là đền ơn cao nghĩa cả, để tỏ lòng mến tiếc kính yêu.

“Kính dâng lên liệt vị quân dân cán chính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Hải Lục Không Quân cùng năm liệt vị Tướng sĩ nêu gương tuấn tiết: Lê Văn Hưng, Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ, Trần Văn Hai, Phạm Văn Phú, cùng 81 Biệt Kích Dù vị quốc vong thân, tôn linh vị tiên...”

Lời tụng đầy thương xót đã vang lên trong chánh điện, giữa lúc các Phật tử mà hầu hết đều mang khẩu trang đã ngồi lắng lòng nghe. Vì đang giữa mùa dịch cộng với lời khuyên tránh tụ tập từ Thống Đốc Gavin Newsom của California, buổi Trai Đàn Chấn Tế chỉ được thông báo trong nội bộ các Phật tử của chùa Chân Nguyên, không phổ biến đến đại chúng ở Quận Cam như trong các buổi lễ lớn khác trong năm. Tuy vậy, số Phật tử đến dự trong cả hai ngày cũng lên tới khoảng bốn-mười người. Họ ngồi yên lặng lắng nghe các thầy tụng kinh, hồi hương công đức đến các vong linh đang vất vưởng chưa biết siêu sinh về đâu.

“Họ là oan hồn uổng tử, vất vưởng, khổ lắm, tội nghiệp họ lắm,” bác Phổ Nghĩa Võ Thiện Hiếu nói. Bác là một trong các vị cư sĩ đã hỗ trợ cho Thầy Đăng Pháp từ ngày thiên viện còn là một mảnh đất trống

chưa có hàng rào, chỉ có một chiếc mobile home vừa là nhà ở cho thầy trụ trì vừa là chánh điện vào khoảng năm 2000.

“Tui gắn bó với thầy từ lúc mới mua miếng đất tới giờ,” bác Phổ Nghĩa nói trong giờ nghỉ trưa trong căn thất của bác nằm ở phía sau chùa. Có lẽ vì sự gắn bó, thân thiết như vậy, lại biết rõ các nghi thức nên bác được giữ vai trò đại diện đại chúng trong buổi lễ Trai Đàn Chấn Tế. Bác lễ lạy mỗi khi nghe các thầy xướng đến phần khấn vái của đại chúng.

Bác giải thích về những vong linh, “Họ là những oan hồn uổng tử, thành ra lang thang dữ lắm. Cốt ý mình làm cái trai đàn chấn tế này để quy tụ họ trở về cái nơi chốn mà họ trú. Điều quan trọng là họ có thể về đây mà trú được. Mình tạo điều kiện cho họ được





Thầy Nguyên Toàn đang đội mũ cho Ôn trụ trì.



Đạo hữu Chân Tịnh cạnh bàn cúng vong chiêu thứ Bảy.





Lễ mở cửa ngục cho các vong linh tại Thiền Viện Chân Nguyên chiều thứ Bảy, 4 tháng 7, 2020.



Bác Phổ Nghĩa đang quỳ dưới cầu vồng, trong lúc Thầy đang làm nghi thức đưa vong thoát ngục tù để đến cảnh giới an lạc hơn.



an ổn tinh thần để họ có được một cuộc sống về sau tươi sáng hơn.”

Tuy đã lớn tuổi, trên bảy mươi chứ không ít, bác Phổ Nghĩa vẫn còn đủ sức khỏe để giữ vai trò còng lưng quỳ gối, dùng đầu và lưng của mình làm nhịp cầu trong nghi thức cuối cùng của buổi lễ chiều thứ Bảy. Đó cũng là lúc không khí trong chánh điện bỗng trở nên sống động khi các tăng ni và Phật tử cùng bước theo Thầy Đăng Pháp đi nhiều hành quanh các bàn thờ Phật, thờ Bồ Tát và hai bàn hương linh.

Lúc ấy Sư Ông đầu đội mũ, tay cầm tích tượng cột miếng vải đỏ làm nghi thức mở cửa địa ngục cho các vong linh được ra ngoài và bước lên một chiếc cầu làm bằng vải trắng để đến cõi an lạc hơn. Bác Phổ Nghĩa phải đội đầu làm nhịp đỡ cho chiếc cầu giải thoát ấy. Là một sư huynh chuyên dạy Thể Dục Dưỡng Sinh Hồng Gia trong mấy chục năm, nên bác đã có thân hình rắn chắc của một võ sĩ, đủ sức khỏe để “đội” chiếc cầu, trong khi các Phật tử cầm các bài vị với tên tuổi của hương linh viết bên trên đưa lên cầu. Sau đó các bài vị được đốt ở bên ngoài chánh điện, tượng trưng cho sự siêu thoát, không còn vất vưởng, lang thang trong cõi ta bà của sự khổ đau.

Trong những người không còn vất vưởng ấy có lẽ

có 81 vị Biệt Kích Dù từng mất mạng trong một chiếc vận tải cơ của quân đội Hoa Kỳ lâm nạn trên miền núi tại Tuy Hòa năm 1965. Hài cốt của họ đã trộn lẫn vào nhau khi được người Mỹ tìm thấy và mang đến Hawaii. Sau hơn ba thập niên ở phòng thí nghiệm Hawaii, hài cốt của 81 tử sĩ thuộc Đại Đội 72, Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù đã được an táng trong một nghi lễ trang nghiêm và trịnh trọng tại Westminster vào tháng 10, 2019.

Bác Phổ Nghĩa từng đi tìm danh sách của 81 vị biệt kích này để viết bài vị cho họ nhưng không tìm ra, dù đã liên lạc với Hội Gia Đình Mũ Đỏ. “Thực sự không ai có danh sách chính xác, chỉ có tổng quát thôi. Chỉ có vài thân nhân biết. Họ có đến đây hôm nay,” bác nói. “Chỉ có chùa này làm Trai Đàn Chẩn Tế cho 81 vị Biệt Kích Dù nhân dịp cầu nguyện cho các nạn nhân dịch Covid-19.”

Ngẫm nghĩ về cơn đại dịch còn đang hoành hành khủng khiếp trên trái đất, bác Phổ Nghĩa nói, “Trong buổi lễ này các thầy đã luôn luôn chú nguyện cho toàn thể các nạn nhân dịch Covid trên khắp thế giới, không chỉ cho các nạn nhân Việt Nam. Mình làm lễ để mở đường cho họ, mong sao cho họ được qua cầu, không còn lang thang ở đầu ghềnh cuối bãi, và được siêu thoát.” ♦



Một số Phật tử chụp hình lưu niệm với các thầy trước khi buổi lễ chấm dứt chiều thứ Bảy.

Thế là thiên hạ hoảng loạn thật sự, ban đầu chỉ là Vũ Hán và vài nơi ở Trung Hoa, sau lan tràn ra cả trăm quốc gia, khắp cả năm châu, nhiều ổ dịch khác từ Daegu, Nam Hàn; Lombardy, Ý; đến New York, Hoa Kỳ. Coronavirus hay còn gọi là Covid-19 là con vi khuẩn nhỏ bé không thể nhìn thấy bằng mắt thường nhưng đã quật ngã con người, làm cho con người hoảng sợ. Con người xưa nay vẫn tự phụ là thông minh, mạnh mẽ, làm chủ thế gian này. Con người xưa nay tự cho mình có sức mạnh, có thể khống chế thiên nhiên.

Tiếc rằng chỉ vài con virus vô cùng nhỏ là đủ cho con người tiêu tủng, lịch sử cũng từng có những trận dịch làm vơi đi nửa loài người. Có những trận thiên tai xảy ra trong chốc lát đủ phá hủy hết những công trình mà loài người tốn hàng chục hoặc hàng trăm năm mới dựng nên, cuồng phong, sóng thần, hỏa hoạn tính bằng giờ, động đất tính bằng giây. Bấy kỳ quan cổ đại của nhân loại xa xưa cũng đã thành cát bụi, thành phố Atlantic cũng đã chìm dưới đáy đại dương, thành Pompeii vùi trong lòng đất... Xem ra sức mạnh, trí khôn, năng lực con người chẳng ăn thua gì cả.

Con người mạnh thế, đông đúc và ngạo mạn thế nhưng chỉ một cơn dịch bệnh là lộ ra cái yếu, cái mong manh, tính vô thường chẳng khác nào chàng lực sĩ Achilles có sức mạnh phi thường, tưởng chừng như vô địch nhưng chỉ cần chọt đúng vào gót chân thì anh ta sẽ bại sụp ngay. Ngày xưa người ta tưởng tượng ra ôn thần giận dữ gieo rắc dịch bệnh để trừng phạt con người. Ngày nay những ôn thần ấy là có thật, những ôn thần ấy không ở trên mây mà có mặt trong đời thường hàng ngày. Ai cũng có thể thấy, cũng có thể biết mặt.

Những ôn thần ấy khoác áo nhà khoa học ngày đêm nghiên cứu chế tạo vũ khí sinh học, vũ khí vi trùng, vũ khí hóa học và bao nhiêu thứ vũ khí khác giết người hàng loạt. Những ôn thần ấy khoác áo tướng lãnh quân sự, chính khách, chính trị gia.. chỉ một lời nói, một lệnh hạ xuống, một cái phẩy tay có



Bài STEVEN NGUYỄN

thể giết chết hàng vạn người, xóa sổ cả một thành phố trong chớp mắt. Những ôn thần ấy khoác áo phi công, lái máy bay, từ hư không gieo rắc cái chết xuống mặt đất. Những ôn thần ấy khoác áo lái súng, thương gia vũ khí... gieo rắc chết chóc, tàn phá khắp nơi trên trái đất này. Những ôn thần là những trùm ma túy, xì ke... Mang cái chết chậm đến từng người, từng nhà. Những ôn thần ấy là những thực khách ngu muội, tham lam ăn uống vô độ, ăn không chừa con vật nào trên thế gian này, ăn tàn bạo đã man từ óc khỉ, máu rắn, soup dơi, cá sống, côn trùng, thú trên rừng, chim trên trời, cá dưới nước... Nghiệp sát sẽ báo oán, vi khuẩn, virus từ động vật hoang dã sẽ lây lan qua người. Ôn thần ngày nay nhiều quá, nhiều vô số, những ôn thần với muôn hình vạn trạng, mang nhiều khuôn mặt và danh vị khác nhau.

Thế giới này mong manh lắm, vô thường lắm! Con virus nhỏ tí ti có thể làm sụp đổ cả một nền văn minh, có thể hủy diệt một phần nhân loại như chơi! Quốc độ này thật sự mong manh và vô thường!

Con coronavirus (Covid-19) từ đâu ra? Người thì bảo từ chợ hải

sản Vũ Hán, kẻ thì bảo từ món soup dơi, từ động vật hoang dã... nhưng cũng có nhiều tin tức bảo rằng nó thoát ra từ phòng thí nghiệm, nó là đòn độc để hạ bệ nhau của những thế lực chính trị. Dù thế nào đi nữa cũng đều có lý cả! Thật sự ôn dịch vẫn thường xảy ra từ xưa đến nay và sẽ còn tiếp tục xảy ra nữa. Ôn dịch xảy ra với nhiều nguyên nhân và lý do khác nhau nhưng đều có chung cái gốc là nghiệp sát chín muồi và là cộng nghiệp của loài người. Dịch hạch, dịch chuột, dịch tả, dịch cúm (gà, heo, bò), dịch sars, dịch coronavirus...

Ôn dịch là một trong tam tai kiếp nạn của loài người, của quốc độ này: Thủy hỏa binh đao, ôn dịch, nạn đói. Một khi quả đã chín muồi thì nó ắt xảy ra, không có ai cũng chẳng có một thế lực nào có thể ngăn chặn hay hóa giải được! Tam tai kiếp nạn vốn có liên hệ chặt chẽ với nhau, cái này xảy ra thì dẫn đến cái kia. Theo cái nhìn nhà Phật là nghiệp sát gây nên, khi nghiệp sát chín muồi thì tự nhiên sẽ xuất hiện những tay bạo chúa, tàn sát vài vạn, vài triệu, vài chục triệu mạng người như con sâu cái kiến. Xưa nay thủy hỏa binh đao có bao giờ nguôi, không đánh lớn thì đánh nhỏ, không nơi này thì nơi khác, không lúc này thì lúc khác, đánh nhau với muôn vàn lý do nhưng không ngoài việc tranh đoạt, cướp bóc vì tài, sắc, danh, thực. Thế giới chưa bao giờ yên, không có ai đếm xuể bao nhiêu cuộc chiến đã và đang xảy ra trong thế giới loài người

Khi nghiệp sát chín muồi thì chiến tranh xảy ra, ôn dịch hoành hành và thường thì nạn đói kém cũng sẽ đến. Thế giới hiện đại hôm nay với khoa học kỹ thuật tân tiến, y học phát triển cao có thể khắc phục phần nào dịch bệnh, đói kém nhưng mặc khác khoa học kỹ thuật tân tiến lại làm cho chiến tranh tàn khốc hơn, chết chóc nhiều hơn, tàn phá kinh khủng hơn. Bom A, bom H, vũ khí laser, vũ khí siêu âm, siêu thanh, vũ khí hoá học, vũ khí vi trùng... đủ sức hủy diệt thế gian này. Người ta tính rằng, nếu lượng vũ khí hạt nhân trên trái đất đồng loạt nổ thì dư sức hủy diệt quả địa cầu này.

Thế giới hôm nay với trình độ khoa học kỹ thuật tân tiến, kỹ thuật điện toán quá tinh vi, mọi người kết nối với nhau, các quốc gia liên kết nhau thành một mạng lưới, tất cả ràng buộc và tác động qua lại lẫn nhau về mọi mặt từ chính trị, quân sự, kinh tế... Toàn cầu hóa có những mặt tốt của nó nhưng hậu quả cũng vô cùng kinh khủng, thậm chí cái lợi chẳng bù được cái hại. Lịch sử loài người chưa bao giờ mà thiên nhiên bị tàn phá, hủy hoại nặng nề như hôm nay. Núi rừng cạo sạch, đất đai hoang hóa, tài nguyên cạn kiệt, sông hồ, biển cả ô nhiễm nghiêm trọng, khí hậu biến đổi, băng tan, biển dâng, nhiệt độ tăng, muôn loài bị tàn sát và nguy cơ tuyệt chủng... Mẹ thiên nhiên bị tổn hại nặng nề vì sự tham lam, ích kỷ và ngu muội của con người.

Toàn cầu hóa đem lại lợi nhuận lớn kinh khủng cho nước Tàu và các tập đoàn, công ty của phương Tây. Cái câu “Mua tận gốc bán tận ngọn” chưa bao giờ chính xác như hôm nay. Các công ty Âu-Mỹ tận dụng nguyên liệu, tài nguyên, nhân công rẻ từ các nước nghèo để sản xuất và mang hàng về bán ở chính quốc. Mức độ lời quá to lớn, tiền bạc chảy vào túi ông chủ và lãnh đạo tập đoàn như thác lũ, tài sản họ tăng lên từng giờ. Điều đó cũng

đồng nghĩa với môi trường thiên nhiên các nước nghèo bị tàn phá tệ hại trong từng phút, từng giờ.

Toàn cầu hóa làm tăng cái khoảng cách giàu nghèo giữa con người lên đến mức không tưởng nổi. Loài người từ khi hình thành và phát triển đến giờ, chưa khi nào mà sự chênh lệch tàn nhẫn đến như thế!

Toàn cầu hóa đã cho con rồng đỏ một cơ hội vàng. Nó trở nên cường bạo, hung hãn và tham lam hơn bao giờ hết. Nó đã lợi dụng cơ hội để tích lũy tiền của, ăn cắp công nghệ, cướp biển, chiếm đảo, cắm móng vuốt vào các nước nghèo, thò tay vào tận sân sau là Mỹ La Tinh, áp đặt ảnh hưởng lên châu Phi, dòm ngó Bắc Cực... Con rồng đỏ đang đe dọa an ninh, hòa bình của thế giới này. Nó lăm le giành lấy ngôi vị số một của đại bàng. Toàn cầu hóa cho nó sức mạnh vô địch, vì vậy mà nó ngạo mạn, hung hăng, hống hách và thẳng tay tàn độc.

Toàn cầu hóa đã buộc các nước lệ thuộc nó, nhờ cơn dịch coronavirus mà thấy rõ hơn, hàng loạt nhà máy, hãng xưởng phải đóng cửa hoặc đóng một phần vì phụ tùng từ Tàu không thể xuất đi được. Nó dùng cái thuyết “Nhất đời nhất lộ” để tóm cả thế giới này,

buộc hàng loạt các quốc gia khác vào trông của nó. Nó vẫn mơ nó là cái rốn của vũ trụ, giống như tổ tiên ngày xưa của nó từng mơ.

Một trận ôn dịch xảy ra, có thể từ thiên nhiên, có thể từ phòng thí nghiệm vũ khí sinh học làm tiết lộ... nhưng nó đã thấm đòn, nó đã biết sợ! Thật sự chẳng có sức mạnh nào có thể chống lại được vô thường, chẳng có thể lực nào thoát khỏi luật nhân quả. Cái lẽ thành-trụ-hoại-không vẫn hiển hiện trong từng phút giây, từng tương của thế gian này. Vô thường và tự nhiên không thuận theo ý muốn chủ quan của bất cứ cá nhân hay tập thể nào. Luật nhân quả chẳng chịu sự chi phối của bất cứ thế lực nào, dù là con người hay thánh thần. Một khi nghiệp sát chín muối thì con người phải trả giá cho những gì mình gây ra. Chỉ tội cho những nạn nhân vô tội nhưng vì cộng nghiệp mà phải chịu chung hậu quả.

Con người trong thế giới hiện đại hôm nay càng ngày càng tham lam vô độ, sân hận lầy lừng, si mê cực độ nên chiến tranh và ôn dịch cũng sẽ theo đó mà phát sanh, mức độ cũng sẽ càng tệ hại hơn. Không có bất cứ thế lực phi phạm nào có thể cứu nổi, không có cầu nguyện nào giúp được. Con người phải thức tỉnh và tự cứu lấy mình mà thôi!♦



Tất cả chúng ta đều ở trong cùng một chuyến xe. (Hình: Zydeaosika / Pexels)

‘Muôn Kiếp Nhân Sinh’

của GS John Vũ

và

đại dịch nhân quả

Bài NGUYỄN VĂN PHƯỚC

Cách đây nhiều tháng, đầu năm 2020, sau khi hoàn tất bản thảo ‘Muôn Kiếp Nhân Sinh,’ Giáo Sư John Vũ - Nguyễn Phong đã rất quan tâm và dặn dò kỹ đội ngũ First News - Trí Việt, và không chỉ dặn một lần. Qua nhiều năm trao đổi khá sâu, tôi thật sự kinh ngạc và thán phục sự hiểu biết và khả năng nhìn trước mọi việc trên thế giới của Giáo Sư, cứ như Giáo Sư là một vị nào đó trong thần thoại được cử xuống trần gian này. Tôi đã học được nhiều điều ý nghĩa, rất giá trị từ Giáo Sư. Nay tôi xin được nhắc lại để mọi người cùng suy xét, chiêm nghiệm sáu lời khuyên của GS John Vũ về đại dịch nhân quả:

1. Mọi người luôn ghi nhớ giữ gìn sức khỏe và thật bảo trọng, luôn đeo khẩu trang, rửa tay thường xuyên - vì loại virus này không hề giống bất kỳ loại virus nào từng biết trước đây, có thể biến thể khôn lường và không hề đơn giản như mọi người kỳ vọng, có thể tái phát bất kỳ lúc nào, và không chỉ tác động tới phổi - mà còn ảnh hưởng các cơ quan nội tạng khác của con người, và sẽ phủ rộng độ tuổi chứ không chỉ tập trung vào người lớn tuổi. Và sức khỏe, mạng sống là điều quan trọng hơn bất kỳ điều gì khác trên đời này - và quan trọng nhất vẫn là sức khỏe tinh thần.

2. Đại dịch diễn ra mức độ sẽ không giống nhau ở từng quốc gia vì cộng nghiệp của mỗi quốc gia có khác nhau, tùy vào độ nhận thức, thay đổi, thức tỉnh của lãnh đạo và đa số người dân trong quốc gia đó



có thể tác động chuyển đổi tai họa của thiên tai dịch họa vũ trụ, và đại dịch - dù có thể khởi đầu là do nhân tạo.

3. Thế giới có thể sẽ không dừng lại với đại dịch COVID-19 này, mà có thể xảy ra nhiều thiên tai khác như động đất, sóng thần, lụt lội, núi lửa (do thiên nhiên bị tàn phá, vũ trụ tìm sự cân bằng mới, sự di chuyển lệch hướng của các vì tinh tú, trái đất đang nóng dần lên, băng tan mạnh ở hai đầu Bắc và Nam Cực nhiều năm nay)... Và cả chiến tranh sẽ xảy ra khi một số quốc gia lớn không từ bỏ tham vọng bành trướng bá quyền.

4. Sau đại dịch sẽ là suy thoái kinh tế toàn cầu, nên mọi người nên tiết kiệm, chuẩn bị ứng phó lâu dài.

5. Đây là giai đoạn con người bớt hướng ra ngoài với những thói quen, nhu cầu, ham muốn trước đây - mà tập trung sẽ chia, hướng vào nội tâm mỗi người, khám phá, điều chỉnh và hoàn thiện mình. Và chọn đọc sách là một trong những điều nên trải nghiệm để thay đổi nhận thức, chuyển đổi tâm thức, nhất là giới trẻ, sinh viên học sinh và bất cứ ai muốn thay đổi tương lai tâm linh, nghiệp quả của chính mình.

6. Sự thay đổi tâm thức, nhìn nhận nghiêm túc lại, chuyển đổi điều chỉnh cách nghĩ, cách sống, thái độ sống, sự yêu thương chia sẻ con người và hướng về sự hoàn

thiện bản thân là bước đầu tiên để chuyển đổi hướng căn đi, cũng có thể chuyển đổi được nhân quả của mỗi người mà bất kỳ ai đều có. Bất kỳ một ai cố chấp, háo danh, háo thắng và chủ quan không chịu thật sự học hỏi, chuyển biến sẽ phải học đi học lại bài học cho đến khi thật sự thức tỉnh hiểu biết mới thôi.

Tôi nhớ mãi lời nguyện cuối cùng của Thomas - khi đồng ý tiết lộ những câu chuyện rất riêng tư thiên cơ bất khả lộ, chưa từng có tiền lệ, rất kỳ lạ trong ‘Muôn Kiếp Nhân Sinh’ - và cũng là của Giáo Sư John Vũ, với tôi và với nhiều người Việt Nam ở trang 388: “Tôi mong mỗi người chúng ta như cánh bướm rung động, dù mong manh nhưng có thể cộng lực sẽ tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh con người - để tương lai chúng ta được may mắn, tốt đẹp hơn.”

Và trong thư gán đây, GS John Vũ khi thấy tôi tặng sách cho nhiều người, có ý dặn: “Riêng cuốn sách này, ai đủ duyên sẽ tìm đọc, không nên tặng cho những ai mà bản thân họ không muốn đọc,” và “Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bằng chỉ đường, hướng con người về thiện lương.”

Thay mặt rất nhiều bạn đọc và người dân Việt Nam, xin chuyển đến GS John Vũ lời tri ân chân thành, vì tất cả, vì ‘Muôn Kiếp Nhân Sinh.’ ♦

Về cuốn 'Muôn Kiếp Nhân Sinh'

Nguyên THƯ VIỆN HOA SEN

'Muôn Kiếp Nhân Sinh' là tác phẩm do Giáo Sư John Vũ - Nguyên Phong viết từ năm 2017 và hoàn tất đầu năm 2020, ghi lại những câu chuyện, trải nghiệm tiền kiếp kỳ lạ từ nhiều kiếp sống của người bạn tâm giao lâu năm, ông Thomas, một nhà kinh doanh tài chính nổi tiếng ở New York. Những câu chuyện chưa từng tiết lộ này sẽ giúp mọi người trên thế giới chiêm nghiệm, khám phá các quy luật về luật Nhân Quả và Luân Hồi của vũ trụ giữa lúc trái đất đang gặp nhiều tai ương, biến động, khủng hoảng từng ngày.

'Muôn Kiếp Nhân Sinh' là một bức tranh lớn với vô vàn mảnh ghép cuộc đời, là một cuốn phim đồ sộ, sống động về những kiếp sống huyền bí, trải dài từ nền văn minh Atlantis hùng mạnh đến vương quốc Ai Cập cổ đại của các Pharaoh quyền uy, đến Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ ngày nay.

Cuốn sách là câu chuyện về những tiền kiếp mà một người bạn của GS John Vũ kể lại. Trong hành trình đó và trong giới hạn của cuốn sách, người này được trải nghiệm bản thân mình ở hai tiền kiếp, một là ở nền văn minh Atlantis đã từng xuất hiện trên trái đất và cuối cùng bị hủy diệt, chìm sâu dưới đáy đại dương; hai là ở những kỳ cuối của nền văn minh Ai Cập cổ.

Cuốn sách mở đầu bằng cuộc gặp gỡ giữa những nhà khoa học



Giáo Sư John Vũ - Nguyên Phong

danh tiếng và một vị hòa thượng. Từ những trang đầu, cuốn sách đã hấp dẫn vì chính những nhà khoa học đã hoài nghi về nền khoa học thực nghiệm, đánh đổ giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ Big Bang, và cả thuyết tiến hoá của Darwin. Từ đó, dẫn người đọc vào câu chuyện tiền kiếp kỳ của nhân vật Thomas, một doanh nhân Mỹ, qua những kiếp sống ở châu Atlantis, ở Ai Cập cổ đại.

Đối với những độc giả không có lòng tin vào đạo Phật, sẽ thấy đây giống như sách khoa học viễn tưởng, nhưng đối với một người đã quen với các triết lý đạo Phật thì như một sự thật hiển nhiên. Tác giả Nguyên Phong đồng thời cũng là một nhà khoa học, nên ông dùng những lý thuyết khoa học để giải thích tác dụng việc ăn chay đối với sức khoẻ, giải thích tình yêu thương có thể chữa lành, tác hại của khoa học công nghệ lên trí não con người, làm rõ luật Nhân Quả, Luân Hồi, Tiến Hóa... trên phương diện khoa học, khiến cuốn sách thêm phần thuyết phục và dẫn câu chuyện ra nhiều không gian, thời gian khác nhau để người đọc có cái nhìn tổng quát hơn.

Những câu chuyện cực kỳ lôi cuốn trong sách không chỉ cho ta hiểu thêm về những quá khứ huy hoàng giờ chỉ còn là cát bụi, mà còn để chứng thực một điều rất quan trọng: Luật Nhân Quả và Luân Hồi là có thật.

Thực ra, điều này không mới

mẽ với tôn giáo, nhất là Phật giáo. Lục Đạo Luân Hồi giảng rằng linh hồn con người sẽ không chết đi khi thể xác này chết đi, mà tùy theo duyên nghiệp, phúc đức, cùng những mối liên kết rất vi tế rất sâu xa, mà chuyển sinh theo sáu ngã. Thân người có hạn, mà sinh mệnh quá nhiều, vậy nên "nhân thân nan đắc" - thân người khó được, là điều Phật đã giảng. Cơ hội để được chuyển sinh làm người quá khó, bởi con người sống là tạo nghiệp, nên đa số chuyển sinh thành súc vật, sâu bọ, ngựa quỷ, thậm chí thực vật, trải qua hàng ngàn, hàng chục ngàn, thậm chí hàng triệu đời như thế, mới lại có cơ hội được làm người.

Vì sao nói làm người là khổ? Vì sao Thần Phật, hay những bậc thánh nhân lại muốn "độ nhân"? Chính là vì con người cứ luẩn quẩn trong cái vòng luân hồi này, không thoát ra được. Đời người trôi qua trong nháy mắt, biết bao danh lợi, tiền tài địa vị cố gắng phấn đấu, những người mà ta thương, rồi cũng phải bỏ lại. Kiếp sau là quên hết. Chỉ có vượt thoát ra khỏi vòng luân hồi, tới một cảnh giới cao hơn, thì mới hết khổ, mới là đại tự tại. Đó chính là ý nghĩa của việc tu hành, hay tu luyện. Chỉ có thân người mới tu luyện được, vậy nên được thân người là quá trân quý.

Hành trình tu luyện, do đó chính là hành trình trở về vĩ đại nhất của mỗi sinh mệnh trong kiếp người, đó cũng là hành trình gian khổ nhất, nên ít người muốn theo và có thể theo. Trong hành trình đó, kẻ thù chỉ có một - đó chính là bản thân mình.

Kể cả không thể, hay không muốn tu luyện, thì khi người ta hiểu rõ về luật nhân quả, luân hồi, rằng làm điều xấu ác sẽ phải nhận quả báo nặng nề, người ta cũng có thể kiềm chế cái tâm và hành động của mình. Ai cũng hiểu như vậy, thế giới này sẽ tốt đẹp hơn biết bao.

Cuốn sách 'Muôn Kiếp Nhân Sinh' ra đời vào đúng hoàn cảnh thế giới và lòng người đều đang

Tiếp theo trang 20 →



Thống khổ trần gian

Bài VĨNH HẢO

Khổ đau bao trùm cả nhân loại, cả thế giới. Đó là một sự thật, không ai có thể chối cãi. Chính vì không ai có thể tránh khỏi, khổ đau trở nên bình thường trong cảm nhận chủ quan của mỗi người; và nó chỉ khởi hiện rõ rệt khi bị đẩy lên vượt mức. Đến lúc ấy, người ta mới gục đổ và chịu nhìn nhận sự thật.

Chúng ta vờ quên đi rằng có một sự khổ, nhỏ hay lớn, luôn chực sẵn để đến với mình, bất cứ lúc nào. Chúng ta ngoảnh mặt với khổ đau, cố bám lấy những niềm vui tạm bợ để vượt qua đời sống này; hoặc giả, chúng ta đã tập quen chấp nhận, chịu đựng khổ đau.

Ngoảnh mặt hay chịu đựng không phải là cách giải quyết khổ đau. Trên thực tế, khổ đau đã theo chúng ta suốt chặng đường từ khi

sinh ra cho đến khi lìa đời. Các tôn giáo đã hướng dẫn chúng ta phương cách thoát khổ. Nhưng dù là bằng phương cách nào, trước tiên phải nhận chân được nguyên nhân gây nên khổ đau mới có thể tìm ra con đường trị liệu thích hợp.

Những thống khổ từ nghèo đói, bệnh hoạn, bất công xã hội, chiến tranh, thiên tai... chỉ là những hiện tượng mà ai cũng có thể thấy được, và có thể góp công sức hay tiền bạc để làm giảm thiểu hoặc xoa dịu. Nhưng nếu chiêm nghiệm sâu sắc hơn, sẽ thấy nguồn gốc khổ đau của con người là do tham và ái. Tham cầu những gì mình chưa có, hoặc có rồi mà không thấy đủ; yêu bản thân, yêu những gì thuộc về bản thân, yêu những gì bản thân muốn chiếm hữu hoặc đã chiếm hữu, yêu cả những gì đã được bản thân đồng hóa (như gia đình, nơi sinh ra, nơi sinh sống, dân tộc, màu da, tôn giáo, đảng phái, chủ thuyết, lý tưởng...). Nếu tham và ái luôn được đáp ứng thỏa đáng, và thành quả của chúng là thường hằng thì sẽ không có khổ đau, thống hận. Nhưng đó chỉ là thành quả (hay hạnh phúc, thỏa mãn) của chính cá nhân ấy, chưa kể là sẽ tác hại đến người khác như thế nào. Sự tham lam, chiếm hữu vô độ của một cá nhân chắc chắn sẽ gây thiệt thòi, tổn hại đến bao nhiêu người khác, trong gia đình, ngoài xã hội. Ngoài ra, kết quả của tham và ái này luôn bị tác động, chi phối bởi tính chất bất định, biến hoại của mọi sự mọi vật, và kể cả tâm lý. Do đó, hạnh phúc của cá nhân tham ái sẽ thay đổi, và thành quả vật chất mà cá nhân ấy thu đạt được cũng sẽ thay đổi. Sự thay đổi và luôn chuyển dịch của mọi hiện tượng tâm lý, vật lý trên thế gian này kết thành nỗi thống khổ chung, phổ cập toàn nhân loại và sinh chúng.

Đặc tính của biến hoại cũng chính là đặc tính của khổ đau con người.

Hành giả dấn thân vào đời, chỉ có mỗi tâm nguyện là trang trải lòng thương của mình đến tất cả, không phân biệt màu da, sắc tộc, giàu-nghèo, đẳng cấp... Máu và nước mắt của con người, dù ở quốc gia hay địa vực nào, cũng đổ

Muôn Kiếp Nhân Sinh

Tiếp từ trang 19

loạn lạc. Có thể đọc nó, bạn sẽ muốn sống chậm lại một chút để chiêm nghiệm, để bạn ý thức hơn về những hành động của mình, về giá trị của tình yêu thương bạn sẽ có thể muốn sống khác đi một chút để yêu thương nhiều hơn, và biết đâu bạn sẽ có thêm động lực mạnh mẽ để thay đổi số phận của mình.

“Nếu một người có ý thức và làm những điều thiện lành, dầu chỉ là việc nhỏ, thì họ cũng có thể tạo ra những ảnh hưởng tích cực, giúp thay đổi những người chung quanh. Nếu nhiều người cùng chung sức làm những việc lành, thì cả thế giới sẽ thay đổi.”

“Có những người gặp nhau có khi là có duyên, có khi là nợ, gặp nhau có lúc để trả nợ, có lúc để nói lại duyên xưa. Có biết bao việc trong đời, tưởng chừng là ngẫu nhiên nhưng thật ra đã được sắp đặt từ trước.”

“Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả chính là bằng chứng, giúp con người tìm về thiện lương.”

“Có người có cơ duyên được chứng kiến luật của nhân quả. Có người thì không, điều này còn phụ thuộc vào cơ duyên, nhận thức, trải nghiệm và niềm tin ở mỗi con người.”♦

và mặn như nhau (*), và vẫn là kết tinh của nỗi khổ sinh-tử. Thống khổ của con người và chúng sinh là vô tận; cho nên chí nguyện ban vui cứu khổ cũng vô tận. Trải nghiệm niềm đau nỗi khổ của chính mình mà thương tưởng đến tất cả chúng sinh. Dùng cái tâm ban đầu và đôi mắt tràn ngập thương yêu để ứng xử với cuộc đời. Không đứng bên này, bên kia, mà đứng từ nơi vũng lầy thống khổ của thế gian để cất bước đi của những kẻ khiêm cung, siêu xuất.

California, ngày 23 tháng 7, 2020

www.vinhhao.info

(*). Hình ảnh và ý này mượn từ một châm ngôn Phật giáo.♦

Cơn mưa mùa dịch bệnh

Bài TÂM NGUYỄN

C hưa khi nào tôi nghe tiếng xe cứu thương thường xuyên như những tháng vừa qua. Đọc tin tức trên mạng thì gần như lúc nào cũng có cụm từ COVID-19, nhiều chuyện buồn xảy đến với bao nhiêu người khắp nơi trên thế giới. Số người qua đời cứ tiếp tục tăng thêm nhanh đến nỗi tôi cảm giác như mình vô cảm trước những con số thay đổi liên tục mỗi ngày.

Tôi cũng hoang mang, cũng lo lắng, và cẩn thận đến mức quá đáng (theo như lời mẹ tôi nhận xét) khi phải đi chợ sáng sớm để mua vài thứ cần thiết. Tôi cứ nghĩ trong đầu là mình không sợ con vi-rút đó, đời người ai mà không trải qua sanh tử một lần. Thế nhưng khi đứng xếp hàng cách người đứng trước và người sau lưng khoảng cách chừng 2 mét, và khi thật sự bước vào bên trong chợ, chỉ thấy lác đác vài người vì người ta chỉ cho 10 khách vào một lượt, tôi bước đi như là đang bị theo dõi, nhìn tứ phía xem có ai đi gần mình để lập tức giữ khoảng cách.

Trước đây mỗi lần đi chợ mua nhiều đồ gấp mấy lần cũng chỉ cần chừng 40 phút là cùng, còn bây giờ thì tôi loay hoay mất gần hai tiếng đồng hồ trong chợ. Đứng ra tôi phải đi thật nhanh để những người khác đang chờ ở bên ngoài không phải mất thời gian vì cái tâm sợ hãi của mình. Cái tâm lo sợ thành ra tâm ích kỷ, và đó là chuyện của gần hai tuần trước.

Mấy ngày vừa qua trời có đổ vài cơn mưa, và cơn mưa chiều nay cảm giác như da diết hơn. Tôi được sanh



ra và lớn lên ở xứ sở của những cơn mưa triền miên nên mưa đối với tôi vừa thương, vừa tội. Và tiếng mưa là cái cơ để vọng tưởng trỗi dậy, mà vọng tưởng của tôi thì có đủ hỉ nộ ái ố của một nửa đời người để mỗi khi nhớ lại thì nghiệm ra gần như toàn là điều không hay do mình tự gây ra cho mình mà cứ tưởng là tại người khác.

Mưa cũng là giây phút hoài niệm cho tôi tự ngẫm lại mình khi được nghe những câu chuyện về những con người quên bản thân mình trong lúc dịch bệnh để người khác được bình an. Đó là những bệnh nhân bị nhiễm bệnh nhường máy thở cho người khác có cơ hội sống cao hơn. Đó là những vị bác sĩ, y tá và các nhân viên y tế khắp nơi ngày đêm làm việc bất chấp rủi ro lây nhiễm dịch bệnh để thực hiện thiên chức chữa bệnh cứu người. Đó là những người tình nguyện trong cộng đồng đứng ra quyên góp khẩu trang cho các bệnh viện trong lúc thiếu hụt. Đó là những cửa tiệm tạm thời trở thành cơ sở may khẩu trang trong thời gian đóng cửa để thực hiện quy định cách ly xã hội. Đó là những bậc tu hành và giáo dân của mọi tôn giáo thành tâm cầu nguyện bình an mỗi ngày. Đó là những nhà khoa học đang tận tụy thực hiện nhiều nghiên cứu để tìm ra vắc-xin ngừa bệnh trong thời gian sớm nhất. Đó là những dược sĩ, nhân viên phục vụ ở tất cả

các cửa hàng bán dược phẩm, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác ngày ngày vẫn đi làm để chúng ta vẫn còn được đáp ứng những nhu cầu tối thiểu. Đó là những người đưa thư, người giao hàng vẫn đi khắp nơi mỗi ngày để chúng ta vẫn có thể nhận thư từ hàng hóa. Đó là những người âm thầm làm sạch thùng rác ở các khu dân cư và nơi công cộng để giữ gìn vệ sinh chung. Đó là những tấm lòng nhân ái đóng góp tài thí cho các quỹ cứu trợ khẩn cấp, quỹ nghiên cứu y học, và quỹ giúp đỡ người nghèo đang bị chật vật hơn trong thời gian dịch bệnh. Và tôi biết còn nhiều nhiều lắm những trái tim ở khắp mọi nơi dành tình thương yêu san sẻ với người khác bằng nhiều cách trong khả năng của mình.

Tiếng mưa rơi chiều nay thôi thúc tôi viết lại kỷ niệm về Bà ngoại của mình mà mấy hôm rồi tôi cứ ấp ủ mãi trong lòng. Hơn bao giờ hết, tôi cảm nhận sự quý giá của bát cơm nóng và ly nước đầy lúc này. Các món ăn chay do mẹ tôi nấu cứ làm tôi nhớ quay quắt hình ảnh Bà ngoại mặc bộ đồ màu tối sậm ngồi riêng một mình với bát cơm chay mà thức ăn là quả chuối chín với muối rang hoặc là ly chè đậu xanh mua ở bà bán chè trước nhà.

Bà ngoại tôi là người duy nhất trong gia đình ba thế hệ sống chung có “khả năng” ăn chay theo cách mà nhiều cô, chú, bác trong nhà thường cười không hiểu sao Bà có thể ăn được kham khổ như vậy. Bà thường dâng hoa sen, hoa huệ, hoa lay ơn cúng Phật vào ngày Rằm, Mồng Một và Lễ Tết. Mấy bữa trước tôi có nghe mẹ tôi kể Dì tôi bỗng dưng phát bệnh mà cơ thể cảm giác “đau hơn đau đẻ.” Tôi buột miệng nói, “Mạ nói Dì ăn chay vài bữa đi, hoặc là giảm bớt các loại thịt tươi màu đỏ.”

Tôi biết điều này đâu phải là cách chữa trị vì tôi không biết gì về y học. Tôi cứ thắc mắc không hiểu ngày xưa sao Bà ngoại tôi có thể ăn chay một tháng nhiều ngày đều đặn và đơn sơ như vậy trong khi

Tiếp theo trang 41 →

Ngôi chùa của đêm giao thừa



Đám đông đang chụp hình cảnh đốt pháo đêm Giao Thừa mừng Xuân Quý Tỵ rạng sáng Mồng Một Tết, tức ngày 10 tháng Hai, 2013 dương lịch tại sân Chùa Huệ Quang, thành phố Santa Ana. (Hình: Thomas Trương / Viễn Đông)

trên đất khách



Bài HOÀNG MAI ĐẠT

Một giờ với Sư Ông chùa Huệ Quang

Quen thì có quen nhưng không thân lắm, mà xa lạ thì chắc chắn là không. Đó là trường hợp giữa Sư Ông chùa Huệ Quang, tức Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, với cá nhân người viết này. Hai chúng tôi sống cùng một khu vực nhưng ở hai chốn khác nhau. Thầy là người tu hành, dường như chỉ làm bạn với lời kinh tiếng kệ, gióng tiếng chuông ngân vang mang niềm an lạc đến cho chúng sanh, còn tôi, kẻ bôn ba giữa chợ đời, mượn con chữ, cái viết để lộn qua chốn thị phi kiếm sống độ nhật, một câu kinh cũng chưa thông suốt, còn đứng ngấp nghé ở cửa chùa. Vậy mà giữa thầy và tôi đã có những dịp được quen biết nhau, hay đúng hơn là tôi đã để ý đến thầy từ hơn ba-mươi năm trước, chứ thầy đâu mắc mớ gì mà cần biết đến tôi.

Mấy chục năm trước, hồi cuối thập niên 1980, khi mới bước vào nghề viết báo ở tòa soạn Người Việt, thỉnh thoảng tôi vẫn thấy một vị tăng trung niên da ngăm ngăm dáng dấp nhanh nhẹn đến đăng thông báo hay quảng cáo gì đó. Thấy đi rồi thì tôi nghe mấy cô thư ký nói “ông thầy sắp tổ chức văn nghệ ở chùa.” Hồi đó tôi có biết vài ngôi chùa ở đây thường mời ca sĩ đến trình diễn vào những dịp lễ lạc. Dò hỏi thì được biết “ông thầy” đó là thầy Minh Mẫn từ chùa Huệ Quang. Nghe rồi bỏ qua, vì tôi không mấy hứng thú với việc coi ca sĩ hát ở chùa.

Hứng thú với tôi lúc bấy giờ là đi giang hồ, tức là làm kẻ du mục lái xe đến đó đi đây để xem sông ngắm biển chứ không theo nghĩa “giang hồ” của mấy tay anh chị thứ dữ thời nay. Rồi Người Việt đi được mấy năm thì tôi trở lại Quận Cam, giữ chân viết tin tức hàng ngày cho đài Little Saigon Radio (LSR). Một trong những xưởng ngôn viên đọc tin tôi viết là ca nhạc sĩ kiêm nhà hoạt động nhân quyền Việt Dzũng.

Khi Việt Dzũng rời đài LSR và mở một đài riêng với chị Minh Phượng (Radio Bolsa) được một thời gian, thì đài LSR cũng dọn về cùng một khu văn phòng với đài của Việt Dzũng ở góc đường Brookhurst Street và Margo Lane bên bìa phố Little Saigon. Ở gần nhau, chỉ cách vài chục bước, hai đài tha hồ mà cạnh tranh. Bữa nọ tôi ra bãi đậu xe ở phía sau để lấy một món đồ bỏ quên, thì thấy Việt Dzũng đang đứng chống nạng hút thuốc một mình ở gốc cây cuối sân. Ai đã từng quen với Dzũng thì biết anh luôn chào hỏi rất thân thiện, tha thiết với họ. Thế nên mới thấy tôi bước vào bãi đậu xe, Dzũng liền reo lớn giọng giễu cợt, cả xóm

đều nghe, “Anh Đạt ơi ời ơi! Đến đây làm với em một điều đi.”

Thôi đi! Chủ đài tui mà thấy tui đứng cười giỡn với bạn thì họ cho tui ra xe về nhà luôn, khỏi trở lại sở ngày mai. Nghĩ vậy nhưng tôi lại nói, “Thôi! Hút thuốc bị ung thư chết. Bỏ được thì tốt thôi.”

“Em không bỏ hút được anh Đạt ơi,” Việt Dzũng nói nhanh, còn nhe răng cười. “Anh không bỏ chị thì em cũng không bỏ hút.”

Việt Dzũng lạnh lợi hơn tôi cả triệu lần (nên tôi mới dậm chân ở nghề viết tin, còn anh ngày ngày nói chuyện với khán giả trên làn sóng phát khắp nước Mỹ, được họ yêu mến đến mức thần tượng).

Bàn viết tin của tôi nằm cạnh cửa sổ đằng sau đài, nên tôi vẫn thường thấy Việt Dzũng ra đứng ở gốc cây hút thuốc cách vài chục thước, thỉnh thoảng nói chuyện với một ai đó mà anh sắp phỏng vấn trên làn sóng. Một bữa kia tôi thấy Dzũng kéo theo một người mặc bộ áo màu nâu đậm ra gốc cây bàn chuyện riêng. Tôi nhận ra người đó là thầy Minh Mẫn.

Dzũng hút thuốc, nhả khói qua một bên, đầu gật gật, trong khi thầy nói gì đó cũng hăng hái lắm, hai bàn tay đánh ngửa lên nhau như muốn nhấn mạnh một điểm quan trọng. Lần ấy tôi đoán thầy cũng muốn phổ biến một chương trình văn nghệ ở chùa, mà Dzũng thì rất đúng người để tìm tới, vì anh “thần” nhiều ca sĩ ở chốn này. Hai người đứng ở gốc cây khá lâu, tôi ngưng theo dõi để viết tin mấy lần mà vẫn thấy họ còn nói chuyện với nhau, xem có vẻ tâm đắc lắm.

Nhiều năm sau thì tôi lại được dịp “để ý” đến thầy ở một sở làm khác, đài Little Saigon Television. Các phòng trong đài truyền hình này khá chật vì chứa nhiều đồ đạc, bàn viết tin của tôi nằm cạnh những máy móc mà tôi không biết nó là máy gì, thỉnh thoảng đang viết tin gay cấn tôi dang chân đá trúng cái nằm dưới bàn là chuyện thường. Hôm ấy tôi nghe một giọng đàn ông nói khá lớn ở phòng cách hai cánh cửa. Người ấy đang nói chuyện với cô quản lý mà cũng là một nhân vật khá “thế lực” ở trong đài, gần như có quyền thay người chủ để quyết định nhiều thứ. Cô đang nhắc tới tên những ca sĩ với người đàn ông mà tôi nghe giọng quen quen. Có lúc người này nói “được,” có lúc nói “không,” có lúc phê bình, khen chê với phát ngôn chắc nịch, quả quyết như một tay “giang hồ” mặc dù không dùng chữ xấu.

Khi buổi bàn luận của hai người chấm dứt, tôi thấy bóng người đàn ông đi ngang qua cửa phòng mình. Thì ra người đó là thầy Minh Mẫn. Tôi rất đôi kinh ngạc vì không thể kết hợp giữa giọng nói của người



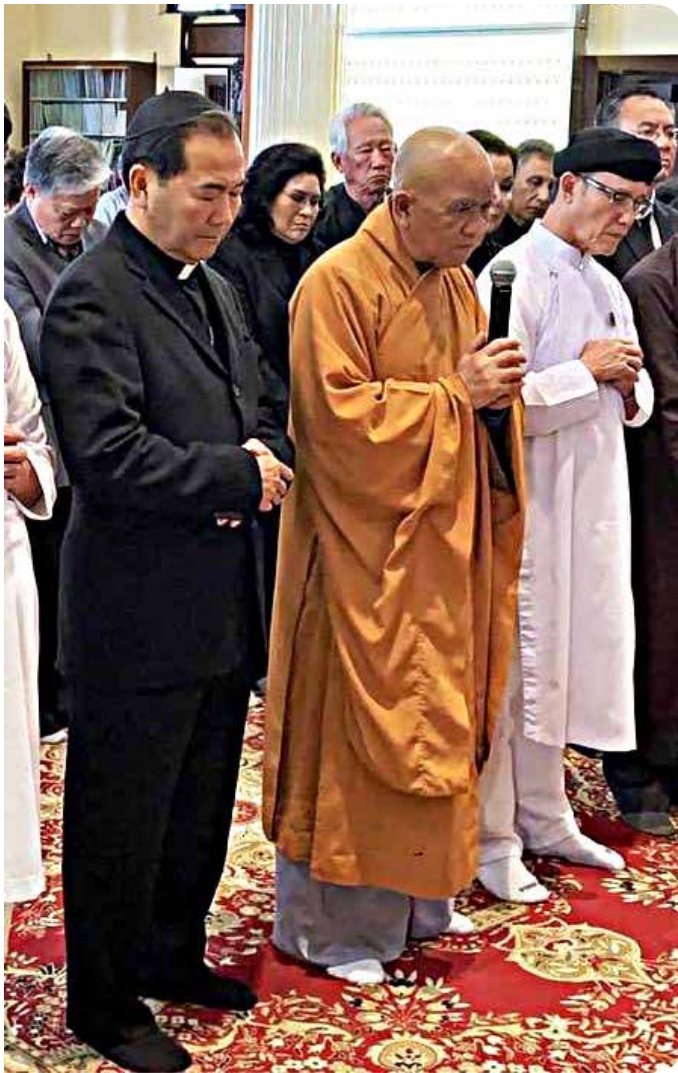
Hòa Thượng Thích Minh Mẫn trì bình trong một buổi lễ được tổ chức tại Chùa Huệ Quang tháng Tám 2019. (Hình: Thanh Huy)

thương lượng, sắp đặt chương trình với người mặc bộ áo nâu của nhà tu hành. Họ đã bàn về chương trình Đón Giao Thừa tại Chùa Huệ Quang. Đài truyền hình Little Saigon TV và Chùa Huệ Quang đã hợp tác tổ chức chương trình này suốt nhiều năm mà đến nay vẫn còn thực hiện, tạo một truyền thống không thể thiếu vào mỗi đêm giao thừa âm lịch.

Nhiều tháng sau cô quản lý từ nhiệm, chuẩn bị đến Las Vegas để nhận việc mới. Đài mở tiệc tiễn cô ở một nhà hàng và mời nhiều thân chủ của đài đến dự vào một buổi tối. Thầy Minh Mẫn cũng được mời. Vì tôi ăn chay nên được xếp ngồi chung bàn với thầy. Bàn chay này chỉ có hai chúng tôi. Đó là lần đầu tiên tôi được nói chuyện trực tiếp với Hòa Thượng Thích Minh Mẫn. Thầy đã từng nghe tên tôi nhắc trên đài phát thanh hoặc trên nhật báo nhưng chưa hề gặp mặt, nên bữa đó đôi bên đã có dịp trao đổi vài mẩu chuyện thời sự. Thầy rời tiệc sớm trước khi tiết mục văn nghệ bắt đầu, không quên nói lời chia tay với tôi, “Bữa nào anh ghé chùa ăn cơm chay với thầy.”

Trông theo thầy bước ra cửa, tôi cho rằng vị tăng đã để lại cho tôi một câu chào có tính cách xã giao. Nhưng sau này nhìn lại, tôi mới nhận ra mình đã kết duyên với thầy mà không hề biết, và bài viết này chính là “quả” của cái duyên ấy.

Thời gian không ngừng trôi, như dòng xe nối đuôi nhau qua phố Bolsa, chiếc này chạy theo chiếc kia đi tới trước, tưởng như biết mình đi đâu nhưng không



Thầy Minh Mẫn trong một buổi lễ với Hội Đồng Liên Tôn cùng các viên chức gốc Việt và giới truyền thông tại Quận Cam. (Hình cung cấp)

thật sự biết, và sau đài truyền hình thì đời tôi lưu lạc qua một ngã rẽ đến Nhật Báo Viên Đông, lúc tôi đã bước vào giai đoạn “ngựa già,” mỗi gối mòn chân tìm được bóng mát để nghỉ thân nơi Phật pháp. Trong những ngày được nghỉ viết báo tôi thường tìm đến chùa, hưởng những giây phút an lạc mà trước giờ tìm hoài không ra.

Một buổi sáng Chủ Nhật mùa hè năm 2017, tôi theo vợ ghé căn thất của Sư Cô Chân Phụng, một vị ni lớn tuổi chúng tôi mới quen. Cô tổ chức lễ Vu Lan trong một căn apartment ở Huntington Beach. Căn phòng chánh điện mới đứng chừng năm, sáu người trước bàn thờ Phật là đã thấy chật. Bữa đó tôi không ngờ có thầy Minh Mẫn đến chứng minh và làm chủ lễ. Thầy là Hòa Thượng viện chủ của một ngôi chùa lớn, lẽ nào lại nhận lời đến cái thất nhỏ bé này để tụng kinh? Vậy mà thầy đã làm với oai nghi trong bộ y vàng, khác hẳn một con người mà tôi từng gặp ở các cơ sở truyền thông. Lúc thầy xướng bài “Trầm Hương Đốt” cho các Phật tử hát theo, một luồng điện chạy xuống xương sống làm tôi rùng mình, nghe xúc động một cách lạ kỳ. Lúc ra về thì thầy có chào xã giao tôi,

mà tôi không nghĩ thầy nhận ra mặt người từng ngồi với thầy ở bàn ăn, vì tôi đã không tự giới thiệu, lại mặc chiếc áo tràng hòa lẫn với các cư sĩ khác cũng một màu lam.

Mùa hè năm sau thì em tôi mất, mới 55 tuổi. Rồi đến mùa hè 2019, mẹ cùng chúng tôi mang tro cốt em theo phái đoàn chùa Huệ Quang ra khơi ở Long Beach để thả xuống biển. Một lần nữa tôi lại ngạc nhiên khi thấy Hòa Thượng Minh Mẫn giữ vai trò chủ lễ, tụng kinh cho cả trăm hương linh trước khi các gia đình rải tro cốt xuống đại dương. Tôi tưởng thầy đã luống tuổi, có thể giao việc tổ chức lễ rải tro cốt cho các thầy khác trẻ tuổi hơn trong chùa, thay vì đích thân lên ngồi trên xe bus từ Santa Ana đến Long Beach rồi lên tàu ra biển. Một số Phật tử đã bị chóng mặt trong lúc đi tàu, trong khi thầy vẫn di chuyển nhanh nhẹn, ngồi tụng kinh trên con tàu lướt sóng chạy ra khơi mà như ngồi ở trong chùa.

Lúc tàu quay về bờ, còn đang phăng phăng rẽ sóng, tôi thấy thầy đứng ở lan can bên trên mũi tàu, đắm chiêu nhìn đàn cá heo bơi lướt theo. Thấy báo cho mọi người biết để cùng xem đàn cá heo bơi giỡn ở hai bên tàu. “Một điềm lành khi có cá heo xuất hiện,” thầy nói với ai đó mà tôi thoáng nghe được ở khoảng cách chừng mười thước.

Hình như hôm đó thầy không biết tôi có mặt trong đám Phật tử mang tro cốt ra biển, hay có biết nhưng thầy không muốn bày tỏ sự thân thiện quá đáng với một cá nhân, nhất là mối quan hệ với tôi còn sơ giao. Chính tôi cũng muốn giữ một khoảng cách với thầy, vì thầy là một vị Hòa Thượng khá nổi tiếng ở Quận Cam đây, còn tôi, dầu gì chẳng nữa cũng là một người viết báo, khó bỏ cái nhãn “nhà báo” dưới cái nhìn nghi ngại của một số người dù tôi đến chùa chỉ để tu học như một cư sĩ.

Cũng vào mùa hè mà em tôi mất, tôi từng ghé chùa Huệ Quang và tìm gặp thầy Minh Mẫn. Khi ấy nhóm Tinh Tấn Magazine chuẩn bị ra số đầu tiên, tôi cần ghé một số chùa để tham khảo ý kiến, hỏi các thầy xem việc trợ giúp sự hoằng pháp của chúng tôi bằng phương tiện tạp chí đó có cần thiết hay không, bên cạnh các phương tiện khác khá phổ thông như truyền hình, Youtube, Facebook, máy phát thanh để nghe băng giảng pháp, vân vân.

Ngày đó tâm tôi đã hướng về đạo khá mạnh, mà vốn liếng không có gì để cúng dường, đền ơn Tam Bảo ngoài khả năng viết lách. Vào buổi sáng được dịp thưa chuyện với thầy Minh Mẫn, tôi được ngồi trong một khu vườn tuy nhỏ nhưng rất tươi mát, rợp bóng mát với nhiều cây ăn trái xanh tươi mà tôi đoán là do chính thầy chọn trồng. Nghe dự án ra tạp chí Phật giáo in màu như báo Mỹ, thầy Minh Mẫn đã rất phấn khởi, không ngớt khuyến khích chúng tôi hãy cố gắng thực hiện cho được. Thầy cho nhiều ý kiến rất hữu ích về hình thức. Nói một cách giang hồ, thầy đã ủng hộ Tinh Tấn Magazine “hết mình.”

Khác với buổi chia tay ở bàn tiệc năm xưa, lần này thì chính tôi thưa với thầy, “Bữa nào tiện thầy cho con



Hàng năm Chùa Huệ Quang vẫn thường xuyên tổ chức những buổi lễ lớn cho các Phật tử cũng như tuần An Cư Kiết Hạ cho chư tăng ni. (Hình cung cấp)

một buổi phỏng vấn dành cho báo Tinh Tấn.”

“Ừ. Anh cứ gọi trước. Số của tui anh còn giữ mà phải không?” thầy đáp.

Tôi đoán thầy nghĩ tôi chỉ nói xã giao vậy thôi.

Thế rồi số báo đầu tiên ra đời, số thứ hai, thứ ba, và thứ tư tiếp nối dù không đều đặn như sự mong ước của chúng tôi. Mỗi lần mang báo mới đến biểu thầy, tôi vẫn lập lại đề nghị phỏng vấn. Và lần nào thầy cũng nói, “Ừ. Anh cứ gọi trước.”

Đến cuối tháng Bảy vừa rồi, giữa cuộc đại họa dịch Covid-19, tôi gọi lấy hẹn với thầy. Ban đầu thầy nói, “Cả tháng nay tui không tiếp xúc với ai hết, ở trong nhà thôi, sợ bị lây nhiễm chứ không gì hết.” Rồi cuối cùng thầy đồng ý, “Sáng thứ Sáu. Vậy đi, sáng thứ Sáu anh tới tui nha.”

Tôi hứa chỉ làm phiền thầy khoảng một tiếng đồng hồ, hỏi về việc thành lập chùa Huệ Quang mà đặc biệt là truyền thống đón Giao Thừa hàng năm được chiếu trực tiếp trên đài truyền hình cho bà con cô bác người Việt mình ở khắp nơi được xem.

Sáng thứ Sáu, ngày 24 tháng Bảy, 2020, tôi đến chùa Huệ Quang ở thành phố Santa Ana. Đây là một

trong những ngôi chùa lâu đời, lớn nhất của cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Đạp xe giữa bãi xi-măng trông mênh mông, một nỗi buồn đã khởi lên trong tôi. Trận đại dịch kéo dài suốt nửa năm, giết hại hơn nửa triệu người trên trái đất mà nhiều nhất là tại Hoa Kỳ, gây tai họa quá lớn cho các cơ sở tôn giáo. Không ai dám đến chùa, nhà thờ. Các tu sĩ cũng khóa mình trong những căn phòng, chờ đám quỷ dữ sớm tan biến để trả lại những sinh hoạt tín ngưỡng ở chốn trần gian vốn đã nhiều thống khổ này.

Tôi vào gian chánh điện bên ngôi chùa cũ vắng vẻ để lễ Phật, trước khi tìm đến ngôi thất của thầy Minh Mẫn ở đằng sau khu nhà bếp. Vườn cây ăn trái vẫn tươi tốt như không hề biết dịch là gì. Tôi chờ đợi được phỏng vấn thầy ở trong vườn để có thể thấu hình thầy giữa sắc màu xanh thắm thiên nhiên. Nhưng vì thời tiết nóng, cộng thêm tiếng ồn từ một dự án xây nhà ở đầu đó trong khu phố, nên buổi nói chuyện diễn ra trong căn bếp của ngôi thất dành cho Hòa Thượng.

Chúng tôi ngồi đối diện ở khoảng cách vừa đủ xa tại bàn bếp, tôi đeo khẩu trang để tránh truyền nhiễm cho thầy, còn thầy cần phát biểu nên không đeo miếng vải nào trên mặt. Dự khán buổi mạn đàm là chiếc điện thoại thấu băng, máy thấu hình nhỏ



Lễ tưởng niệm Ân Sư và Ngày Hội Chư Tăng tại Chùa Huệ Quang, Santa Ana ngày 25 tháng 12, 2018. (Hình cung cấp)

bằng bàn tay, mớ giấy tờ trên bàn, chiếc tủ lạnh sau lưng thầy, một nải chuối vàng ở mặt bếp. Thầy mặc bộ đồ nâu đậm như tôi vẫn thường thấy trong ba thập niên sống nghề báo, nhưng những câu chuyện thầy kể với giọng trầm ấm, có lúc hùng hồn, thì hoàn toàn mới lạ, đưa tôi đến với một con người khác ở thầy Minh Mẫn mà tôi từng tưởng mình đã biết.

Dưới đây là phần chép lại buổi phỏng vấn ấy, theo đúng thứ tự đã diễn ra.

*

- Khi nhắc đến chùa Huệ Quang, điều mà người ta nhớ nhất là lễ Đón Giao Thừa được chiếu trực tiếp trên đài truyền hình. Xin thầy cho biết thêm về truyền thống này.

Chùa Huệ Quang là một trong những partner (bạn đồng hành) của cộng đồng Việt Nam tại đây. Cộng đồng như một con sông có nhiều làn sóng tiếp nối. Chùa Huệ Quang nằm trên một cái nhánh của con sông Phật Giáo. Nó phát triển trên nhánh sông Phật Giáo được quy tụ bởi nhiều người Việt ở đây, về đây, và định cư ở đây.

Cộng đồng khởi sự với những sinh hoạt văn hóa. Trước hết là văn hóa của tiếng Việt, của niềm tin, và văn hóa của kiến trúc, văn hóa của lễ hội. Nói tóm lại giai đoạn đầu cần có văn hóa để sưởi ấm cho người Việt ở đây. Cộng đồng đã có nhiều ngôi chùa khởi đầu, chùa Trúc Lâm, chùa Việt Nam dưới Santa Ana, rồi chùa Huệ Quang, kế tiếp sau này là chùa Dược Sư, chùa Bảo Quang, chùa Bát Nhã. Sự tiếp nối đó hình thành từ một cái nôi đất đai khiêm tốn nhưng sau

này được cộng đồng hỗ trợ để phát triển mang đến vừa niềm tin, vừa sự an ủi tâm hồn cho những người con Phật.

Đi bất cứ đâu, ở hoàn cảnh nào ai cũng muốn trở về cái cội nguồn của mình. Đó là cái ngày Tết Giao Thừa cúng ông bà. Giao Thừa cúng ông bà đã đi sâu vào tâm thức của từng người nhớ về cố quốc, ngày đó, tháng đó, năm đó. Từ ngày 23 đưa ông Táo cho đến đón ông bà chiều 30, ai đâu thì tụ về đó.

Ngoài lễ cúng ông bà, người ta đi đâu lúc nửa đêm trừ tịch để mà nghinh xuân? Những cái buồn, xui xẻo mong cho nó trôi qua, cộng với niềm tin văn hóa, nên người ta mới đến chùa để mà xin cho cái lòng phơi phới lên, ô năm nay mùa lễ giao thừa chúng ta có hy vọng năm tới mình sẽ tốt hơn. Vì cái niềm tin đó người ta đi chùa thắp nhang lễ Phật.

Lễ đón giao thừa ở Chùa Huệ Quang này được hình thành bởi tất cả những niềm tin của những người trong cộng đồng người Việt nói chung, Phật tử nói riêng. Nói đến giao thừa là nói đến chùa, nói đến chùa là nói đến văn hóa dân tộc, như xin xăm, nhìn đức Phật trang nghiêm để năm tới mình sẽ giống như đức Phật, mình sẽ có một sự giác ngộ nào đó, để mình buông xả tham sân si, những cái cũ mà mình vấp phải, mình tức tối, nhìn đức Phật thì mình thấy nhẹ đi, giảm bớt.

Đêm giao thừa đi lễ Phật, được thầy lì xì để lấy cái lộc, cộng với văn hóa dân gian để tạo thành một bó bông của đêm giao thừa và mông mọt.

Tôi đến đây đầu năm 80. Trước đó, đầu tiên tôi đến



Thầy Minh Mẫn trong căn phòng vừa là bếp vừa là phòng ăn của ngôi thất của thầy sáng 24 tháng Bảy, 2020. (Hình: hmd)

chùa Việt Nam ở đường 16, Washington D.C., nhưng mà ở đó tháng đó lạnh quá, tôi mới qua California, trước ở chùa Giác Minh của Hòa Thượng Thanh Cát, Palo Alto, Bắc Cali. Sau đó một tháng thì Hòa Thượng Mãn Giác nói chuyện với Hòa Thượng Thanh Cát đưa tui về dưới này trụ trì chùa Việt Nam ở đường McFadden, Santa Ana.

Sau vì hoàn cảnh sức khỏe tôi nghỉ ngơi ở một chỗ riêng, mới ở Việt Nam qua mà. Về đây tôi mua miếng đất này vào năm 1983, trị giá hồi đó rẻ lắm, khoảng 75 ngàn thôi. Miếng đất khiêm tốn là khoảng 8,000 square feet.

Chùa ở đâu thì có văn hóa ở đó, lễ giao thừa được tổ chức ở đó. Hồi đó chùa tổ chức rất khiêm tốn, vào khoảng chừng một trăm, hai trăm người đến vào đêm giao thừa. Thấy có ngôi chùa là người ta đến. Vào đêm đó ở Mỹ thì người Việt Nam chỉ biết tục lệ đốt pháo, chúc nhau, thăm hỏi nhau, lì xì với nhau, rồi xin lộc xin mai. Mấy chục năm trước người ta tràn vô chùa lấy cái bông, tưởng rằng đó là lộc của chùa. Khi mất hết những gì ở Việt Nam rồi thì người ta muốn đến chùa ở đây, muốn lấy cái lộc đó, làm lại từ đầu cái niềm tin đó, chỉ có chùa là có cái niềm tin để người ta vịn thôi.

Khoảng 10 năm hay 15 năm gì đó, chùa tổ chức giao thừa không có hát xướng gì hết. Rồi cộng đồng lớn mạnh, truyền thông nhiều, người ta đến đông. Cộng đồng muốn có những sinh hoạt văn hóa đêm giao thừa, ngoài những lễ lạc người ta muốn có sinh hoạt văn nghệ, có những bài ca dân gian về giao thừa.

Rồi các đài truyền hình muốn involve vô. Rồi một số ca sĩ muốn làm đêm giao thừa để mọi người đều có thể chia sẻ. Các nghệ sĩ đều muốn tham gia những cái nét văn hóa đó. Cộng đồng người Việt tại Orange County này là cái nôi, cái chỗ báo chí, truyền thông, văn nghệ, tất cả mọi thứ, những cái tài ba, tinh hoa của đất nước Việt Nam ở khúc quanh lịch sử 1975 được quy tụ về đây.

Orange County là cái nôi. Đi đâu cũng biết tổ ấm là đây, người ta trở về đây, nên tổ chức đón giao thừa ở đây. Ca sĩ hát ở đây, rồi người ta trở về cúng ông

bà. Không giống như bây giờ người ta đi hát show, đi casino đêm giao thừa.

Các đài truyền hình gần nhất chúng tôi là đài Little Saigon TV của Đinh Xuân Thái, làm với tôi cũng mười mấy năm, khá lâu rồi. Nhắc tới lễ giao thừa thì người ta nghĩ tới chùa Huệ Quang. Bây giờ cộng có thêm chùa Điều Ngự thật là hay, bởi vì đó là vườn hoa của Phật giáo. Bên chùa Điều Ngự cũng có đêm giao thừa đài truyền hình, tui thấy rất là đẹp.

Tất cả các tiểu bang, kể từ năm 2015 đến nay, sau 30 năm làm việc mệt mỏi, người ta dành một tuần để về đây, người ta đi dự lễ hội, đón giao thừa, khai mạc hội chợ Tết, hội chợ sinh viên, nhiều hội chợ Tết lắm. Đón giao thừa rồi đi hội chợ, rồi đi diễn hành nữa, cũng ở đây.

Chùa Huệ Quang mang nét kiến trúc văn hóa của một ngôi chùa giống như Việt Nam, nằm trên một lộ trình, một khu đất thiên thời địa lợi, trên đại lộ Westminster. Hồi xưa đại lộ Westminster không như bây giờ. Nó không có curb, không có sidewalk, rất là hẹp, bây giờ có nhiều business hơn. Mỗi lần tổ chức chúng tôi phải xin giấy phép đóng đường, những parking xung quanh đây, mấy ngàn chỗ parking, thành ra đêm giao thừa, rất là tiện lợi cho người muốn đến chùa, rồi có đốt pháo để mà countdown.

Các nghệ sĩ ủng hộ rất nhiều, không chỉ giao thừa thôi mà còn những ngày lễ khác, như lễ hội Vu Lan.

Tôi nói thiệt với anh, những ca sĩ đã thành danh ở đây bây giờ, từ trại tỵ nạn qua đây, con cá sống nhờ nước, thì ca sĩ cần khán giả. Họ nhớ nghề nghiệp lắm, muốn ca hát đâu chỗ đó nhỏ hay chỗ đó lớn, từ hồi xưa hồi còn Việt Dzũng làm MC cho chùa, anh Việt Thảo cũng đóng góp cho chùa. Phải nói cái chùa này không phải tự nhiên có, chỉ do Phật tử cúng đâu. Báo chí, truyền thông support vô, rồi ca sĩ. Hồi đó Hoài Linh mới qua cũng hát ở đây. Rồi chị Khánh Ly cũng hát, chị Phương Dung, chị Trang Thanh Lan. Hầu hết ca sĩ cần có sân khấu để hát không cần lấy tiền. Rồi đợt sau như Quốc Anh cũng vậy. Hát riếc rồi già lớn tuổi.

Ngồi tĩnh lặng mà nghiệm, thấy được cái chùa này hình thành là do nhiều cái duyên, nhiều sự đóng góp của cộng đồng. Bức tường trông nó bằng phẳng vậy nhưng có nhiều hạt đá hạt cát hạt này hạt kia nó đóng góp. Nhiều người đã nằm xuống, bỏ công lao, từng đóng góp cho chùa. City, kể cả city, họ dễ dãi cho những người Việt tỵ nạn mới qua.

Thành ra những năm gần đây thì cái đêm giao thừa trở thành truyền thống, mà chùa Huệ Quang được nhắc tới trong đêm giao thừa của người Việt tại hải ngoại. Bây giờ trong hoàn cảnh năm nay thì chưa biết sao, nhưng nói thật, đại dịch đã ép mình qua một bên rồi. Kinh tế chậm lại, mình lệ thuộc vào đất nước Hoa Kỳ.

- Có những người nói chùa Huệ Quang là chùa văn nghệ, thầy nghĩ sao?

Tùy theo cái hoàn cảnh, vì giao thừa của Phật Giáo gắn liền với nét văn hóa dân tộc Việt Nam, trừ



Trước ngày xảy ra đại dịch, Chùa Huệ Quang vẫn tổ chức phát cơm chay miễn phí cho đại chúng vào ngày Rằm âm lịch mỗi tháng. Hình này chụp hồi tháng 10, 2018. (Hình: hmd)

khi chùa ở trên núi thì không được, chớ còn đối với dân gian ở đây thì chùa là một cái sinh hoạt văn hóa, người ta biểu lộ được nét đẹp văn hóa trong đêm giao thừa. Thí dụ như bài hát Ly Rượu Mừng, có nét đẹp văn hóa hồi tưởng ở trong đó, nói lên niềm hoài hương cố quốc của mình.

Cho nên, tùy theo sở thích, dĩ nhiên những người đó nói đúng, đúng một phần. Chùa là nơi thanh tịnh, nơi cầu nguyện, nhưng chùa cũng là... (ở miền quê gọi là) “nhà lồng chợ,” là chỗ bán buôn, tụ họp, đụt mưa, đụt nắng. Chùa là chỗ tạm dung để cho những người tỵ nạn đến để lễ nghi. Chùa là một hội trường, chùa là tòa đại sứ của Phật giáo, của Đức Phật. Nó không riêng gì cho người ta ngồi thiền không. Gọi là mái chùa che chở hồn dân tộc. Thì dân tộc đó được cái gì khi mà đến lễ Phật? Người ta hoài hương, người ta nhớ.

Ông Phật vẫn diễm nhiên tọa thị, ai muốn chiêm ngưỡng thì chiêm ngưỡng, ai muốn tu thì qua ngày khác, không có gì trở ngại. Chùa cũng có những khóa tu, tổ chức an cư kiết hạ. Đó là phương tiện.

Ở dưới dân gian thì chùa nằm trong thành phố để cho người ta không phải đi xa. Đi làm về thì chỉ có đủ thời gian tấp vô chùa, nói bữa nay có duyên sự là chồng con nằm nhà thương, không được khỏe, nhờ thầy chú nguyện, nhờ cái đức của chùa, đức của ông thầy, phước của chùa. Phước của chùa là phước tập

thể, gọi là lực của cộng đồng, lực của chư tăng. Rồi mới sanh ra việc viết số cầu an, viết số cho ông bà mới chết nhờ cầu siêu.

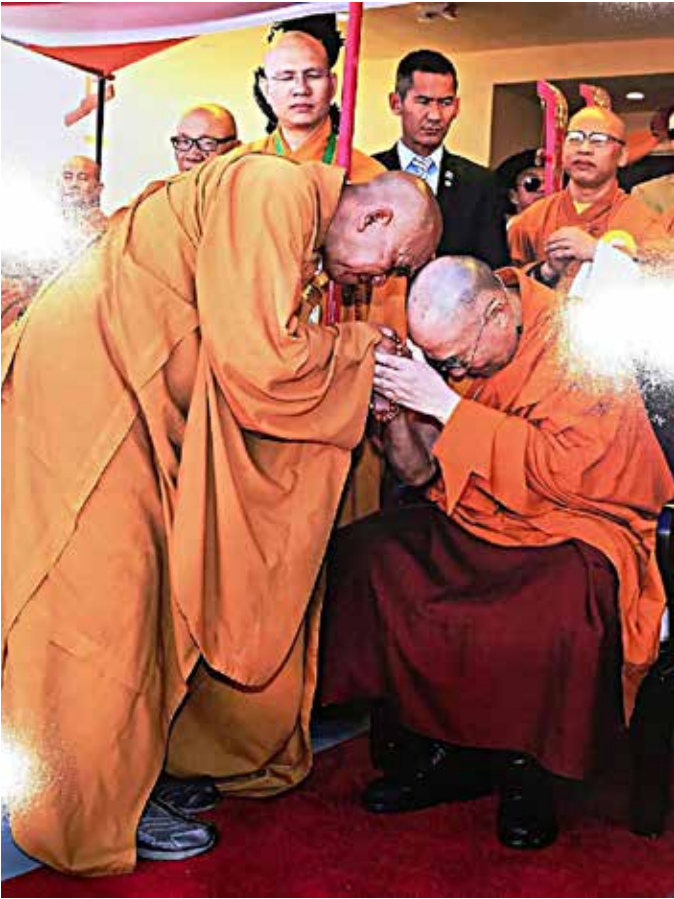
Đó là cái niềm tin văn hóa, đầu thể buông bỏ được. Đứng bờ bên này thì cũng không được, đứng bờ bên kia gọi là xã hội, Phật giáo gọi là tương tức tương nhập, gọi là sống tương quan tương đối để cho hòa hợp với quần chúng ở đây.

- Thấy bước vào đường tu như thế nào?

Tôi sanh ở đồng bằng Nam Bộ, giữa Long Xuyên và Cần Thơ, nói Long Xuyên cũng được, nói Cần Thơ cũng được. Tôi sống ở nơi thuộc về quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên nhưng mà sau 1975 thì thuộc về Cần Thơ.

Bên ngoại tôi ở gần chùa Phước Long. Hồi nhỏ tôi theo ngoại đi chùa. Đất của bà ngoại là đất của chùa, người ta cho ở bên cạnh, thành ra tui chạy qua chạy lại chùa. Năm 1940 ba má tui gặp nhau ở đó, ở chung với bà ngoại, sanh tôi ra thì tôi thật sự tuổi Canh Dần, 1950, tuổi ta là 71. Tôi có năm anh em. Ba má tôi cũng đã xuất gia. Ba tôi là thầy từ kheo Thích Thiện Thanh, má tui thọ sa di ni là sư cô Diệu Đức.

Tôi được xuất gia và vô chùa ở lúc 12 tuổi. Tui thích vô đó vì có mấy chú tiểu, chẳng qua là thích chứ chưa biết tu là gì, rồi hòa thượng cho phép ở đó, sáng tối sinh hoạt theo nề nếp của nhà chùa. Rồi lớn



Đức Đạt Lai Lạt Ma (ngồi) đang đáp lễ Hòa Thượng Thích Minh Mẫn nhân dịp ngài lãnh đạo tinh thần người Tây Tạng thăm Chùa Điều Ngự tại thành phố Westminster năm 2016. Đứng đằng sau bên phải là Hòa Thượng Thích Viên Lý, viện chủ Chùa Điều Ngự. (Hình cung cấp)

lên tới năm 1963 thì tôi được đi ra ngoài Sài Gòn. Tôi học trong thời gian có tranh đấu Phật giáo, đầu tiên ở chùa Vạn Thọ ở đường Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Quang Khải, gọi là Xóm Chùa. Ở đó, năm 1964 thì cuộc tranh đấu trôi qua, yên ổn.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có những vị coi về văn hóa giáo dục của tăng ni như Hòa Thượng Thiện Hòa, Hòa Thượng Trí Tịnh, có mở trường trung đẳng, gọi là trung đẳng chứ không phải cao đẳng, Phật Học Huệ Nghiêm thì mở tuyển cho các miền.

Tôi thi vô đậu lớp trung đẳng 1964, học bốn năm, tới 68 thì Mậu Thân. Trong hoàn cảnh biến cố đó thì ra trường sớm một chút, lẽ ra phải sáu, bảy năm. Phật Học Huệ Nghiêm ở xa cảng miền Tây bây giờ, hồi xưa gọi là khu An Dưỡng Địa, chỗ lờ thiêu, ai cũng biết hết. Quản lý của học viện đó có ba vị giám đốc là Hòa Thượng Thanh Từ, Hòa Thượng Thiên Tâm, và Hòa Thượng Bửu Huệ. Ba vị này dạy trong nội chúng, dạy kinh điển theo từng lớp. Môn học ngoài đời thì mời giáo sư vô dạy.

Chúng tôi ở nội trú, trong đó ăn uống thì có mấy chục cái chợ, chợ Cầu Muối, chợ Ông Lãnh, chợ cầu Nguyễn Tri Phương, chợ Bàn Cờ, vân vân, tới cuối tuần để sẵn đồ ở đó, xe chùa chạy ra chở rau về. Thời

đó mà nuôi tới 300, 400 trăm vị tăng sinh hơi khó. Nhưng mà nhờ đạo tâm và sự điều hành của các Hòa Thượng Thanh Từ, Thiên Tâm, Bửu Huệ, nhờ uy tín của các ngài mà nuôi được tăng chúng. Dân từ khắp miền Nam, Trung, Bắc gì cũng có mặt trong học viện đó.

- Thầy bốn sư

Ở dưới quê thì thầy bốn sư của tôi ở chùa Phước Long là Hòa Thượng Phước Trí. Hòa Thượng Phước Trí là một vị Hòa Thượng rất đức độ thật sự. Hồi xưa chùa dạy Kinh không cho đi học ở ngoài, dạy Kinh thì dạy chữ Nho không, rồi dạy Luật, Tì Ni, Sa Di, Oai Nghi, Cảnh Sách. Rồi học chữ Nho, Tam Tự Kinh, Tứ Thư, Áu Học, rồi Minh Tâm Bửu Giám. Những chữ đó thì nằm yên ở đó, lâu lắm không dùng nên tôi cũng quên chút chút.

Nhưng cũng nhờ đó tôi có căn bản thiện căn, gần với đức độ của hòa thượng thì thiện căn phước đức mới có, chấp lao, phục dịch, gánh nước, bữa củi, công phu, bái sám. Cho nên cái ông thầy mà tu được phải có cái căn duyên từ đời trước, là thiện căn, là phước đức hiện đời của cha mẹ. Cái nhân duyên là phải gặp thầy tổ, rồi nhân duyên cho sau này nữa.

Tới biến cố lịch sử 75 thì tôi phải trở về quê cũ, đi làm ruộng, không thể ở thành phố. Ai cũng tản mác hết, người cảnh này cảnh nọ. Ngày 30 tháng Tư, buổi sáng, giữa trời nắng chang chang, người Việt miền Nam nào nghe tin như vậy cũng ngơ ngác như một người mất quê hương. Không còn tổ quốc ở nơi đây nữa. Khi cộng sản chiếm miền Nam rồi thì chúng ta không có lý tưởng gì để nói rằng “Ồ, hòa bình rồi!” Đâu có chuyện đó.

Đến năm 78 tôi dự định ra nước ngoài. Ai sinh ra ở đời cũng có cái duyên, một là đi ra nước ngoài, hai là trước sau gì nó cũng mời mình vô Ủy Ban Mặt Trận để mà làm việc, nếu không đồng ý thì mình coi chừng có ngày. Nhìn hoàn cảnh đất nước thời đó, thời khủng hoảng, nó theo dõi các chùa. Thành ra tôi nhìn thấy khả năng của mình thì chỉ có đi ra xứ người. Chẳng lẽ mình sanh ra đời để phải sống như thế này.

Nhờ Phật tử ủng hộ tôi mới đi vượt biên được. Tôi đi từ Long Xuyên quê của tui, đi theo dòng sông Hậu, ngang qua Cần Thơ thì tâm trạng của những người đi vào buổi chiều đi ngang quê của mình ai cũng gạt nước mắt mà chào tạm biệt, còn chết sống thì không còn quan trọng nữa. Tui tới Pulau Bidong, một đảo nằm ngoài khơi tỉnh Terengganu, Malaysia.

Có những người đi nhiều ngày qua biển đến thẳng đảo, có những người bị cướp biển, bị nhiều hoàn cảnh khác nhau, có thể chết trên biển, đi mười ghe thì mất hết năm ghe. Lòng can đảm của những người tỵ nạn chịu chiến tranh mấy mươi năm. Họ đủ can đảm để thà chết trên biển để tìm tự do, không vì kinh tế mà vì lý tưởng tự do, họ mới đi ra biển, người nào có duyên phận thì đến bờ, không có thì chìm dưới biển.

Khi ra biển thì mình mới biết hải tặc như thế nào, biển lớn như thế nào, biển đen như thế nào. Tôi rất biết ơn Đức Mẹ Quán Thế Âm, đức độ của ngài đã cứu



Hòa Thượng Thích Minh Mẫn (giữa) cùng Hòa Thượng Thích Phước Tịnh từ Quận Cam (bên phải) và Thượng Tọa Thích Pháp Hòa từ Edmonton, Canada trong một dịp gây quỹ cho Tam Bảo. (Hình cung cấp)

vớt biết bao nhiêu người trong chúng ta. Cho nên khi đến bất cứ đâu, Úc, Hoa Kỳ hay nước nào đi nữa thì chúng ta cũng hồi tưởng lại rằng ông bà cha mẹ mình có tu có phước lắm mình mới được đến đây.

Lên đèn qua cửa thần phò

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm

Không ai tài giỏi gì nhưng tiếc nổi là có những người qua đây rồi họ quên đi những nỗi nhọc nhằn, cực khổ của những thuyền nhân, những người ở những bên trại tỵ nạn. Chứ thật sự chúng ta không có tài gì hết ngoài cái đức độ, phước báo chúng ta, rồi mới có cộng đồng người Việt.

Tôi ở trại tỵ nạn Pulau Bidong từ đầu 78 đến cuối năm 79. Lúc đó những thuyền nhân Việt Nam đều tấp vô đó hết. Trong đó tôi gặp ca sĩ Thanh Huyền, Ngọc Minh, đủ mặt hết. Những tay lớn đều ở đó. Tôi đến đây trọn 40 năm, tấp đầu xuống nước Mỹ là đã làm việc rồi. Cho đến ngày hôm nay, cái thân này thật sự như chiếc xe Pinto hồi xưa, mệt mỏi lắm rồi, còn rảnh một chút xíu để ổn định cho việc ở đây.

- Thầy tu tập như thế nào giữa những lúc tiếp xúc với người ngoài, lo chuyện đời?

Trong đạo Phật có câu: Phật pháp bất ly thế gian pháp. Phật pháp giống như không khí và hơi thở. Phật pháp giống như tự do, tự do của nước Mỹ, người nào có lỗ mũi biết thở thì xuống phi trường Los Angeles người ta sẽ thấy được cái hạnh phúc của sự tự do ở đây. Ngoại trừ người đó bị nghẹt mũi thì không thấy được cái hơi thở.

Trở lại một người tu, tôi là một người Việt tỵ nạn, tôi là một tu sĩ tỵ nạn đồng hành với những người tỵ nạn khác. Thứ hai, tôi có trách nhiệm trên tinh thần lãnh đạo của Phật giáo cho chúng tôi được nuôi nấng, có năng lực để duy trì cùng những Phật tử ở xứ ngoài. Thứ ba, tui còn trẻ, tôi vô núi tôi tu, nhập thiên, thì ai bông bế những nỗi đau khổ của những người Việt Phật tử chúng tôi mới qua đây.

Chuyện thứ tư nữa, tui nuôi cái niềm tin của những Phật tử ở đây, chẳng lẽ tui lên núi bỏ họ ở đây? Họ đi bỏ báo, tối ghé thăm chùa, tôi là người counselor, vỗ về tinh thần, vỗ về tín ngưỡng, và dạy cho họ. Và còn nhiều cái khác nữa, tôi nói với tất cả bà con hiểu rằng, bất cứ hành đạo nào mà mình mang lại lợi lạc, xoa dịu cho người khác để báo ân cho chư Phật, lợi lạc cho xã hội, lợi lạc cho chúng sanh, cho cộng đồng, cho người Việt, cái đó là cái tu của tôi và của tất cả các thầy.

Chuyện thứ kế nữa, giai đoạn đầu mới về chùa đây, đầu phải tự nhiên có chùa. Ở nhà trọ, mượn garage, mượn nhà để làm chùa, nhưng mà vẫn tu trong thời gian còn lại, tối chiều khuya. Không phải ngày nào tôi cũng ngồi thiền suốt ngày. Chứ tu ở đây có nghĩa là chuyển hóa, làm cách mạng, làm thay đổi cái tâm thức suy nghĩ của mình ở Việt Nam và ở đây. Cách mạng là tu. Làm việc làm sao cho chúng sanh ở đây có cái nét đẹp của văn hóa là cách tu. Bởi vì cái việc của thế gian là gì, là việc của Phật pháp. Mà Phật pháp làm cho người ta ổn định, người ta hạnh phúc, vui tươi, bớt đau khổ, tức là mình đã có hạnh phúc. Chứ tu tuy có nghĩa là sửa nhưng mà cũng phải làm.



Hòa Thượng Minh Mãn trên con thuyền trở về bờ Long Beach sau buổi lễ thủy táng tro cốt ngày 10 tháng 8, 2019. (Hình lấy từ màn ảnh kênh Pháp Bửu USA Youtube)

Cho nên ông thầy ngày đầu mới tạo lập chùa phải lo mua nhà, mua chùa, vay mượn đầu này, đầu kia. Cúng kiếng tụng kinh bái sám, vừa tu vừa làm, chứ đâu ai cho anh tiền để đóng tiền nhà. Phải trả tiền xe, tiền cộ, insurance, tiền này tiền kia. Như vậy sự tu hành của một người tu sĩ gắn liền với những đau khổ của chúng sanh trong cõi này. Đó là việc tu của ông thầy.

Đến tuổi bây giờ tui đã được về hưu rồi, tui tự mình cất bớt, giao lại những công việc cho người khác. Ngày thường thì sinh hoạt văn hóa, đám tang đều là đóng góp cho công việc Phật sự, sau đó có thời giờ thì buổi tối ngồi thiền, tụng kinh, hướng dẫn Phật tử. Nói tóm lại, làm những việc nào có lợi ích cho chúng sanh tức là đã tu rồi.

- Lời khuyên cho Phật tử trong thời đại dịch này

Chuyện dịch năm 2020 này không chỉ xảy ra cho nước Mỹ mà cho toàn cầu, chịu nhiều cái nghiệt ngã của bệnh dịch nói chung phát xuất từ Trung Quốc. Mình ở đất nước Hoa Kỳ, được chính phủ cứu mang cho mình, xin bà con chớ nên than vãn, bởi vì mình chỉ giữ cái khoảng cách của mình, giữ cái hạnh phúc của mình có được trong tay. Và thứ nữa là được chính phủ hỗ trợ cho số tiền, tiền thất nghiệp mấy tuần lễ, mỗi tuần mấy trăm, anh chị phải coi đó là hạnh phúc. Nếu ở Việt Nam thì ai hỗ trợ cho anh chị? Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai là hoàn cảnh tôn giáo hiện nay thật sự rất khó khăn, không biết nói nên lời với ai bởi vì đó là cái chung của tiểu bang và từng quốc dân Hoa Kỳ. Chùa chiền suốt ba tháng nay không có sinh hoạt gì hết. Ngân quỹ không có. Nhà thờ cũng không có con chiên bỏ tiền vô, chùa thì người ta không đến sợ lây dịch.

Bệnh dịch là một cái loại nghiệp của chúng sanh trong cõi đời này, và tuy không có hình tướng, nhưng

ảnh hưởng đến từng đất nước, đến chính trị, bầu cử, tôn giáo. Chúng ta cần giữ gìn, đeo khẩu trang, giữ gìn cách ly, thì không có lý do gì mà chúng ta bị bệnh dịch.

Đặc biệt cho chùa là những người lớn tuổi, bây giờ con cái không cho thì các cụ đành ở nhà, nhưng các cụ chỉ nhớ chùa thôi, chứ thật sự các cụ cũng có tiền già, tiền này tiền kia. Cái gì nó cũng hết, tối rồi lại sáng. Tới một lúc nào đó thì bệnh dịch tự nhiên nó cũng lần hồi biến mất.

Chúng ta chỉ cần giữ gìn một cái cẩn trọng trong đời sống, không được tiếp xúc nhiều, không hội họp nhiều để tránh bị lây nhiễm. Nếu nói vùng nào có gai thì anh chị

mang giày thì gai nó không đâm thôi, rõ ràng là vậy, không nói “ô chỗ đó có gai tôi cứ đi,” đừng đi bình thường, mang giày thì không bị gai đâm.

Nói tóm lại, đức Phật dạy muốn thành Phật, muốn về cõi Niết Bàn, muốn về cõi vĩnh hằng? Dễ ợt! Chỉ cần giữ thân, khẩu, ý. Không có tham, không có sân, không có si, không này không kia. Đức Phật đã nói như vậy thì mình cứ vậy mà làm theo.

Cái bệnh dịch như vô cái ô nhiễm của môi trường, mình chỉ cần giữ những cái giới đó. Cái tham, cái sân, bỏ hết thì anh chị có thể về cõi vĩnh hằng với Chúa với Phật rất dễ dàng.

Việc chùa chiền nói tóm lại là ơn Trời Phật và đàn na thí chủ, những người công quả đóng góp, từ các giới, tầng lớp của xã hội trong cộng đồng người Việt đã giúp đỡ hình thành cho Phật giáo nói chung ở vùng này, và cho chùa Huệ Quang nói riêng. Chùa đã có mặt ở đây cho thế hệ con cháu chúng ta 100 năm, 200 năm chùa Huệ Quang vẫn có mặt ở đây. Đừng nghĩ rằng chúng ta làm cái đó là lợi lộc cho mình, mà nghĩ đến cái tương lai cho cộng đồng người Việt được vững chãi.

- Ước vọng của thầy cho thời gian tới

Tôi còn trách nhiệm của người xuất gia, sao cho trọn vẹn, mặc dù trên đường đời có bụi bặm, có bị liệng đá bẻ kiếng xe, rồi xe nó bị vết thương. Tôi có nhiều cái bệnh tật tai tiếng, rồi nhiều cái chuyện này chuyện nọ, có tánh xấu, bởi vì tôi cũng là con người, chỉ có một cái là tôi biết chuyển hóa, làm mới lại, tôi đứng dậy tại chỗ mà tôi bị té, những gì tôi vấp phải là những bài học quý giá trong cuộc đời mình.

Hy vọng của tôi là có một cái vườn cây, có một sự thanh thản, có thời giờ để tu tập để chuẩn bị cái tư lương của mình trên đường về nước Phật, hiểu được Phật pháp một cách trọn vẹn. Đó là một cuộc đời mà người Phật tử cũng nên hiểu, không phải đi chùa tụng

kinh nhiều, thiên nhiên, khóa học nhiều là được, mà phải thâm thấu được Phật pháp hay không mới là quan trọng.

Đức Phật nói vô thường, hiểu được vô thường, hiểu được vô ngã, hiểu được cái điện thoại này nó không có cái tính chất Iphone, không phải tự nó có. Hiểu như vậy là hiểu điều Đức Phật nói. Cuộc đời của mình cũng vậy, thành vợ thành chồng, có nhà có cửa, đều là duyên hết. Phải cần cầu hiểu được Phật pháp thì đó là hạnh phúc, chúng ta mới bừng tỉnh “Ồ thì ra là như vậy.”

*

Trong suốt thời gian chia sẻ tâm tư của mình ở phòng bếp, thỉnh thoảng thầy Minh Mẫn phải ngưng nói để tắt những cú điện thoại. Đến cuối buổi nói chuyện, khi tôi xin phép chụp hình thầy một tấm ở trong bếp và một tấm ở ngoài sân, thì lại có tiếng reo điện thoại. Lần này thầy “bắt phone,” và tôi nghe loáng thoáng tiếng nói của một cụ bà lớn tuổi. Cụ lo lắng là tượng Phật mới an vị ở nhà cụ sẽ bị nghiêng đổ. Thầy vừa ngồi yên trong bếp cho tôi chụp hình, vừa nói chuyện trấn an bác Phật tử, nhưng cụ vẫn tiếp

tục bày tỏ sự lo âu.

Tôi bước ra sân đứng ngắm vườn cây, tránh nghe thêm những mẫu đối thoại, nhưng thầy cũng theo tôi ra sân, vừa nói chuyện với cụ kia với giọng lớn hơn, vừa nhìn theo hướng tay tôi chỉ để đứng vào vị trí cho tôi bấm máy. Tôi “bắt” được một tấm ảnh của thầy tay cầm điện thoại, ngưng nói vài giây. Thấy tôi bấm xong thầy vội vã đưa điện thoại lên tai, trở lại câu chuyện của cụ bà Phật tử, nhưng không quên vẫy tay chào anh nhà báo.

Về nhà xem lại mấy bức ảnh chụp được ở chùa Huệ Quang, tôi ưng ý nhất với tấm hình thầy đứng giữa vườn cây với nét mặt thanh thản, dường như không hề bận tâm với một cú gọi còn đang dở dang ở trong tay.

“Sự tu hành của một người tu sĩ gắn liền với những đau khổ của chúng sanh trong cõi này,” thầy có nói sáng hôm ấy. “Đó là việc tu của ông thầy.”

Tôi thầm cảm ơn những duyên lành đã giúp tôi được tiếp chuyện và hiểu hơn về thầy Minh Mẫn, về những vị Bồ Tát, những “chiếc xe Pinto” đang dẫn thân trong cõi ta bà đầy ô nhiễm bệnh dịch này. ♦



Hòa Thượng Thích Minh Mẫn trong vườn cây ăn trái của thầy đằng sau khu nhà bếp của Chùa Huệ Quang sáng thứ Sáu, ngày 24 tháng Bảy, 2020. (Hình: hmd)



Quán Thế Âm Bồ Tát qua kinh điển và nhân văn

(kỳ 1 của 5 kỳ)

Bài HUYỀN TRÍ

Bồ Tát, Bậc Giác Hữu Tình

“Bồ tát” là âm từ tiếng Phạn, đầy đủ là “Bồ đề Tát đỏa” [Bodhisattva]. Bồ đề [Bodhi] dịch là “giác”, tát đỏa [sattva] là “hữu tình”. Tức là “giác hữu tình”, còn gọi là “hữu tình giác”.

“Giác hữu tình” là dùng đạo lý pháp môn do mình tu tập và giác ngộ, để giác ngộ mười phương tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều đắc được sự giác ngộ. Đây là tư tưởng tự giác giác tha của Bồ tát. “Hữu tình giác” nói lên Bồ tát vốn cũng là chúng sanh, vì tu lục độ vạn hạnh, cho nên thành Bồ tát, đó là một bậc giác ngộ trong hữu tình. Chẳng những Bồ tát là chúng sanh, mà chư Phật cũng do chúng sanh giác ngộ mà thành Phật.

Tượng Quán Thế Âm tại Tịnh xá Giác Lý, Garden Grove, tháng Giêng 2020. (hmd)

Chúng sanh nói chung vật hữu tình, tức có tri giác, có khí huyết, vốn do chúng duyên hòa hợp mà sinh. Phật Bồ tát trong quá khứ, đều giống như mọi chúng sanh, điểm khác là Phật Bồ tát chuyên tu trì lục độ vạn hạnh, dũng mãnh tinh tấn, cho nên thành Phật thành Bồ tát; còn chúng sanh biếng nhác, chẳng chịu tu hành, cho nên vẫn là chúng sanh.

Bồ tát còn gọi là Đại Sĩ, là Đại Trưởng phu; còn gọi là Khai Sĩ, tức là chẳng có ích kỷ, tướng ta, thấy cái ta, chẳng đố kỵ người khác, cũng chẳng chướng ngại người khác. Bồ tát xa lìa hết thấy vọng tưởng của chúng sanh. Những gì chúng sanh nghĩ, đều là vì mình mà tính toán, để làm thế nào mình được lợi ích. Mọi ý nguyện của Bồ tát, đều chỉ muốn lợi ích cho tất cả chúng sanh, muốn giáo hóa tất cả chúng sanh, ta muốn cứu độ tất cả chúng sanh, đó là đại lực của Bồ tát thí xả mình vì người. Tư tưởng của Bồ tát trái ngược hướng với tư tưởng của chúng sanh. Chúng sanh nghĩ ích kỷ, Bồ tát nghĩ lợi tha.

Kinh Đại thừa phân biệt Bồ tát có Thập địa hay

Thập Bồ tát địa [Dasabhūmi - Ten fields], tức Mười trình tự phát triển của Bồ tát tu theo Đại thừa Bồ tát đạo. Thập Bồ tát địa là:

1. Hoan hỷ địa [Pramuditā], trình tự hoan hỷ;
2. Ly cấu địa [Uimala], trình tự ly cấu;
3. Phát quang địa [Prabhākari], trình tự phát quang;
4. Diệm huệ địa [Arcismati], trình tự đốt bỏ và sáng tỏ;
5. Nan thắng địa [Sudurjayā], trình tự khó thắng;
6. Hiện tiền địa [Abhimukhi], trình tự trực diện cùng Thực tại;
7. Viễn hành địa [Dūrangamā], trình tự lãnh hội kiến thức giải thoát;
8. Bất động địa [Acalā], trình tự Vô sinh nhẫn pháp [Anutpattika-dharma-ksānti];
9. Thiện tuệ địa [Sādhumati], trình tự chứng nhất thiết trí;
10. Pháp vân địa [Dharmameghā], trình tự chứng nhất thiết chủng trí. Đến đây, Bồ tát đã thành Phật.

Bồ tát còn phân biệt là Bồ tát Hiện trụ, tức Bồ tát đang trụ trên trái đất. Hạng thứ nhì là Bồ tát Siêu việt [Transcendental Bodhisattva]. Bồ tát Hiện trụ tương tự như các A la hán, đặc Thánh đạo nhờ tu Bồ tát Hạnh nguyện [Pranidhāna]. Con đường tu học phải qua Thập địa [Dasabhūmi]. Và Bồ tát Siêu việt là vị đặc Phật quả nhưng nguyện không nhập Niết bàn để cứu độ chúng sinh.

Bậc chân chánh tu hành đạo Bồ tát, thành tựu quả Bồ đề cực kỳ hiếm hoi. Những vị đặc đạo trong kiếp này là những vị đã tu vô số kiếp. Những vị Bồ tát được nhắc đến trong kinh sách, và được tôn vinh thờ phụng, là các vị vô lượng kiếp đến nay tu lục độ vạn hạnh. Các vị đều là bậc Thập địa Bồ tát. Có những vị đặc quả Phật rồi hay sắp đặc quả Phật lại phát đại nguyện quay trở lại độ sanh, tức là Bồ tát Siêu việt.

Sáu vị Đại Bồ tát Siêu việt chủ yếu trong Phật giáo Đại thừa là: Địa Tạng Vương Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát và Di Lặc Bồ tát.

Quán Thế Âm Bồ Tát qua kinh sách

Bồ tát Quán Thế Âm là vị Đại Bồ tát biểu tượng cho Từ Bi, được kính ngưỡng, tôn thờ, và gần gũi, kêu cầu nhiều nhất, trên thế gian. Ngài thường hiện thân trong dạng nữ, và toàn bộ kinh pháp, chân ngôn ngài ban cho chúng sanh đều mang tính cách cứu khổ cứu nạn trực tiếp, và pháp bảo đặc trí tuệ giải thoát. Quán Thế Âm được tôn thờ trong hầu hết các truyền thống Phật giáo Đại thừa [Mahayana], Kim Cang thừa [Vajrayana], Nguyên Thủy [Theravada], và bao gồm cả trong Lão giáo [Taoism], và các tín ngưỡng địa phương như Trung quốc, Nhật bản và Việt nam.

I. Ý nghĩa hồng danh Bồ tát Quán Thế Âm

Ngài có rất nhiều tôn hiệu khác nhau, được ghi nhận qua kinh điển Đại thừa của nhiều nền văn hóa

địa phương hay tôn giáo quốc gia khác nhau.

- Tên nguyên ngữ tiếng Phạn trong kinh điển của ngài là Avalokitesvara. Avalokitesvara kết hợp chữ ava: một động từ có nghĩa là xuống, hạ phàm; cùng chữ lokita, một động từ khác có nghĩa là quán sát, quán chiếu; chữ esvara có nghĩa là đấng, chủ tể, trị vì. Kết hợp lại, Avalokitesvara là “Đấng chủ tể quán chiếu nhìn xuống thế gian (để cứu khổ).”

- Tại Ấn độ, quốc gia xuất xứ, ngoài tên tiếng Phạn Avalokitesvara, ngài còn có tên là Padmapāni (Liên Hoa Hộ hay Đấng thủ hộ hoa sen) hay còn là Lokeshvara (Thế gian Vương hay Chủ tể của Thế gian, trong Chú Đại bi có nhắc đến).

- Chuyển ngữ đầu tiên danh hiệu của Bồ tát sang tiếng Trung quốc là Quán Tự Tại [Guānzìzài] do đại dịch giả Trần Huyền Trang thực hiện vào thế kỷ 5. Tiếp theo, các dịch giả Trung hoa chuyển sang là Quán Thế Âm [Guānyīn], có nghĩa là “đấng lắng nghe tiếng kêu cầu cứu khổ,” thích hợp với sự mong cầu của chúng sanh hơn. Hình tướng ngài là nam nhân trong Phật giáo Ấn độ; do tùy duyên hóa độ nên trong Phật giáo Trung quốc ngài thường mang tướng nữ, kể từ đời nhà Đường. Cũng vào đời nhà Đường, Vua Lý Thế Dân để tránh tên lót nhà Vua, nên người Trung quốc đã kiêng chữ “thê” gọi ngài là Bồ tát Quán Âm hay Bồ tát Quan Âm [Kwan-yin].

- Tại Tây tạng, ngài có tên là Chenrezig, hoặc Sphyan ras gzigs. Ngài còn mang hình ảnh của Độ Mẫu Đa La Tara, hay Chuẩn Đề Quán Âm Cundi.

- Tại Nhật bản, ngài mang danh hiệu Kanjizai Bosatsu, Kanzeon Bosatsu, Kannon Bosatsu.

- Tại Hàn quốc, ngài là Gwanseum Bosal.

- Tại Khmer, ngài là Avlokitesvar, Avalokitesvarak, Avalokesvarak, Lokeshvarak.

- Tại Thái lan, ngài là Phra Avalokitesuan, còn được gọi là Kwan-yin, trong cộng đồng Hoa kiều.

- Tại Điển Điện, ngài là Lokanat.

- Tại Nepal, ngài tên: Karunamaya, Jana Baha Dyah, Seto Machindranath.

- Tại Âu châu và Mỹ châu, ngài được nhắc đến trong kinh sách theo Phạn ngữ là Avalokitesvara, hay Lokeshvara, hay Compassion Buddha.

- Tại Việt nam, qua kinh sách, nghi thức, và dân gian, ngài được nhắc đến qua mười danh hiệu: 1. Quán Thế Âm Bồ tát. 2. Quán Tự Tại Bồ tát. 3. Quán Thế Tự Tại Bồ tát. 4. Quán Thế Âm Tự Tại Bồ tát. 5. Hiện Âm Thanh Bồ tát. 6. Quán Âm Bồ tát. 7. Cứu Thế Bồ tát. 8. Quán Âm Đại Sĩ. 9. Phật Bà. 10. Mẹ Độ, Mẹ Hiền.

II. Kinh điển điển bày về Quán Thế Âm

Những kinh điển Đại thừa chủ yếu, cùng các kinh thuộc Thiên tông và Kim cang thừa có đề cập đến xuất xứ, đặc điểm, vị trí và những năng lực hạnh độ của Quán Thế Âm Bồ tát có thể ghi là:

- Diệu Pháp Liên Hoa [Saddharmapuṇḍarīka-sūtra]

- Lotus Sutra]
- Hoa Nghiêm [Avatamsaka Sutra - Flower Garland Sutra]
- Đại A Di Đà kinh [Sukhāvativyūha Sutra - Infinite Life Sutra]
- Lăng Nghiêm Kinh [Śuraṅgama Sutra]
- Bi Hoa kinh hay Đại Bi Liên hoa kinh [Karuṇāpūṇḍarīka sūtram]
- Bát Nhã Tâm Kinh [Prajñāpāramitāhṛdaya - Heart Sutra]
- Chú Đại Bi [Nīlakaṇṭha Dharani Sutra - Mahākaraṇā-citta] Dharani – Great Compassion Dharani]
- Kim cang Bát nhã ba la mật đa Kinh hay Kim cang kinh [Vajracchedikā-prajñāpāramitā-sūtra – Diamond Sutra]
- Chuẩn Đề Đại Minh Đà la ni kinh [Cundī Dharani Sutra]
- Thập Thất Diện Quán Thế Âm Tâm Kinh [Avalokiteśvara ikadaśamukha dhāraṇī. - Eleven-Faced Avalokiteśvara Heart Dharani Sutra]
- Mật Tạng Diển Giải (hay Mật Hạnh Quán Thế Âm) [Kāraṇavyūhasūtra – The Baskets Display - The supernal virtues of Avalokiteśvara]

Trong rất nhiều Kinh của đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng, có nhắc đến hồng danh, trú xứ, đạo hạnh, nguyện lực, độ lực, hành trạng... của Quán Thế Âm. Có thể xem đây là sự chứng minh về xuất xứ của ngài. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất trong tín ngưỡng chính là sự thọ nhận ân đức từ bi của ngài ban cho các tín đồ. Chính điều đó đã tạo nên một sự tín ngưỡng sâu xa và phổ truyền dành cho đức Quán Thế Âm Bồ tát ở mọi nơi.

1. Theo kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn thì ngài có 33 Hóa thân, từ thân Phật, Độc giác... đến thân đồng nam, đồng nữ. Ngài thường vận dụng 14 năng lực vô úy để cứu vớt chúng sanh thoát khỏi ách nạn, hoặc đáp ứng những yêu cầu chính đáng khi nào chúng sanh thành tâm niệm đến danh hiệu của ngài.

2. Theo kinh Đại A Di Đà thì ngài là Đại Sĩ bên trái, còn Bồ tát Đại Thế Chí là Đại Sĩ bên phải của đức Phật A Di Đà lo việc cứu độ chúng sanh trong thế giới Ta bà. Cả ba vị được gọi chung là Tây phương Tam Thánh. Trú xứ chính thức của các ngài là cõi Tây phương Tịnh độ. Phàm khi chúng sanh gặp tai nạn mà chí thành niệm danh hiệu Quan Âm Bồ tát, thì lập tức ngài đến nơi cứu giúp. Do thế mà ngài được đức hiệu là Quan Thế Âm Bồ tát.

3. Theo kinh Hoa Nghiêm ghi nhận đạo tràng của Quán Thế Âm ở núi Phổ Đà Sơn trên biển Nam Hải.

4. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm thì pháp môn tu của vị Bồ tát này là Nhị Căn Viên Thông, nghĩa là tai ngài có thể được sử dụng như năm căn khác. Ngài phát tâm tu hành nơi pháp hội của đức Phật Quan Thế Âm, và đức Phật này đã thọ ký cho ngài khi



Chùa Phổ Đà, Santa Ana tháng Bảy 2020. (hmd)

thành Phật sẽ có Phật hiệu giống như mình. Do đó mà ngài có hiệu là Quan Thế Âm. Đồng thời vị Bồ tát này cũng có 32 ứng thân giống như kinh Pháp Hoa đã mô tả. Chỗ khác biệt là kinh Pháp Hoa liệt kê 33 ứng thân, còn kinh Lăng Nghiêm thì kể đến 32 ứng thân. Ngoài ra, hai kinh này còn giống nhau một điểm nữa là cùng mô tả về 14 đức vô úy của vị Bồ tát này. Số lượng và nội dung của các đức vô úy này gần y hệt như sau.

5. Theo kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà-la-ni thì ngài đã thành Phật từ đời quá khứ cách nay vô lượng kiếp, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng vì nguyện lực Đại bi, muốn làm lợi ích cho chúng sanh nên ngài hiện thân Bồ tát để dễ dàng hoàn thành đại nguyện. Thế nên, ngoài danh hiệu Bồ tát Quan Âm như chúng ta thường nghe, có đôi chỗ còn gọi là Phật Quan Âm.

5. Trong kinh Bi Hoa, đức Phật Bốn sư Thích ca Mâu ni có dạy rằng:

Về thời quá khứ lâu xa về trước, đức Quán Thế Âm làm thái tử con của vua Vô Tránh Niệm. Thời bấy giờ có đức Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai hiểu được đạo lý vô thượng, Vua và Thái tử phát tâm Bồ đề rộng lớn, nguyện tu các hạnh Bồ tát, mong thành Phật quả để phổ độ chúng sanh. Khởi đầu đức Vua và Thái tử làm người thí chủ chân thành cúng dường các thứ y phục,



Chùa Bát Nhã, Santa Ana tháng Giêng 2020 (hmd)

thuốc men, vật thực, mừng mền và tất cả các món cần dùng lên đức Bảo Tạng Như Lai và chúng tăng trong suốt ba tháng. Nhờ nhất niệm tinh chuyên, tinh tấn không ngừng, vua Vô Tránh Niệm chứng thành quả Phật và phát 48 lời thệ nguyện rộng lớn để tế độ khắp cả chúng sanh, ngài liền thành Phật hiệu là A-di-Đà, giáo chủ cõi Tây Phương Cực lạc. Thái tử công hạnh cũng tròn đầy viên mãn cũng về cõi Cực Lạc thành bậc đại Bồ tát hiệu là Quán Thế Âm cùng với Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh về cõi Cực lạc.

6. Theo kinh Nhất Thiết Công Đức Trang Nghiêm Vương thì ngài là một vị Đại Sĩ bên cạnh đức Phật Thích Ca.

7. Theo kinh Chuẩn Đề Đại Minh Đà-la-ni thì vì để hóa độ chúng sanh mà đức Quan Âm ứng Hóa thân vào trong lục đạo. Ngài ngự trị ở Biển Tri Viện thuộc Hiện đô Thai tạng giới Mạn Trà.

8. Trong kinh Mật Hạnh Diễn Giải, truyền thống Kim cang thừa, ngài được xem là một vị Cổ Phật [Adi-Buddha] tức là "Phật Đầu Tiên" hay "Đức Phật Nguyên Thủy." Cổ Phật là Adi-Buddha là vị Phật tự hiện hữu

không do đâu sinh ra. Và sau đó vị Phật này thị hiện trong đời làm một bậc Đại Bồ tát để trợ duyên cho chư Phật Thế tôn trong việc giáo hóa chúng sanh, và gần gũi chúng sanh để tế độ giải thoát khỏi cảnh đau khổ. Đức Quán Thế Âm có diệu quả Nhi căn viên thông nên quán xét và nghe, thấy, biết cùng tột tiếng kêu đau khổ khắp cõi thế gian, hiện ngay nơi đó để cứu độ chúng sanh được vượt thoát tất cả những hiểm nguy.

9. Tông Thai Mật ở Nhật bản xếp ngài vào địa vị Phật, xem là Phật Mẫu, có nghĩa là Mẹ sinh các Phật vì trao cho các pháp tu hành để thành Phật.

10. Tông Đông Mật ở Nhật bản thừa nhận Chuẩn Đề là một trong sáu danh hiệu Quán Âm, thuộc Liên Hoa bộ. Sáu danh hiệu này là: 1/. Thiên Thủ Quán Âm; 2/. Thánh Quán Âm; 3/. Mã Đầu Quán Âm; 4/. Thập Nhất Diện Quán Âm; 5/. Chuẩn Đề Quán Âm; 6/. Như Ý Luân Quán Âm.

11. Đại sư dịch giả Trung hoa Pháp Hiển [Faxian] (337 - khoảng 422) là một trong những dịch giả đầu tiên của Phật giáo Trung quốc, đi bộ từ Trung quốc đến Ấn độ, thăm nhiều địa điểm Phật giáo thiêng liêng ở Tân Cương, Pakistan, Ấn độ, Nepal, Bangladesh và Sri Lanka từ 399-412 để sưu tầm các bản kinh Phật giáo. Cuộc hành trình của Sư được ghi lại trong "Phật quốc ký". Khi Sư đến Mathura ở Ấn độ khoảng năm 400 CE, có tham dự lễ cúng dường Quán Thế Âm của các Sư Ấn độ tại đây.

12. Đại sư dịch giả Trung hoa Huyền Trang [Xuanzang] (602-664), thời nhà Đường, đã đi bộ qua sa mạc đến Ấn độ thọ học tại Đại tu viện Nalanda, sau đó viếng nhiều nơi cổ tự Phật giáo (giờ là các nước Pakistan, Ấn độ, Nepal, và Bangladesh. Sư chứng kiến nhiều tượng Quán Thế Âm được tôn thờ bởi các tín đồ đến từ đủ thành phần: vua chúa, tăng sĩ, và thường dân. Có thuyết cho biết Sư được đức Quán Thế Âm cứu độ khi suýt chết nhiều lần trong cuộc hành trình gian khổ. Và còn được Bồ tát đích thân truyền dạy Bát Nhã Tâm Kinh mà sau đó Sư đã dịch thuật và phổ biến tại Trung quốc trước tiên.

13. Đại sư Đạo Nguyên Hi Huyền [Dôgen Kigen] (1200-1253) Tổ Sư khai sáng Tào Động tông [Sôtô] tại Nhật bản, một trong những Thiền sư quan trọng nhất của Phật giáo Nhật bản. Sư được Phật tử của tất cả các tông phái Phật giáo tại Nhật bản thờ phụng như một Đại Bồ Tát. Khi Sư sang Trung quốc tầm Đạo bằng thuyền nhỏ. Khi thuyền lênh đênh trên biển, một cơn bão nổi lên. Mọi hành khách và thủy thủ đều lo sợ sẽ bị chìm thuyền. Khi đó Sư tĩnh tọa và trì tụng phẩm Phổ Môn. Ít lâu sau Sư thấy đức Quán Thế Âm hóa hiện trên con sóng dữ, và kỳ diệu thay sóng yên gió lặng ngay. Sư đã khắc vào thuyền hình đức Quán Thế Âm mà Sư đã trông thấy. Khi thuyền cập bến tại Kyushu, có vị tăng địa phương đã thỉnh bức họa đó về chùa phụng thờ.

(Còn tiếp kỳ 2) ♦



Thiền Phật Giáo phát triển trong xã hội Thiên Chúa Giáo

TÂM HUY dịch

Trong những quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha, Phật Giáo nằm ngay giữa bối cảnh lịch sử Thiên Chúa Giáo. Mối quan hệ giữa hai nền văn hóa tôn giáo - Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo - phủ lên một hình ảnh bao quát: từ chủ nghĩa bài xích nhau đến đối thoại hiệu quả, chuyển qua các cấp độ đa dạng của sự lãnh đạm nhau. Liên quan đến hai truyền thống tâm linh, Ana Maria Schlüter Rodés biểu hiện những gì bà gọi một cách chính xác là “song ngữ tôn giáo.”

Trong cuộc phỏng vấn với Daniel Millet Gil từ Buddhistdoor Global được dịch sang Anh ngữ và đăng trên trang mạng www.buddhistdoor.net ngày 27 tháng 2, 2020, Ana Maria nói về con đường tâm tinh và thực hành Thiền của bà trong bối cảnh Thiên Chúa Giáo.

Ana María Schlüter Rodés sinh ra tại Barcelona vào năm 1935 trong gia đình cha là người Đức và mẹ là người Tây Ban Nha. Bởi vì trong thời kỳ chiến

tranh thế giới thứ 2, bà sống tại Đức từ năm 2 tuổi đến 14 tuổi, và tại Tây Ban Nha sau năm 1949. Bà học về triết học và văn chương tại Barcelona, Hamburg, và Freiburg im Breisgau (Đức), và tại Nijmegen và Utrecht (Hà Lan), sau đó bà học tiến sĩ tại Barcelona, với luận án về chủ đề “Why Do Some See and Others Look But Do Not See?” [Tại Sao Có Người Nhìn Thấy và Những Người Khác Nhìn Mà Không Thấy?] Kể từ năm 1958, bà đã là thành viên của tổ chức tôn giáo Women of Bethany, sống tại Hà Lan, một quốc gia mà tổ chức này được khai sinh, từ năm 1958 tới 1965.

Ana Maria là giảng sư về chủ nghĩa hòa đồng tại

Hình trên là Thiền Đường Zendo Betania tại Brihuega, Tây Ban Nha. (Zendo Betania)

nhiều trường đại học Tây Ban Nha cho đến năm 1987, được mời bởi một giảng sư tại Viện Higher Pastoral Institute tại Madrid tại một cuộc họp về đoàn kết được tổ chức bởi ký giả Thụy Điển tại Sigtuna vào năm 1968. Lúc đó, bà sống tại một khu ngoại ô của Madrid, duy trì cam kết xã hội sâu sắc, gồm vai trò thư ký cho hiệp hội khu phố của bà.

Ana Maria trở thành phụ tá và thông dịch viên cho Thầy Dòng Tên và Thiên Sư Hugo Enomiya-Lassalle (1898-1990) vào năm 1976. Vào năm 1985, sau một thời gian dài ở tại Nhật, bà được Yamada Kōun Roshi phong làm thầy dạy Thiên, và vài năm sau bà được Kubota Jiun Roshi ấn chứng làm Thiên Sư. Cùng với nhiều đệ tử, bà sáng lập Trung Tâm Zendo Betania Centre tại Brihuega (Guadalajara của Tây Ban Nha), nơi bà sống kể từ năm 1988. Ngày nay, bà đồng hành cùng với nhiều người trên con đường Thiên tại Tây Ban Nha và Mỹ Tây Cơ. Bà cũng phát biểu tại các cuộc hội nghị và đăng các bài viết và ấn hành sách.

Buddhistdoor en Español: Bà là tín đồ sùng đạo Thiên Chúa Giáo mà cũng là người thực hành và dạy Thiên. Xin cho chúng tôi biết về con đường tâm linh đã dẫn đưa một tín đồ Thiên Chúa Giáo trở thành được thừa nhận là một Thiên Sư.

Ana María Schlüter Rodés: Tôi có nhiều kỷ niệm không thể xóa nhòa về thời thơ ấu, như một bông hoa vàng nhỏ bé trong đám cỏ phủ sương mai, trong vườn của ông bà tôi. Và mùi thổ nưôi khi nhặt những hạt giẻ nằm trong những chiếc lá mùa thu rơi rụng trong một khu vườn cây hạt giẻ rậm rạp lấp lánh với những giọt nước, để đổi chúng lấy dầu rau cải. Sự huyền bí của lòng tử tế và mộc mạc, điều mà con người nhận ra trong một cành hoa và khu rừng... Rồi sau này, ký ức về một ngọn núi hoàn toàn bị che khuất trong mây và việc đi bộ trên cao từ sương mù đến một không gian đầy bí ẩn, dãy núi Montserrat. Một cuốn Kinh thánh rút gọn, trong số ít những cuốn sách nằm trên bệ cửa sổ, đã củng cố nhận thức của tôi rằng con người không bao giờ bị bỏ rơi và luôn được che chở, ở giữa mọi thứ, và kèm theo Vị nào đó chúc lành cho họ.

Những nghiên cứu và sự phát triển lý trí của tôi đã dẫn đến một thời kỳ khủng hoảng của “niềm tin đen tối” này, dựa vào kinh nghiệm mà chỉ có lý trí thì không thể giải thích. Cho đến khi tôi hiểu, nhờ Blaise Pascal (Pensées), rằng chức năng cao quý nhất của lý trí là nhận ra giới hạn của nó. Rồi thì, một điều rất sống động và đồng thời, một nhận thức rất đơn giản, vô hình, về Tình Yêu của Chúa, có thể xảy ra.

Lúc này, thật là quan trọng trong cuộc đời tôi, dần dần vang lên hai câu hỏi trong tôi:

1. Làm sao tôi có thể nuôi dưỡng kinh nghiệm này để nó già dặn?
2. Làm sao tôi có thể giúp người khác thức giác đối với hiện thực này?

Điều này dẫn tôi đến Cộng Đồng của Women of Bethany, một đời sống tận hiến giữa thế gian. Ở một phạm vi khác, tôi đã viết luận án tiến sĩ của tôi về đề tài “Tại Sao Một Số Người Nhìn Thấy và Những

Người Khác Nhìn Nhưng Không Thấy?” Nhưng tôi đã không hoàn toàn tìm thấy điều mà tôi tìm kiếm cho đến khi tôi khám phá ra Thiên.

Tiếp xúc đầu tiên của tôi là với Thầy Dòng Tên Enomiya-Lassalle, nhà tiên phong trong đối thoại liên tôn giáo. Ông mở đường cho những tín đồ Thiên Chúa Giáo thực tập Thiên và là Thiên Sư Thiên Chúa Giáo được thừa nhận bởi Thiên Sư Phật Giáo Nhật Yamada Kōun Roshi. Ông đã dựng lên trung tâm Thiên được gọi là Shinmeikutsu (Cave of Divine Darkness - Hang Động Của Bóng Tối Thiên Thần). Ông đã đến Tây Ban Nha vào năm 1976, được mời bởi Ignacio Oñatibia, giáo sư thần học tại Vitoria (Xứ Basque) và cộng đồng tôn giáo Reparadoras de Los Molinos tại Madrid.

Enomiya-Lassalle đã làm việc với Nghị Hội Vatican Hai trong việc viết văn bản, chứa đựng trong tài liệu của hội đồng Ad Gentes, chương 18, viết rằng, “*Cẩn thận xem xét cách tiếp nhận các truyền thống khổ hạnh và ẩn tu trong đời sống tôn giáo của tín đồ Thiên Chúa Giáo, mà hạt giống Thiên Chúa thường xuyên phân tán giữa các nền văn hóa xưa trước khi loan báo Tin Mừng.*” Bản thảo đầu tiên đã nói rõ ràng về Thiên và yoga, dù sau đó, ông đã để nó mở ra cho nhiều truyền thống hơn.

Enomiya-Lassalle đã giới thiệu tôi cho Yamada Kōun Roshi và, sau khi trú lại một thời gian dài tại Sanun Zendo ở Kamakura, Nhật Bản, ông đã chấp nhận cho tôi làm Thiên sư vào năm 1985.

BDE: Zendo Betania đã ra đời ra làm sao và chức năng của nó là gì?

AMSR: Cùng với các đệ tử của tôi, chúng tôi đã sáng lập ra Zendo Betania tại Brihuega, Tây Ban Nha. Chúng tôi nghiên cứu địa điểm hoàn hảo, được hướng dẫn bởi văn bản về Zazen Yojinki do Keizan Zenji viết rằng: “*Trong một thung lũng độc lập... gần dòng nước sạch ... gần con sông - dưới khu rừng ... cách xa các trung tâm quyền lực và phần thịnh, cách xa những người muốn đánh đấm và thống trị.*” Hơn nữa trong trường hợp của chúng tôi, phải có đủ tài chánh và không cách xa trung tâm thành phố lớn hơn 90 kilômét, để chúng tôi có thể đi lại ở đó với sự tiện lợi tương đối, không phải là một tu viện nhưng mà là trung tâm Thiên nơi mà các tín đồ có thể đến, những người đã làm việc và sống tại Tây Ban Nha và xa hơn.

Qua tọa thiên, Zendo Betania nhắm mục đích giúp nhân loại hiện đại gặp lại nguồn gốc sâu thẳm của chính họ trong thời tiết của hòa đồng và tôn trọng tất cả mọi người và mọi niềm tin, và trong hòa điệu với niềm tin Thiên Chúa Giáo. Nó dẫn tới các dự án văn hóa và liên kết với những người và các dân tộc bị thiệt thòi, cả trong và ngoài Tây Ban Nha.

Sự gặp gỡ giữa Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo là sự kiện lịch sử rất quan trọng trong thời đại của chúng ta. Nó có ý nghĩa cho nên hòa bình và sự tốt lành của nhân loại và Trái Đất.

Như trong tất cả các cuộc gặp gỡ thực sự của con người, đối thoại liên tôn giáo Phật Giáo-Thiên Chúa Giáo thay đổi cả hai bên, không bên nào đánh mất

bản sắc của họ. Họ tìm thấy lại nó ở mức độ sâu hơn và nó còn làm cho họ cao thượng hơn. Vì lý do này, Phật tử phải thật sự là Phật tử và nhận ra mình như thế, và tín đồ Thiên Chúa Giáo thật sự là tín đồ Thiên Chúa Giáo, cũng nhận ra họ như thế.

Chỉ từ quan điểm này mới có thể hiểu được cuộc đối thoại giữa các tôn giáo; một cuộc đối thoại giữa hai truyền thống tâm linh trong một con người, như sự thật rằng tại Zendo Betania, những người Thiên Chúa Giáo thực hành Thiên mà không tạo ra một thứ Thiên Thiên Chúa Giáo hay một thứ Thiên Chúa Giáo Thiên.

Sự gặp gỡ giữa Thiên và niềm tin Thiên Chúa Giáo này tạo ra sự chuyển đổi gấp đôi: một mặt, nó làm cho khả dĩ đi vào quan điểm Thiên và, một mặt khác, nó dẫn tới sự khám phá chiều kích sâu hơn của chính niềm tin Thiên Chúa Giáo. Sâu xa hơn, niềm tin kiên định rằng Thần Thánh đang hiện diện trong tất cả con người với sự tốt lành. Những người Thiên Chúa Giáo, được khích lệ bởi Ngài, cảm thấy hạnh phúc vĩ đại mỗi khi họ nhận ra sự có mặt của Ngài trong nhân tính và điều này thức tỉnh trong họ sự ước muốn học hỏi từ mọi người và nhận biết và yêu thương Thượng Đế, Cha của tất cả chúng ta, sâu hơn và sâu hơn.

Nghị Hội Vatican Hai của Giáo Hội Công Giáo, đã được tổ chức vào năm 1965, cổ võ “*rằng qua đối thoại và hợp tác với tín đồ các tôn giáo khác, thực hiện với sự thận trọng và lòng yêu thương và làm chứng cho đức tin và cuộc sống Thiên Chúa Giáo, họ nhận thức, bảo tồn, và khuyến khích các việc thiện, tâm linh và đạo đức, cũng như các giá trị xã hội-văn hóa được tìm thấy trong những người này.*” (Nostra Aetate 2)

BDE: Bà có thể cho chúng tôi biết một chút về sự hiện hữu của tổ chức Zendo Betania tại Châu Mỹ La Tinh.

AMSR: Vào tháng 9 năm 1990, đáp ứng lời mời liên tục, tôi đã đến thành phố Mexico lần đầu tiên để giới thiệu Thiên, và tôi tiếp tục thăm viếng nơi này cho đến năm 2014. Sau 25 năm, trong thời gian mà Zendo Betania cũng đã được thành lập tại các thành phố khác, tôi đã chỉ định một người thẩm quyền để thay tôi tại các buổi giới thiệu và khóa thiền nhiếp tâm [sesshin] này. Hai người khác giúp những giới thiệu này, tại Mexico City và Nezahualcóyotl, riêng biệt. Lúc này, những liên lạc với tôi tiếp tục bằng Skype với các đệ tử và các nhóm địa phương, chủ yếu tại Mexico City, Nezahualcóyotl (một tiểu bang của Mexico), Monterrey (thủ phủ của tiểu bang Nuevo León) và Torreón (thủ phủ của tiểu bang Coahuila), cũng như lúc đầu tại Tampico. Nhiều đệ tử đã đến Brihuega tại Tây Ban Nha để nhận thêm huấn luyện.

Trong năm 2002, Pedro Flores, một thiền sư của Zendo Betania, đã đến Argentina và tiếp tục thăm viếng hàng năm cho đến năm 2018. Hiện nay Thiên tiếp tục có mặt ở đó, với nhiều nhóm tại Buenos Aires và tại Argentine Patagonia, với hai người chịu trách nhiệm việc giới thiệu. Cũng có người từ Argentina là người đến Zendo Betania tại Tây Ban Nha. Có một đệ



Giảng sư Ana María Schlüter Rodés (Equipo Ecuménico Sabiñánigo)

tử của Zendo Betania tại Bogota, Colombia, và những người đến từ nhiều quốc gia Châu Mỹ La Tinh đã tiếp xúc trực tiếp với tôi.

Trong năm 2016, một vị thầy của Zendo Betania, là người đã đến El Salvador, Guatemala, và Ecuador, tách ra từ Zendo Betania sau 30 năm và hiện thuộc dòng Thiên Sanbo.

Tam cá nguyệt san Pasos, được thực hiện bởi Phái Thiên Zendo Betania - với số báo lưu hành nội bộ - có nhiều mục tiêu chính về việc kéo dài sự hướng dẫn lộ trình đưa vào nhiếp tâm, và giúp xác lập con đường Thiên trong truyền thống văn hóa Tây Phương và Thiên Chúa Giáo.

BDE: Bà miêu tả Thiên như thế nào?

AMSR: Hiện tại, tôi hiến dâng tất cả cho công tác “tu luyện mảnh đất tâm,” để nó miễn cảm và thâm nhập tới chiều sâu thẳm nhất của thực tại.

Tôi tin tưởng sâu sắc vào ánh sáng của tâm thức của tất cả mọi con người. Hai bậc đại nhân đã minh giải điều này rõ ràng, vào những khoảng thời gian rất ra nhau trong lịch sử, cũng là xa nhau về địa lý và trong khuôn khổ văn hóa-tôn giáo: Đức Phật Cô Đàm Sĩ Đạt Ta và Thánh John của Thập Giá, một huyền bí Thiên Chúa Giáo ở thế kỷ 16. Người thứ nhất tuyên bố lần đầu tiên sự tỉnh thức của ngài, lúc trở thành vị Phật: “Tất cả chúng sinh đều có khả năng giác ngộ, nhưng vì cách suy nghĩ và cố chấp sai lầm đối với chính họ mà họ không nhận ra được điều đó.” Thánh John của Thập Giá đã viết rằng, “Ánh sáng

này không bao giờ thiếu đối với linh hồn, nhưng bởi vì các hình thức và mạng che mặt” (Ascent of Mount Carmel II, 13,4).

Con đường nào mà Thiên đề xuất để thành đạt sự thức giác ánh sáng của tâm hay - được mô tả chính xác hơn trong ngôn ngữ Thiên - cội rễ hay yếu tính của con người và tất cả các pháp? Theo lời dạy được cho là của Bồ Đề Đạt Ma tóm tắt điều tinh yếu, Thiên là:

Giáo ngoại biệt truyền (truyền riêng ngoài giáo pháp)

Bất lập văn tự (không dựa vào chữ nghĩa)

Trực chỉ nhân tâm (chỉ thẳng tâm người)

Kiến tánh thành Phật (thấy tánh thành Phật)

Cuộc đối thoại sau đây đã diễn ra vào thế kỷ thứ 8 tại Trung Hoa: Đại sư Yakusan Igen (Được Sơn Duy Nghiễm) ngồi Thiền và một vị tăng đến gần và hỏi: “Ngài làm gì trong lúc ngồi tĩnh tọa như thế?” Được Sơn trả lời: “Tôi ngồi trong bất khả tư nghì (fu shiryo tei).” Vị tăng hỏi lại: “Làm sao người ta có thể ngồi trong bất khả tư nghì?” Được Sơn trả lời: “không tư nghì” (hi shiryo). Đây là nghệ thuật tinh yếu của tọa thiền: ngồi, không suy nghĩ, trong bất khả tư nghì, vượt thoát tạp niệm. Nhiều thế kỷ sau đó tại Nhật, Thiền Sư Đạo Nguyên thêm vào: “Và cái bất khả tư nghì này giúp tôi.”

Tôi muốn nói thêm rằng Thiên là “con đường trở về nhà,” theo những lời từ Zazen Yojinki bởi Keizen Zenji. Nó không phải là phương pháp hay kỹ thuật, nhưng là nghệ thuật. Một dương cầm thủ phải biết các nốt đàn dương cầm thật tốt, nhưng chính điều này sẽ không làm cho người đó trở thành một dương cầm thủ; người ấy sẽ không bắt đầu thực sự là một dương cầm thủ cho đến khi vị đó không còn nghĩ gì về những nốt đàn - khi đó chỉ có nhạc mới thật sự hiện hữu. Nói lắt léo, Thiên không phải là thiền, trong thời gian một người tu tập các căn và các trú sở của tâm, nhưng giống như điều Thánh John và Mẹ Teresa nói đến như là sự quán chiếu.

BDE: Làm sao việc thực hành Thiền giúp con người sống kinh nghiệm Thiên Chúa Giáo sâu sắc hơn?

AMSR: Khi tôi từ từ đi sâu hơn vào con đường Thiền, tôi tiếp tục khám phá ra rằng không chỉ tôi đang học hỏi phương pháp mới của việc lặn sâu vào sự kỳ bí - mà vượt qua các giới hạn của tư duy khách quan - nhưng tôi cũng học được một số điều nữa, một số điều mà trước hết tôi đã không thể nào tưởng tượng: một “ngôn ngữ” mới dẫn tôi tới sự khám phá và thể hiện bản thân trong cách mới, mà đã mở ra chân trời mới cung ứng nhiều khả năng mới để liễu giải một số chiều kích của kinh nghiệm. Như thế, dù thực tại tối hậu và bất khả thuyết là một và luôn luôn giống nhau, khuôn khổ tôn giáo mà nó được trải nghiệm ảnh hưởng đến khả tính và phương thức kinh nghiệm nó, cũng như sự diễn giải về kinh nghiệm.

Tất cả khuôn khổ văn hóa và tôn giáo là sự biểu đạt kinh nghiệm và, ngược lại, nuôi dưỡng phương

mấy dì mấy cậu của tôi đôi khi khó cưỡng lại ý thích thưởng thức tô bún bò đậm đà vị béo mặc dù biết rõ mình bị cao huyết áp và cao mỡ trong máu. Tôi không có ý phê bình hay nhận xét về thói quen ăn uống. Tôi cũng không có ý định phân biệt giữa ăn chay và không ăn chay vì mỗi tôn giáo đều có cách thực hành đức tin khác nhau và mỗi người nếu theo một tôn giáo nào đó đôi khi cũng có cách hành đạo khác nhau. Tất cả những điều khác nhau về hình thức đó suy cho cùng đều hướng về một bầu trời thương yêu và một mặt đất bình an chung cho loài người và muôn loài khác.

Giữa những âu lo mùa đại dịch, tôi viết lại kỷ niệm về Bà ngoại của mình vì kỷ niệm đó, trong những ngày thử thách tinh thần này, cứ làm tôi rưng rưng khi bụng chén cơm nóng với món nấm khô Shiitake xào. Loại nấm này được trồng và sấy khô ở vùng đất nông nghiệp hiền hòa ở tận tiểu bang Oregon xa xôi. Món chay mà tôi được ăn bây giờ so với quả chuối chín với mấy hạt muối rang ngày trước của Bà ngoại tôi có thể nói là khác xa nhau về hình thức, nhưng điều tương đồng mà tôi cảm nhận được chính là sự bình an hiện hữu trong tâm tâm như lúc Bà ngoại tôi ngồi im lặng một mình với bát cơm chay. Sự bình an ấy cứ theo tôi trong những khoảnh khắc nhớ về Bà với hình ảnh đầu đội nón lá tay cầm hoa sen đi chợ về. Sự bình an ấy giúp tôi bớt lo sợ trong những ngày dịch bệnh này, và sự bình an ấy là điều tôi muốn được san sẻ với những người mà Bà tôi mang nặng sanh thành và nhọc công nuôi dạy, trong đó có mẹ tôi. Cơm mưa vẫn trút nước xuống lòng đường, còn lòng tôi thì ướt sũng nhớ ngày Bà ngoại mình trả hết nợ trần, để lại cho con cháu của Bà hoài niệm bình an về đóa sen trang nghiêm trên bàn thờ Phật, bát cơm trắng ngọt hương chuối chín và đức tin sâu dày...

(Cali, ngày 10 tháng 4, 2020) ♦

thức đặc biệt của sự nhận thức thực tại và giải thích kinh nghiệm. Một khuôn khổ mới, như Phật Giáo Thiền cho tín đồ Thiên Chúa Giáo, cung cấp khả tính ngôn ngữ mới cho việc giải thích điều gì được kinh nghiệm và cũng tạo ra nhiều khả tính nhận thức mới, cũng như phương tiện mới để giải cứu khỏi sự lãng quên được nhận ra.

Michael Amaladoss SJ gán một ý nghĩa tiên tri cho các tiến độ Thiên Chúa Giáo đến với Thiên hoặc những con đường khác. Không phải là tạo ra một bản sắc tôn giáo thứ ba và siêu đẳng, mà thay vào cuộc sống căng thẳng giữa Thiên và đức tin Thiên Chúa Giáo thì ủng hộ trào lưu đối thoại mà ngày nay cần thiết hơn bao giờ hết để thực hiện sự cân bằng đối với trào lưu chính thống tin tuyệt đối vào Thánh Kinh.

Và đối với Thiên không có sự tĩnh thức hay giác ngộ thực sự nếu nó không dẫn tới từ bi. ♦



Sư Thích Nữ Tịnh Quang tại sân Chùa Bửu Tích, Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu. Trên Facebook, Ni Sư viết Sư là "Thiên thần của Tịnh Độ" nhại theo tên của băng lái xe mô-tô "Thiên thần của Địa Ngục" - Hell's Angels.

Ni Sư Thích Nữ Tịnh Quang năm nay đã trên 70 tuổi, chào đời tại Gia Nã Đại (Canada), có bằng Cử Nhân Triết Học, tốt nghiệp bằng Phục Vụ Cho Nhân Quyền chuyên về Sức Khỏe Tinh Thần và Điều Trị Bệnh Nghiện, từng được huấn luyện chuyên môn cao cấp hậu cử nhân đại học ở viện Gestalt Institute, Toronto. Sau nhiều năm học hỏi đạo Phật, cuối cùng Sư đến Việt Nam và thọ giới Tỳ Kheo Ni tại Chùa Bửu Tích ở Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu, với người chủ lễ là Ni Trưởng Thích Nữ Bảo Nguyệt, và do đó Sư mang pháp hiệu Việt Nam là Thích Nữ Tịnh Quang. Mặc dù cũng có tu học ở Nam Hàn trước khi quay về quê hương, Sư Tịnh Quang xem có vẻ gần bó với quê đạo Việt Nam nhiều hơn, thường nhắc đến những kỷ niệm ở Chùa Bửu Tích và sự thương yêu dành cho các em gái mồ côi được nuôi và tu ở chùa này.

Từ khi về lại Canada, Sư Tịnh Quang lập đạo tràng Little Heron Zen Hermitage ở thành phố Hamilton, tỉnh bang Ontario, không xa địa danh Thác Niagara và thành phố Buffalo bên biên giới Mỹ ở tiểu bang New York. Đạo tràng ấy cũng chính là ngôi nhà ấm cúng

của Sư với cư dân Canada sống ở chung quanh, nơi mà Sư dùng để hoằng pháp bằng kiến thức về triết học, tâm lý học và Phật học. Bục giảng pháp của Sư Tịnh Quang chính là trang Facebook mang tên Thích Nữ Tịnh Quang, nơi mà mỗi ngày Sư truyền bá lòng thương yêu sự sống, trân quý thiên nhiên, bình đẳng trong xã hội, tôn trọng sự khác biệt giữa người với người, và hòa hợp tôn giáo qua những bài viết ngắn, những chia sẻ về âm nhạc, tranh vui, hay hình ảnh đẹp. Với tinh thần phóng khoáng, Sư Tịnh Quang cũng thường dùng tính khôi hài, sự hiểu biết về văn hóa dân gian Tây Phương để mang niềm vui đến cho các đạo hữu từng ghé trang Facebook của Sư. Thế nên điều không ngạc nhiên là một số "bạn Facebook" của Sư là người Việt Nam.

Mặc dù tâm sự rất nhiều và thường chia sẻ những thông tin cá nhân, kể cả về các thân bằng quyến thuộc, về cha mẹ (cha bị bệnh tâm thần với những ám ảnh tang thương từ ngày trở về từ Đệ Nhị Thế Chiến, và mẹ đã chăm sóc cha trong suốt cuộc đời của ông, không hề than thân trách phận với bất cứ ai), Sư Tịnh Quang hầu như không bao giờ nhắc tới thế danh

Chứng tử Phật của

Ni Sư Tịnh Quang

Hình: Thich tinh quang/ Facebook

của mình, gần như hoàn toàn xuất gia theo đúng ý nghĩa của nó. Thế nhưng một buổi kia, hôm 4 tháng Tám, 2020, Sư Tịnh Quang đã bất chợt tâm sự nhiều hơn về lý do tại sao Sư đã theo đạo Phật.

Dưới đây là bài tạm dịch của Tinh Tấn Magazine từ đoạn văn chia sẻ của Sư Tịnh Quang:

Rất nhiều lần trong bốn mươi năm qua, và nhất là từ ngày xuất gia, tôi thường nghe người khác hỏi rằng khi nào hoặc tại sao tôi đã đến với đạo Phật. Trong nhiều năm tôi đã trả lời rằng tôi đến với đạo Phật vào khoảng năm 1974 qua sự tìm hiểu về hệ thống triết lý Advaita Vedanta của đạo Hindu (Ấn Độ Giáo). Khi ấy tôi đang học hỏi để trở thành một vị thầy dạy môn yoga. Thời gian sau, khi đang được huấn luyện để trở thành một chuyên viên điều trị tâm lý tại Viện Gestalt, tôi mới nhận ra một nguồn gốc thật sự sâu xa hơn trong tâm lý của mình từ hồi còn bé, và đó mới chính là nguyên nhân đưa tôi vào con đường của đạo Phật.

Kỷ niệm sớm nhất mà tôi còn nhớ về sự thất vọng ở đạo Thiên Chúa là khi tôi được khoảng bốn tuổi. Mỗi sáng Chủ Nhật tôi được cha mẹ gởi đi học lớp giáo lý ở nhà thờ, nơi mà tôi được nghe dạy rằng nếu tôi không tin ở Thượng Đế thì tôi sẽ xuống Địa Ngục khi tôi chết. Tôi còn được nghe giảng rằng những nhà truyền giáo được gởi

đến Phi Châu để cho trẻ em ở đó được nghe về Đức Chúa. Lúc đó tôi cảm thấy có sự bất công, rằng nếu trẻ em ở Phi Châu không hay biết gì về Chúa thì sẽ bị đọa xuống Địa Ngục. Tôi đã không tin ở Thượng Đế, và tôi rất sợ hãi rằng nếu lời dạy của họ là đúng sự thật; nỗi lo sợ đó đã khiến tôi bị thức giấc lúc nửa đêm. Nếu những điều họ nói là đúng sự thật thì quả là tôi sẽ gặp rắc rối lớn; Thượng Đế xem có vẻ là người nóng tính ... bão lụt, thiên tai, và thù hận. Khi còn bé, tôi không thể nào hiểu được rằng trẻ em đã làm nên tội tình gì để bị Thượng Đế gây bão lụt sát hại chúng nó. Tôi từng ăn gian khi hé mắt nhìn trong cuộc chơi gắn-duôi-vào-con-lừa. Ăn gian như vậy có bị Thượng Đế trừng phạt hay không?

Với hy vọng được nghe câu trả lời, tôi hỏi cô giáo dạy lớp giáo lý ngày Chủ Nhật rằng làm sao cô biết có Thượng Đế. Cô hỏi ngược lại tôi, “Bộ mẹ con không nói cho con biết là có Thượng Đế hay sao?”

Tôi đáp, “Dạ có, nhưng làm sao mẹ con biết có Thượng Đế?”

Cô giáo trả lời với câu, “Chắc là bà ngoại có nói cho mẹ con biết.”

Tôi đáp, “Dạ có, nhưng làm sao bà ngoại biết có Thượng Đế?”

Cô giáo ngần ngừ vài giây rồi hỏi lại tôi, “Bộ con không nghe Cha Fricker nói là có Thượng Đế?”

“Dạ có,” tôi đáp. “Nhưng làm sao Cha biết được có Thượng Đế?”

Cô giáo đã thở dài, trợn mắt với vẻ khó chịu, rồi cô giải thích điều đó có nói trong Kinh Thánh và tôi phải tin rằng điều đó đúng sự thật. Tôi nhận ra rằng không ai có thể chứng minh cho tôi thấy có Thượng Đế. Ai cũng nghe người khác nói hoặc đọc trong sách được viết bởi ai đó. Mặc dù tôi đã tiếp tục đi nhà thờ cho đến năm 15 tuổi với thái độ chống đối, nhưng thật ra Giáo Hội đã mất tôi từ năm tôi mới bốn tuổi.

Vào năm 1953 khi học lớp Một, tôi cảm thấy rất phấn khởi về việc được tập đọc. Tôi được dạy mình hãy nói lớn từng chữ khi thấy chữ ở bất cứ nơi đâu. Một hôm kia mẹ dắt tôi đến một tiệm tạp hóa ở góc phố gần nhà, nơi có vài kệ bày bán



Hình trên: Ni Sư Tịnh Quang trong đạo tràng Little Heron Zen Hermitage tại thành phố Hamilton, tỉnh bang Ontario, Canada. Hình dưới: Ni Sư với mẹ tại một nhà hàng nhân ngày Mother's Day. Mẹ của ni sư qua đời năm 2017, thọ 97 tuổi.

sách. Một cuốn sách màu đỏ có chữ Đỏ, tôi liền đánh vần và nói lớn chữ Đỏ. Càng đọc những tựa sách, tôi càng vui thích vì biết mình có thể đọc chữ bên ngoài lớp học. Thế rồi tôi quay qua hỏi mẹ khi đọc mấy chữ này “Z-E-N BU-DD-HI-S-M” (Thiền Phật Giáo). Z-E-N BU-DD-HI-S-M là gì vậy mẹ? Mẹ nói đó là một tôn giáo ở bên Nhật. Tôi theo đạo Anh Giáo và bạn thân của tôi theo đạo Thiên Chúa Pentecostal, và những đứa trẻ sống bên kia đường nhà tôi theo đạo Công Giáo. Thành thử khi nghe có một tôn giáo khác thì tôi ngạc nhiên.

“Thế họ có tin ở Chúa Jesus?” tôi hỏi mẹ, biết rằng người theo Do Thái Giáo không tin ở Chúa Jesus.

“Không, họ không tin ở Chúa,” là câu trả lời.

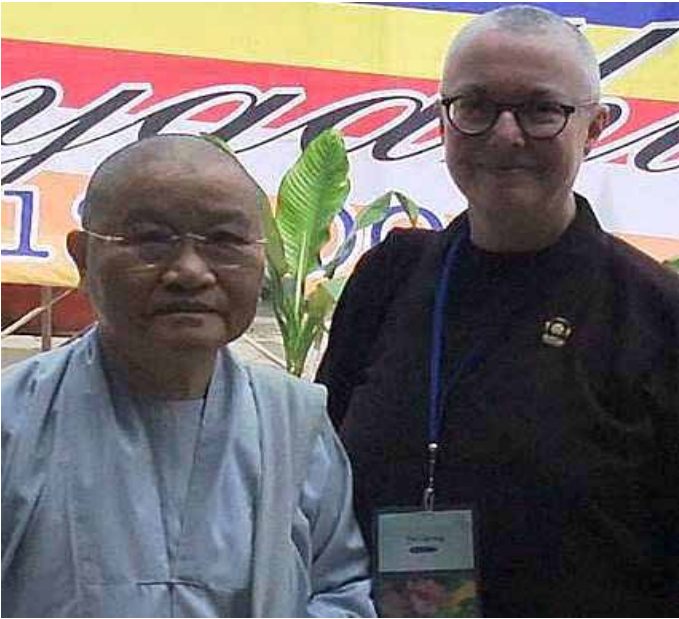
“Thế thì họ tin gì?” tôi hỏi tiếp.

“Mẹ không biết,” bà nói. “Mẹ



không thể giải thích được; họ không suy nghĩ như chúng ta.”

Tôi có cảm giác như bị sét đánh trúng thẳng vào ngực. Tôi tưởng mình sẽ bị té ngã ra đằng sau. Rồi sự phấn khởi đã mau chóng tràn đến trong tôi! Những con người ở bên kia trái đất khác như thế nào khiến cho họ có thể suy nghĩ khác với chúng tôi? Làm sao mà họ có thể khác được? Tôi không hiểu tại sao tôi lại có thể suy nghĩ như vậy! Ý tưởng đó từ đâu ra? Nó đã đến thật bất ngờ. “Nhìn kia, có một ý tưởng đang hiện lên, tôi đã không tạo ra nó và cho nó đi vào đầu tôi.”



Ni Sư Thích Nữ Tịnh Quang gặp lại Sư Bà Thích Nữ Bảo Nguyệt tại Hội Nghị Nữ Giới Phật Giáo Thế Giới được tổ chức tại Sài Gòn đầu năm 2010. Sáu tháng trước đó, Sư Bà Bảo Nguyệt đã làm chủ lễ tại buổi thọ giới Tỳ Kheo Ni của Ni Tịnh Quang. Sư kể rằng vài tuần sau khi bức hình này được chụp thì Sư Bà viên tịch.



Ni Sư Tịnh Quang thiền hành bên ngoài Chùa Bửu Tích.

Tôi còn nhớ mình đứng bên ngoài cửa tiệm với nét mặt nhăn nhó, trong khi đầu óc đang cố gắng suy nghĩ. Đó là một kỷ niệm mà tôi còn nhớ rất rõ. Tôi có thể dắt bạn đến đúng vị trí mà tôi từng đứng với ý tưởng đó.

“Con làm sao vậy?” mẹ tôi hỏi một cách thiếu kiên nhẫn.

Tôi đáp, “Con đang tìm cách suy nghĩ một cách khác.”

Mẹ hối thúc tôi đi, khiến tôi cảm thấy rất buồn và muốn khóc. Tôi chỉ có thể diễn tả lại rằng đó là một nỗi niềm giống như một nỗi buồn. Tôi không thể nào giải thích cho mẹ hiểu phản ứng từ sâu trong nội tâm trước lời hối thúc của bà. Tôi không nhắc tới điều đó nữa sau khi mẹ tôi nói rằng bà không biết tìm đâu ra ở gần nhà có người giúp tôi suy nghĩ một cách khác. Nói chung, họ phải là người đến từ Nhật Bản, mà tôi thì không biết người Nhật nào sống chung quanh đây. Tôi còn nhớ mình tự hứa rằng đây là điều rất quan trọng, và đến một ngày nào đó tôi sẽ học cách “suy nghĩ” giống như người theo “đạo Phật” ở xứ Nhật Bản. Tất cả những ý tưởng đó, cùng lúc cảm nhận được ảnh hưởng của nó đang đánh mạnh trong lồng ngực.

Khoảng một hay hai năm sau biến cố đó, tôi đã tò mò khi thấy một tượng Phật tại nhà của bà nội tôi. Trước tượng Phật, bà thắp nhang, chưng bông hoa và đốt đèn cầy. Tôi thích tượng quá và yêu mến bà; ngày đó tôi không biết một ai khác thờ Phật như bà. Bà nội mà tôi gọi là Nana là người chống tôn giáo. Tôi hỏi Nana tại sao bà lại thắp nhang và có một tượng Phật? Bà nói, “Bà cảm thấy rất an lạc khi bà thắp nhang và ngắm Phật.” Tôi cảm thấy rất yên lòng khi nghe điều đó, và từ đó trở đi tôi được bình an mỗi khi thấy tượng Phật.

Những chủng tử đã được gieo trồng từ khi tôi còn bé, bởi những người mà họ không hề biết rằng họ đang gieo hạt mầm trong tôi, và tôi rất biết ơn họ. Thành thử với sự hiểu biết đó trong lòng và trong tâm, tôi cảm ơn mẹ Nina của tôi, bà nội Nana của tôi, cô giáo Edith tại lớp giáo lý Chủ Nhật của tôi; họ là ba người thầy đầu đời của tôi.

Con đường đạo đã trải qua những nghi vấn, những khổ đau và niềm vui đầy đạo vị. Tôi xem việc hoàng pháp của tôi là một đóng góp nhỏ nhoi cho sự an lạc của tất cả các chúng sanh. ♦



Ni Sư sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử từ một chùa trong vùng Hamilton năm 2018.



Ai ở tù?

LỜI SƯ GIÁC NGUYÊN

Có một cuốn phim ngắn của Nhật Bản có tên là Blind Samurai, một hiệp sĩ mù, khi ra tù bạn bè đến thăm, ông nói, “Đối với tôi tù hay không tù nào có khác gì nhau, vấn đề là ổ khóa được khóa bên trong hay bên ngoài và ai là người giữ chìa khóa.”

Có nhiều cách để chúng ta có mặt trong Phật pháp, và như trong câu chuyện tôi vừa kể, tù hay không tù nằm ở điểm là ổ khóa được khóa trong hay khóa ngoài và ai giữ chìa khóa. Nếu mình đang ở trong phòng khóa cửa và mình giữ chìa khóa thì mình đâu phải ở tù. Cũng cần phòng đó, cũng ổ khóa đó mà người khác giữ chìa khóa thì đúng là ta đang bị giam.

Ở đây cũng vậy, tôi mong mọi người trong phòng nghe điểm này mà về tự hỏi mình, những thứ mình đang nắm giữ trong tay mỗi ngày là mình làm chủ nó hay nó làm chủ mình. Và hiện giờ mình có phải là người đang bị sống trong một nhà tù hay không, nhà tù của tình cảm, gia đình, của sức khỏe, của nhan sắc, của thị phi, của ý tưởng trốn khổ tìm vui, ham sống sợ chết...

Tất cả đều là nhà giam hết, vấn đề là ai giữ chìa khóa và khóa trong hay khóa ngoài.

Sự có mặt của mình trong đạo có nhiều kiểu. Sự có mặt của người chuyên tu khổ hạnh cũng là một kiểu có mặt; sự có mặt giữa đám đông có quần chúng, sự có mặt của một giảng sư, pháp sư, của một cư sĩ có bạn đạo có thầy tổ, cũng là một kiểu có mặt.

Nhưng kiểu có mặt nào đi nữa cũng phải hướng đến lý tưởng cao nhất, đó là sự giải thoát.

(Trích từ một bài giảng của Sư đăng trên New Dharma Readers / Facebook) ♦

Chú thích hình trên của New Dharma Readers: Để mọi người có cơ hội đến gần những sinh vật hoang dã mà không phải thất vọng khi thấy chúng bị nhốt trong những chiếc lồng nhỏ, Sở Thú Lehe Ledu cho những con thú được tự do và đưa du khách vào lồng.

Một cư sĩ nên chia đều tài sản như thế nào theo lời Phật dạy?

Nguồn SIMSAPA Facebook

Đức Phật Ngài dạy rằng: Một người cư sĩ sống đúng theo lời Phật thì dầu vẫn gây dựng vật chất nhưng luôn chia đều tài sản ra làm năm phần:

- Dùng vật chất chăm sóc gia đình.
- Giúp đỡ bè bạn thân hữu.
- Luôn dành phần tài sản để phòng bất trắc.
- Biết dùng tài sản để sống đẹp với người với thiên hạ còn sống, cũng như với hàng khuất mặt. Thí dụ như ai kêu từ thiện làm cầu, làm đường mình cũng làm, nghe ai xa xa không quen biết họ cần giúp đỡ mình cũng giúp. Đó là giúp thiên hạ còn sống. Thiên hạ khuất mặt là lâu lâu mình cũng biết làm phước, cúng dường hồi hướng cho chư thiên trong nhà cửa cuộc đất của mình.

Hoặc thí dụ Phật tử mình không tin chuyện cúng bái này nọ, nhưng nếu cần, bởi vì mình biết người khuất mày khuất mặt họ không ăn được đồ cúng, nhưng mình cũng nên tổ chức những buổi trai tăng để hồi hướng cho chúng sanh xa gần, mình biết rằng lúc nào họ cũng lảng vảng quanh mình để chờ công đức chia sẻ.

- Biết dùng tài sản để hộ trì hỗ trợ cho những bậc tu hành khả kính.

Nói cho cùng tại sao các vị khả kính, là bởi vì không có tài sản, và phải sống nhờ vào tấm lòng của muôn phương. Mình hỗ trợ họ có nghĩa là mình hỗ trợ cái thiện ở đời.

Hỗ trợ bậc khả kính là nuôi dưỡng nguồn thiện ở đời. Bởi vì những bậc thiện nhân, những bậc tu hành đức độ, họ chính là ánh sáng của thế giới, mình hỗ trợ hộ trì họ là mình chăm dầu nuôi dưỡng ngọn đèn đấy cho cuộc đời.

Nên nhớ, tất cả chư Phật thánh nhân cũng đều sống nhờ vào cơm mười phương góp tin tâm mọi nhà là chỗ đó. Ngay cả chư Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, Độc Giác, Thanh Văn Giác, tất cả đều phải sống nhờ vào bàn tay hào sảng chia xé của người có tóc.

Cho nên mình là cư sĩ, có vợ chồng con cái, nhưng hãy nhớ rằng tuy mình tu không ra gì so với những vị xuất gia, nhưng mình chính là suối nguồn, là hơi thở là huyết mạch để các vị kia họ tiếp tục làm thánh. Chứ nếu không có cư sĩ có tóc nuôi thì thánh sống nhờ cái gì?

Đó là cách dùng tài sản đúng như lời Phật dạy. Nói nôm na là người cư sĩ tuy vẫn biết làm lụng kiếm sống, nhưng vẫn biết chia đều tài sản ra làm năm phần như trên. ♦



Cuộc đời của Sư Bà Diệu Không: 'Con xin lăn lóc cõi Ta Bà'

Trong số thứ tư ra hồi tháng Bảy 2020, Tinh Tấn Magazine có đăng những bài viết về các ni sư đã cống hiến đời mình cho sự an lạc của chúng sanh bằng sự xiển dương Phật pháp với tất cả khả năng, kiến thức, và lòng từ bi của họ. Vì sự giới hạn của số báo nên chúng tôi không thể nào kể cho đủ hết các bậc nữ tu rất xứng đáng được đề cao trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Danh sách thiếu sót ấy chắc hẳn rất dài, và một trong các vị tôn đức cũng cần được nhắc tới là Sư Bà Thích Nữ Diệu Không, một vị ni đã đóng góp khá nhiều cho Phật Giáo Việt Nam, về mặt xã hội cũng như giáo dục ni chúng trong thế kỷ thứ 20.

Bài viết này tổng hợp phần lớn từ bài 'Cuộc Đời và Sự Nghiệp của Sư Bà Diệu Không' của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu - vị thầy đã khai sơn Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương trong vùng San Diego, Nam California - viết nhân dịp 'Về Nguồn - Hiệp Kỳ Tổ Sư lần thứ 8' được tổ chức tại chùa Pháp Bảo,

Sydney, Úc Châu năm 2014, một phần từ cuốn hồi ký 'Đường Thiên Sen Nữ' của Sư Bà Diệu Không viết năm 1986, và từ một số các tài liệu khác, về cuộc đời của một ni sư mà đôi lúc rất ly kỳ trong một giai đoạn lịch sử đầy biến cố của Việt Nam, và trong cõi ta bà mà ngài đã nguyện "lăn lóc" để cứu độ chúng sanh.

*

Hòa Thượng Nguyên Siêu viết: "Trên dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam thời cận đại của những thập niên 30-40 có bậc Tôn túc của Ni giới xuất hiện, đồng hành với chư Tăng để xiển dương Phật pháp, đào tạo Tăng tài, xây dựng tự viện, giữ gìn giềng mối đạo pháp được bền vững. Bậc Tôn túc của Ni giới ấy là Sư Bà Diệu Không, người đã hy hiến cả đời mình cho đời lẫn đạo, đã lưu lại cho hậu thế một hành trạng sáng ngời cho đàn hậu học noi gương."

Vậy Sư Bà Diệu Không là ai, xuất thân như thế nào?

Sư Bà có thể danh là Hồ Thị Hạnh, húy là thượng Trưng hạ Hảo, hiệu là Nhất Điểm Thanh. Sư Bà sinh ngày 24 tháng 12, 1905 tức năm Ất Ty, con gái út trong một gia đình danh gia vọng tộc của Cụ Hồ Đắc Trung và Cụ Châu Thị Lương ở làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, trong buổi giao thời của hai nền văn hóa cũ mới.

Thân phụ của Sư Bà là quan đại thần của triều đình Huế thời bấy giờ. Thuở thiếu thời Sư Bà đã hấp thụ hai nền giáo dục cũ mới nên có tư tưởng rất cấp tiến. Gia đình muốn cho Sư Bà xuất dương du học, nhưng Sư Bà đã từ chối vì muốn sống trong hoàn cảnh đương thời, trong lễ nghi đạo đức truyền thống ngõ hầu nâng cao phẩm giá của người phụ nữ mà Sư Bà thường ấp ủ.

Tuy nhiên, Sư Bà nghĩ rằng muốn nâng cao giá trị phẩm chất của người phụ nữ thì phải xuất gia, tu học, phải xa rời đời sống nhỏ hẹp gia đình. Để thực hiện ước vọng ấy, Sư Bà bèn xin cha mẹ đi tu, nhưng gia đình không dễ dàng chấp nhận vì Sư Bà là con gái út của quan đại thần, hơn nữa thời gian ấy ở Huế chưa có một ngôi chùa chính thức của Ni giới. Trước những khó khăn trở ngại ấy, Sư Bà ẩn nhẫn chờ thời, lo trả hiếu cho cha mẹ, làm tròn bổn phận đối với gia đình, mong cơ duyên sớm đến để hoàn thành chí nguyện xuất gia.

Trước áp lực phải lấy chồng thời đôi mươi, Sư Bà kể trong hồi ký: “Nguyên năm ngoái [khoảng năm 1924] mẹ tôi đau nặng, có gọi cha tôi đến và dặn rằng, ‘Nếu tôi có mệnh hệ nào, thì đừng cho con Tám (tức tôi) để tang vì nó đã cãi lời tôi dạy, là đứa con bất hiếu.’”

“Tôi sợ Bà Cụ chết, nên mới thưa, ‘Xin Mẹ yên tâm, chuyện này con xin nghe lời Mẹ dạy.’ Mẹ tôi lo cho con mà phát ốm, thật tình mẹ thương con không bờ bến. Nghe lời tôi thưa và xin hứa, sức khỏe đã ngày một trở lại như thường.”

Cũng trong năm ấy, cô Hồ Thị Hạnh (Sư Bà khi chưa xuất gia) được một hoàng tử Cao Miên chiếu cố khi theo thân phụ qua Cam Bốt trong phái đoàn đại diện Việt Nam dự lễ Trà Tỳ vua Cao Miên vừa mất. Mặc dù được cha gọi ý, cô Hạnh đã nhất quyết từ chối gặp lại vị hoàng tử này, vì nhớ lại thân phận của chị mình là một thứ phi trong cung đình ở Huế.

Sư Bà kể, “Khi về nhà, ông Cụ tôi cho biết ông hoàng ấy muốn qua Việt Nam gặp tôi trở lại. Tôi thưa, ‘Thầy nên từ chối ngay đi, gia đình đã làm khổ chị con, thôi đừng làm khổ con nữa. Vả lại nếu con đi xa, Thầy và Mẹ con sẽ sống với ai? Còn chị con nữa đang bất mãn, lấy ai để tâm sự?’ Cụ tôi thở dài, im lặng, không nói gì nữa.”

Cũng nhân dịp đến xứ chùa tháp ấy, Sư Bà đã có một kỷ niệm vui với đạo. Sư Bà viết trong hồi ký: “Ở Cao Miên, một cử chỉ đẹp làm tôi không quên. Ngôi nhà tôi ở, có anh lao công. Khi sắp về lại Việt Nam, tôi có tặng anh ta 100 đồng. Tôi nói anh giữ làm kỷ niệm, anh tỏ vẻ không bằng lòng. Không nói gì, anh mời tôi ra xe hơi cùng đi đến một cửa hiệu bán đồ bạc

chạm trở rất đẹp. Anh ta mua một quả bông bằng bạc giá 95, rồi lên xe bảo đi nữa. Đến một ngôi chùa anh vào trước, lấy khay để quả bông, trước mặt vị sư Tăng đã già 80 tuổi rồi bảo tôi vào lạy. Sau, anh cũng vào lạy rồi ra xe cùng về và anh ta bảo, ‘Đó là kỷ niệm đẹp đời đời đó.’”

“Tôi tự nghĩ, một người nghèo mà tâm hồn sang và đẹp quá, trái lại người giàu mà hèn, rồi cứ hèn mãi!”

Người mà Sư Bà cuối cùng đã kết hôn để làm vui lòng cha mẹ là một Tham Tá, ông Cao Xuân Xang, con trai Thượng Thư Bộ Học Cao Xuân Dục. Lúc đó vợ ông Xang đã mất để lại năm con thơ từ 3 đến 10 tuổi, ba trai, hai gái. Trước khi lấy ông Tham Tá này, Sư Bà viết trong hồi ký về việc hôn nhân: “Suy tính mãi, nếu không chịu thì mẹ tôi sẽ rất khổ tâm, mà nếu theo ý mẹ thì tôi biết trước rằng tôi sẽ rất khổ, và ước gì lúc ấy có một chùa Sư nữ để mình được vào chùa tu.

“Một hôm, tôi xin phép cha cho tôi được gặp ông bạn tham tá, người mà cha tôi có thiện cảm, đã thông cảm hoàn cảnh của ông nên đã đi hỏi vợ cho mà không ai dám nhận lời vì ông mang bệnh, lại có năm con còn nhỏ, gặp rất nhiều khó khăn. Cụ tôi hỏi, ‘Vậy con ưng ông ấy hay sao?’ Tôi thưa, ‘Nói ưng thì không đúng mà con muốn nuôi các con ông ấy, và con luôn được ở gần



Hình chụp năm 1925 khi chưa xuất gia.

Thầy, Mẹ và chị con.’

“Cụ tôi cho mời ông lên, tôi tỏ ý. Ông [Xang] nói, ‘Cưới cô, thì tôi không dám, vì tôi có bệnh, còn các con tôi, Cô muốn nuôi, tôi xin cảm tạ Cô. Tôi sẽ đưa lên để Cô nuôi dạy thay Mẹ chúng.’

“Cụ tôi bằng lòng cho tôi làm mẹ nuôi chúng nó. Một năm qua, tôi thương các con cô như con mình, mấy đứa nhỏ rất dễ dạy.”

Cuối năm đó, vì biết ông Cao Xuân Xang không sống lâu hơn vì bệnh lao, cô Hạnh đồng ý tổ chức hỏi cưới. Sư Bà kể, “Cũng vì vậy mà đám cưới tôi thành một đám tang. Ngày chú rể lên lạy hai Cụ, cả nhà hai họ đều khóc. Khi các con ra lạy ông bà ngoại và cha mẹ, họ hàng đều khóc như là đám ma.”

Năm 1930, cô Hạnh sinh được một người con trai tên là Cao Xuân Chuân, theo ghi chép của ông Nguyễn Đắc Xuân trong bài ‘Sư Bà Diệu Không, một kỳ nữ của Cô Đô Huế thế kỷ 20.’ Không lâu thì chồng cô Hạnh mất vì bệnh lao. Đến lúc đó cô Hạnh dứt khoát đi tu, gửi con của mình cho người chị là bà Hồ Thị Huyền nuôi nấng, và gửi các con chồng vào học nội trú ở hai trường Quốc Học và Đồng Khánh.

Thầy Nguyễn Siêu viết, “Vào năm 1932, khi Sư Bà 27 tuổi được Hòa Thượng Giác Tiên, Tổ Đình Trúc Lâm, truyền Thập giới Sa Di Ni và cho pháp tự Diệu Không, nhưng Sư Bà vẫn để tóc làm phương tiện giao dịch với người Pháp trong chính quyền bảo hộ, với tư cách đại diện An Nam Phật Học mà Sư Bà là một trong những vị sáng lập viên. Thời gian qua mau, sau 12 năm thọ Thập Giới Sa Di Ni, năm Giáp Thân, 1944, Sư Bà được thọ Cụ Túc Giới tại Giới Đàn Thuyền Tôn do Hòa Thượng Giác Nhiên làm đàn đầu.

“Kể từ khi xuất gia cho đến ngày đầy đủ giới pháp - Tam Đàn cụ túc, Sư Bà luôn có mặt trong mọi hoàn cảnh Phật sự, nơi nào cần Sư Bà đều có mặt để chung lo Phật sự nơi đó, không phân biệt thành phần xã hội. Sư Bà trang trải tình thương yêu đến cho tất cả, do vậy Sư Bà đã thể hiện tấm lòng phụng sự Phật pháp đến với mọi người đều được tốt đẹp. Tấm lòng của Sư Bà đã được trân quý nhất mực, kể cả chư Tăng thời bấy giờ.”

Hòa Thượng Nguyễn Siêu viết tiếp, “Từ tinh thần hy sinh, phụng sự ấy Sư Bà đã hoan hỷ tham gia công cuộc đấu tranh đòi tự do tôn giáo, bình đẳng tín ngưỡng trước sự đàn áp của chế độ Ngô Đình Diệm. Sư Bà xin phát nguyện tự thiêu trước tiên trong công cuộc đấu tranh này.”

Trong cuốn hồi ký ‘Đường Thiên Sen Nở,’ Sư Bà

Diệu Không có kể lại đôi dòng vấn đáp của Sư Bà với các chư vị Tôn Túc thời bấy giờ:

“Một hôm tôi được mời về chùa Từ Đàm họp, Thượng Tọa Trí Quang nói, ‘Miền Nam im lìm như vậy, làm sao có đông Tăng Ni hưởng ứng?’

Thượng Tọa Thiện Minh nói, ‘Phải có người hy sinh mới xong.’

Tôi nói, ‘Hy sinh đây là chết phải không?’

Thượng Tọa Trí Quang đáp, ‘Hy sinh trong ý nghĩa thiêu thân để bảo vệ chánh pháp.’

‘Vậy, kính bạch chư Tôn Túc, cho phép con đứng đầu đội cảm tử.’

Hòa Thượng Thiên Tôn hỏi, ‘Hòa Thượng Mật Hiển đại diện cho Trúc Lâm có cho phép không?’

Hòa Thượng Mật Hiển nói, ‘Vị pháp hy sinh ai lại dám cấm?’”

Cũng về câu chuyện hy si đạo pháp này, Hòa Thượng Nguyễn Siêu cho biết, “Sư Bà viết một bức thư gửi cho chư Tôn Đức miền Nam, ký tên phát nguyện tự thiêu. Sau đó, Sư Bà cùng người chị ruột là Sư Bà Diệu Huệ vào Saigon để chuẩn bị cho công việc hy sinh, tự thiêu để bảo vệ Phật pháp được trường tồn, cho quê hương, dân tộc được tự do hạnh phúc. Nhưng có lẽ nhân duyên chưa tròn, nên sau khi vào Saigon ở chùa Từ Nghiêm, Sư Bà được mời về Ấn Quang và Hòa Thượng Thiện Hoa, Phó Chủ tịch Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo cho biết là đã có Hòa Thượng Quảng Đức phát nguyện tự thiêu rồi. Khi nghe tin Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng, Lê Văn Duyệt, Sư Bà đã xúc động, thành tâm làm bài thơ khóc Hòa Thượng:

*Thầy ơi! Con biết tính sao đây
Lẽ kính lòng đau trước Thánh Thầy
Lửa dấy lưng trời thân chẳng động
Dầu loang khắp đất ý không lay
Tiêu điều Côi Tịnh, Thầy theo Phật
Lặn độn trần gian con nhớ Thầy
Phật tử Việt Nam còn nhớ mãi
Nét son lịch sử vẫn không phai.”*

(Đường Thiên Sen Nở, Sư Bà Diệu Không)

Sư Bà xây dựng Ni Viện đầu tiên cho Ni giới là Ni Viện Diệu Đức, Huế. Sư Bà sáng lập các chùa Ni khác như Diệu Viên, Khải Ân, Hồng Ân ở Huế; Bảo Thắng ở Hội An, Bảo Quang ở Đà Nẵng, Tịnh Nghiêm ở Quảng Nam, Ni Viện Diệu Quang ở Nha Trang; Ni Trường ở Sa Đéc; Ni Viện Từ Nghiêm ở Sài Gòn. Sư Bà cũng góp công xây dựng Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn cùng với chư Tôn túc Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa

Thượng Minh Châu..

Ngoài những Phật sự xây dựng chùa viện, Sư Bà còn góp phần vào việc khai sáng các Cô Ký Nhi Viện ở miền Trung, như Cô Nhi Viện Tây Lộc ở Huế. Sư Bà thành lập nhà in Liên Hoa để in kinh sách và in Nguyệt San Liên Hoa năm 1952 do Hòa Thượng Đôn Hậu làm chủ nhiệm, Hòa Thượng Đức Tâm làm chủ bút, Sư Bà là quản lý, biên tập viên. Đây là nguyệt san phát hành lâu nhất ở miền Trung.

Sau 1975, nhà in Liên Hoa bị đóng cửa dưới chế độ mới, Sư Bà cho chuyển nhà in thành cơ sở sản xuất mì sợi tạo việc làm cho Ni chúng trong thời kỳ bao cấp với cuộc sống vô vàn khó khăn và thiếu thốn.

Về trung tâm văn hóa Liễu Quán, nơi đây bị chế độ cộng sản chiếm giữ một thời gian khiến Giáo Hội Thừa Thiên không có cơ sở để truyền bá tôn giáo đến đại chúng. Vào năm 1994, theo ghi chép của tỳ kheo ni Thích Nữ Diệu Đạt trong bài ‘Hành trạng Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Không,’ Sư Bà đã “đồng mãnh ký tên đứng đơn xin chính quyền tỉnh trả lại [Liễu Quán] cho Phật giáo.” Sư Bà cũng viết thư ngỏ kêu gọi đồng bào “Phật tử trong và ngoài nước, xin hướng về cố đô Huế thân yêu, cầu nguyện và giúp đỡ cho tôi, ngỗ hầu Phật sự cao quý trên dần dần được viên mãn.”

Ngoài ra, Sư Bà Diệu Không đã để lại các tác phẩm dịch thuật gồm Thành Duy Thức Luận, Du Già Sư Địa Luận, Lăng Già Tâm Ấn, Di Lạc Hạ Sanh Kinh, Đại Trí Độ Luận, Trung Quán Luận Lược Giải của ngài Long Thọ Bồ Tát, Hiển Thật Luận của Thái Hư Đại Sư.

Bên cạnh những dịch phẩm trên, Sư Bà còn sáng tác nhiều thơ văn để khuyến tấn người đời tu tập, cũng như giáo dục người phụ nữ thời bấy giờ.

Hòa Thượng Nguyên Siêu viết, “Trong đời sống hằng ngày, tuy bận rộn Phật sự vừa đối ngoại, đối nội lo toan nhiều việc nhưng Sư Bà vẫn không xao lãng công hạnh tu hành, tham thiền, niệm Phật. Tuy mang thân người nữ nhưng Sư Bà không có tính nữ nhi thường tình, hy sinh đời mình phụng sự cho lý tưởng tu tập Bồ Tát Đạo.

“Chính vì lý tưởng Bồ Tát Đạo này, Sư Bà đã không phát nguyện sinh về Tịnh Độ mà nguyện trôi lăn trong sinh tử luân hồi để làm lợi ích chúng sinh. Vào thời bấy giờ các Sơn Môn Thừa Thiên - Huế, quý Ông đều biết hạnh nguyện của Sư Bà, quý Ông kể lại nhiều câu chuyện về tánh đức, hạnh lành của Sư Bà thể hiện qua đời sống hằng ngày, qua tinh thần phụng sự Phật pháp, lợi lạc quần sanh. [...]



“Suốt đời đem thân tu tập và hành đạo, năm 1978 Sư Bà trải qua một cơn bạo bệnh, dứt hơi thở cuối cùng, trong lúc chư Tăng Ni vây quanh Niệm Phật tiếp dẫn vừa dứt, một sư cô [Sư cô Bảo Châu] cảm thương bật khóc thành tiếng, Sư Bà giạt mình tỉnh dậy. Sư Bà nói, ‘Có gì mà quý cô khóc, sống chết là chuyện thường tình của người tu hành, ta đã thấy cảnh Tịnh Độ trang nghiêm rồi, quả thật cõi ta bà không

bằng, nên ta nguyện ở cõi ta bà để tùy duyên hóa độ.’ Từ đó, Sư Bà tiếp tục con đường hoàng pháp lợi sanh suốt 19 năm sau.”

Sư Bà thường dạy, “Khi đã thấy cảnh Tịnh Độ rồi thì tôi xem cảnh đời này toàn là giả.” (Trích từ kỷ yếu tang lễ Sư Bà Diệu Không). Có lẽ nhờ thấy thế gian này là giả mà Sư Bà kham nhẫn được mọi sự trong gần 5 năm già yếu ngoại bệnh, luôn luôn hoan hỷ với mọi người. Sư Bà thâu thần thị tịch vào 2 giờ sáng ngày 22 tháng 8 năm Đinh Sửu, nhằm ngày 23 tháng 9, 1997, hưởng thọ 93 tuổi đời, 53 hạ lạp.

Hòa Thượng Nguyên Siêu viết, “Một tiểu thư con nhà quan, quyền quý, giàu sang, nhưng Sư Bà đã từ bỏ, không lấy đó làm lợi ích cho bản thân, danh lợi cho riêng mình sống đời thế tục, mà đời sống ấy chính là phương tiện để làm lợi đạo ích đời. Sự nghiệp của Sư Bà để lại cho hậu thế tương đối khá nhiều: Chùa Viện, Ni Viện, cơ sở vật chất, văn hóa, giáo dục cho Giáo Hội.

“Riêng đời sống tâm linh, sự nghiệp tinh thần thì ngôn ngữ thế gian hữu lậu không thể nói hết được, sự tu chứng của Sư Bà thì mấy ai hiểu được. Trên con đường tu tập, Sư Bà quan niệm phụng sự cho chúng sinh là cúng dường chư Phật, từ ý niệm này Sư Bà luôn xông xáo vào hiện tình xã hội để cứu nhân độ thế, để xóc dậy phẩm giá người phụ nữ thời ấy. Sư Bà đã xây dựng Hội Nữ Công Gia Chánh - Huế do Nữ sĩ Đàm Phương thành lập. [...]

“Sư Bà đã thật sự dấn thân vào đời ác năm trước để hóa độ mọi người, làm lợi ích cho tha nhân mà không cầu mong chóng thành quả Thánh. Sư Bà chỉ một lòng lo chấn chỉnh Ni chúng, thành lập nhiều Ni Viện từ Huế vào Nam để tạo thành sự sinh hoạt đồng bộ với chúng Tăng.”

Hạnh nguyện của Sư Bà là đời đời mang thân nữ để độ cho nữ giới và không cầu sanh Tịnh Độ; hạnh nguyện cao cả ấy đã thể hiện qua hai câu thơ do Sư Bà sáng tác được đăng trong Diệu Không Thi Tập:

*“Nguyện Phật chứng minh muôn vạn kiếp
Con xin lăn lóc cõi Ta Bà.”*◆



Chuyện lúc ở chùa

Bài NGUYỄN TRUNG DÂN

Khi thất thế, đã có lúc tôi về trú ngụ tại một ngôi chùa Huế. Ở một lúc liên tù tì đến hơn chín, mười tháng cùng ăn chay, sinh hoạt với chùa đến nỗi đạo hữu đến chùa đã vái tôi “thưa Thầy,” dù chưa xuống tóc mặc nâu sòng.

Có lẽ do họ nhìn thấy quan hệ của tôi với Thầy trụ trì và vai trò sản xuất, lo cái ăn cho cả Chùa vào thời điểm mà cả nước thiếu đói, còn chùa chiến được cai quản bởi những “người thắng cuộc” mang ý thức “tôn giáo là thuốc phiện” và nỗi lo sợ kết đoàn của những sư thầy trong chùa.

Đó là vào những năm 81, 82 của thế kỷ trước, khi chùa chiến phải tự lo sản xuất, lao động kiếm sống. Việc lo cho được cái ăn cái mặc của mỗi chùa là bài toán khó, cực nhọc cho những người chỉ quen gõ mõ, tụng kinh.

Đạo hữu - nguồn cúng dường - gần như không có,

*Bài viết này được đăng lại trên Hong Tran Facebook ngày 26 tháng 8, 2020 với mấy dòng ghi chú: “Tình cờ gặp một chuyện đã cũ của một tác giả không quen biết. Không biết có hợp không. Thôi kệ. Cứ đăng. Xin cảm ơn tác giả Nguyễn Trung Dân - nếu ông cũng tình cờ thấy được bài viết này của ông trên một trang FB lạ hoắc.
“Bài viết này tác giả không có ý định trình bày cách thức làm một món nước chấm quen thuộc ở cửa chùa. Tuy vậy, người đọc có thể dễ dàng liên tưởng từ một hương vị đậm đà của món nước chấm khó bỏ này của người tu, đến một vị đời vừa ngọt ngào vừa cay đắng nhưng cũng rất khó vượt qua của con người - vị quấy rầy rất mực và cũng thử thách đến cùng của sắc dục - một trong những yếu tố khiến chúng sinh lăn xả vào dục giới, để muôn vạn lần học lại bài học rất khó thuộc này.”
Hình Chùa Tra Am ngày nay của nhiếp ảnh gia Trần Công Nhung.*

bởi thời bao cấp ấy có ai được làm ăn gì cho đàn ông tử tế để khi đã thối thối phần thân thì mới nghĩ đến phần hồn.

Người buôn bán, làm ăn thì bị xem là bọn con phe, con phẩy có ai cần gì cầu lộc, cầu tài mà đến với chùa. Còn người tử tế có lòng tu đạo thì cũng ngại việc đến chùa bởi cái không khí bao trùm xã hội lúc ấy không thuận lợi cho họ bày tỏ lòng mến yêu đạo giáo. Hầu hết các chùa thường chỉ còn cách trồng khoai, trồng sắn thêm vào bữa ăn qua ngày. Thầy trò cùng bữa đói, bữa no.

Nên khi tôi bàn với thầy trụ trì là nấu xì dầu (mà người Nam quen gọi là nước tương) bán cho người ăn chay, mà cũng là món ăn chính của chùa, thì Sư thầy mừng rỡ xem như kế mưu sinh qua lúc khốn khó.

Nghề làm xì dầu ở miền Nam cho đến thời điểm này vẫn là nghề riêng của người Hoa. Họ lập xưởng, mở công ty, chế biến trong gia đình, có đủ kiểu làm xì dầu của họ mà sau này tôi tìm hiểu kỹ hơn thì mới thấy sợ cho cách chế biến đầy độc hại.

Ở Huế cũng vậy, sau 1975, xưởng xì dầu Lá Bò Đê của chùa Từ Đàm đóng cửa thì nhu cầu ăn chay của mọi người, các chùa vẫn có nhưng nguồn cung thì thối nỏi, mặc cho ai cũng có thể lấy nước muối cho vào chút hương liệu và phẩm màu là thành xì dầu.

Vì vậy khi gặp tôi, vị Sư thầy có nhiều hy vọng làm ra loại nước chấm tử tế hơn để ăn trong chùa và có thể bán cho những đạo hữu tiêu dùng, lại có thêm cơ hội giúp chùa. Còn tôi, biết nghề làm xì dầu như là chuyện “tái ông mất ngựa.” Nói cho đúng hơn là cơ duyên từ nỗi thất vọng.

Năm 1977, sau khi ra trường khoa Văn tại Đại Học Sư Phạm tôi về công tác tại tòa soạn Báo Quảng Nam Đà Nẵng. Chuyện được về công tác ở một cơ quan ngôn luận của đảng lúc ấy quả là một may mắn

bất ngờ và đầy kịch tính.

Nhưng thôi, chuyện này dịp khác sẽ kể, còn lúc bấy giờ cả tòa soạn báo chỉ có hai người trẻ miền Nam chưa hề có chút công trạng, ngày làm việc nào cho cách mạng là tôi và Nguyễn Đình Xê.

Giữa một tập thể đầy công trạng đang say men chiến thắng, từ miền Bắc vào, trên núi xuống thì tôi và Xê lơ ngơ làm việc bằng nhiệt tình cách mạng với niềm tin được đóng góp vào sự nghiệp công bằng, bác ái đã được tuyên truyền từ thời sinh viên.

Tin là thật và với tất cả tấm lòng muốn xây dựng một xã hội “người yêu người, sống để yêu nhau...” (Tố Hữu), tôi đã không ngần ngại bày tỏ hết sự thật thà trong những buổi góp ý, phê bình mà đảng đã xem là “vũ khí sắc bén xây dựng Đảng.”

Những đóng góp như “Trong cơ quan báo, chưa thấy đảng viên nào tốt hơn quần chúng” hay phê bình bí thư Đảng đã lấy những cây gỗ song hồng gài cửa khiến các cửa không có cây gài khóa, v.v. đã nhanh chóng cuốn tôi vào cuộc đấu đá phe nhóm giữa Tổng Biên Tập và Phó Tổng Biên Tập.

Về sau này, tôi mới hiểu chuyện “đánh nhau” phe nhóm là “chuyện thường ngày ở huyện” ở khắp các cơ quan nhà nước để tranh danh, giành lợi. Cuối năm 1980, nhân một lỗi lầm không thể xét kỷ luật, Tổng Biên Tập đã “thông nhất” điều chuyển tôi về tăng cường cán bộ phường theo nghị quyết của đảng!

Về phường được hơn nửa năm, quá chán sự giả trá, bất công khi trực tiếp “thực hiện các chính sách đến tận người dân,” tôi bỏ việc và bắt đầu cuộc mưu sinh không trong biên chế nhà nước.

Không thể nói là sự thất vọng của một thanh niên như tôi lần đầu nhận “công tác cách mạng giao cho” bằng được nỗi thất vọng của cha mẹ tôi đã kỳ vọng. Là những cán bộ, đảng viên trong cuộc kháng chiến chín năm được cài lại hoạt động nội thành, cha mẹ tôi đã nhập chuyện “công tác cách mạng” không chỉ là việc kiếm sống mà nó thiêng liêng, cao quý như lý tưởng cách mạng mà họ đã tin cho đến mãi sau này.

Với cha mẹ tôi, chuyện tôi bỏ công việc mà về kiếm việc làm bên ngoài khu vực nhà nước là sự đổ vỡ, phản bội lại những gì đã định hình của lòng “yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội.”

Và có khi, trong suy nghĩ của cha tôi lúc đó, tôi đã là phần tử “phản cách mạng” cần được quản lý, giáo dục. Còn mẹ tôi, dầu có thất vọng nhưng với tấm lòng người Mẹ, bà đã cố giữ tôi tránh xa các cuộc vượt biên làm thuyền nhân, bằng cách lập ra một hợp tác xã sản xuất nước chấm mà trong đó nghề làm xì dầu dựa vào ông anh kỹ sư hóa, con người Bác họ, đang làm việc ở Công Ty Hóa Chất lúc ấy.

Ông anh tôi nhận phần đóng góp bằng tay nghề nấu xì dầu trong hợp tác xã mà mẹ tôi gọi năm bảy người bạn cùng góp vốn sản xuất. Đúng là mẫu cán bộ miền Bắc về, hết sức tự tin, ông anh họ truyền đạt mọi kiến thức nghề cho người em ruột của ông để ông tránh tiếng cán bộ chân trong, chân ngoài mà vẫn giữ

phần của mình trong hợp tác xã.

Gọi vốn, xây lò nấu, mua nguyên liệu... nhưng cả ba lần nấu thử đều không cho ra xì dầu mà ra một loại nước nhờn nhờn màu cánh dán không thể gọi là xì dầu! Thời may, do tính thích giao du bạn bè, tôi có anh bạn người Hoa tên A Lý.

Anh này bị tật bẩm sinh cả hai tay bị co rút không sử dụng được. Làm gì cũng bằng đôi chân, kể cả hút thuốc hay xúc cơm gấp cá trong bữa ăn. Tật nguyên vậy nhưng anh này lại biết khá nhiều nghề mà người Hoa vẫn giấu là bí truyền của họ.

Biết chuyện, anh đến xem rồi đưa cho tôi cuốn sách đã nhàu nát mất bìa bằng tiếng Việt mà tôi còn nhớ là ‘Sách dạy 99 nghề nuôi gia đình.’ Cuốn sách đã theo tôi đến mãi sau này và giúp tôi cùng bạn bè qua những ngày khốn khó, sống ung dung, tự tin bằng đủ mọi nghề làm xà phòng, làm sơn, làm đường kết tinh, nấu rượu cồn, làm bánh kẹo... và nấu xì dầu.

Về sau khi sản xuất tư nhân phát triển, nếu cứ làm theo sách chắc là lụn bại vì đúng chỉ giúp thoát nghèo mà không lý gì tới chuyện độc hại, môi trường, hiệu quả - mà bây giờ gọi là phát triển bền vững.

Đọc sách ấy và với sự hướng dẫn của A Lý, chúng tôi mới hiểu ra là do hàm lượng nguyên liệu (hóa chất) đưa vào không đúng nên không thể phân giải bánh khô dầu (đậu phụng hay đậu nành) thành đạm cho nước chấm. Bằng phương pháp thủy phân khô đậu phụng, đậu nành qua gia nhiệt (hơn 120 độ C), sử dụng acid chlorhydric, trung hòa bằng Soda Ash (Bi carbonat de soude) nhưng ông anh họ tôi lại đưa vào hàm lượng acid thấp nên không thể ra xì dầu. Thật đúng là một trí thức xã hội chủ nghĩa!

Vậy là tôi vừa là lao động chính, vừa là người lo kỹ thuật cho hợp tác xã sản xuất khi ông anh họ tôi tự ái đã bỏ ngang mặc kệ ai chết mặc ai. Rồi thành người lo chuyện buôn bán... và đã có lúc đưa sản phẩm đi bán “rong” khắp cả miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Nhưng rồi hợp tác xã cũng chỉ có thể tồn tại gần một năm do sự hùn hạp làm ăn không thể tạo đủ lòng tin trong người Việt mình. Chỉ có thể cùng nhau lúc khó khăn, nhưng lại sẵn sàng chia rẽ đấu đá khi bắt đầu có đồng ra, đồng vào.

Tôi gặp vị Sư trụ trì vào thời điểm đó. Lúc mẹ tôi nước mắt lưng tròng đưa cho tôi 9 chỉ vàng bà giữ lâu nay phòng khi tôi lấy vợ, và bảo hãy đi tạo lập cho mình một sự nghiệp. Bởi sau khi hợp tác xã tan rã, tôi trở thành sự nặng nề trong gia đình vì trong cách nghĩ của Ba tôi thì đã không làm trong khu vực nhà nước có nghĩa đã bị loại ra khỏi xã hội, không còn là người đáng tin. Bữa ăn là một cực hình cho Mẹ tôi khi nhìn hai cha con tôi gặm ghè. Tôi chỉ còn cách là phải ra khỏi gia đình tìm cho mình một con đường.

Có thể tin là điều gì đó như định mệnh đã an bài, hay một cơ duyên may mắn nào đó đưa bạn đến những quyết định đúng lúc. Tôi nghĩ đến Huế như một chuyến trở về, nghỉ ngơi sau những thất vọng mệt mỏi gặp phải. Ở đó, tôi có những người bạn, bạn học, bạn nghề, bạn cùng trang lứa và cả bạn vong niên.



(Hình: Thái Nhân / Pexels)

Nghĩ đến Huế như sự yên ổn xó què mà nơi đó tôi có niềm an ủi bạn bè. Về Huế tôi có những kỷ niệm thời đi học, có những điều cần dừng lại suy gẫm, nhớ nhưng khi tôi đã vội vã đi qua. Điều khá kỳ diệu là những người bạn của tôi cũng lại là những người bạn của vị Sư trụ trì nọ. Tôi và Thầy đã gặp nhau trong tình bạn qua lại như vậy.

Ngôi chùa mà vị Sư thầy trụ trì lúc ấy là chùa Tra Am mà người ta vẫn thường quen gọi nhầm là Trà Am. Một ngôi chùa cổ, nhỏ nhắn nằm sau núi Ngự Bình sâu vào gần khu Chín Hầm nổi tiếng một thời.

Ngôi chùa cũng khá nổi tiếng, nhiều người biết đến như một thắng cảnh và sự uyên bác, tu trì của các vị Sư trụ trì ở chùa này qua nhiều thời kỳ.

Nhưng hơn tất cả là vị Sư đã lập nên ngôi chùa đó là Sư Viên Thành. Đọc những sách, thơ văn còn lưu lại ở chùa tôi mới biết ông là chất nội của Vua Gia Long, cháu nội Định Viễn quận công có tên là Công Tôn Hoài Trấp.

Có lẽ cũng từ những bất đắc chí nên 17 tuổi, ông đã đi tu ở chùa Ba La Mật (Huế). Từ đây, Sư thầy đã tìm đến vùng đất núi non hiểm trở với cây tra hoang dại mọc khắp đồi.

Tra là một loại cây cho trái mới nhìn giống trái lê của Huế, nhưng khác với lê, trái tra có vị chát, mùi vị lại thơm hăng hắc khiến nhiều người phân biệt, chê trái tra không được bằng trái lê.

Có thể với nỗi u uất, muốn khẳng định mình, Sư Viên Thành đã viết trong lịch sử của chùa là: Tra vị bất như lê! Trái tra không phải là trái lê, có vị khác trái lê nhưng là trái tra. Nó là nó, không là người khác để nói lên thân phận của chính mình. Dù không được tôn quý, ưa thích như lê nhưng nó vẫn là nó, có chỗ hữu dụng của nó.

Cũng có ý kiến cho nguồn gốc chữ Tra trong Tra

Am là từ tích Trương Phu (Tra), Trương Thiệu (Lê) bên Tàu. Khi đặt tên chùa như vậy với ý khiêm tốn mình không bằng được thầy là Sư Thanh Chân Viên Giác!

Tôi lại không tin luận giải đó bởi chuyện gì trí thức nước ta cũng cố nài một điển cố bên Tàu để giải thích cho uyên bác hơn, để tin vào sự khẳng định vị riêng của trái tra mà vị Sư trụ trì đã nói với tôi.

Về đây, tôi có được niềm an ủi “nhân sinh tất hữu dụng” để lạc quan tin rằng cuộc đời còn phía trước, bản thân tôi cũng không phải loại vứt đi mà cửa đời vẫn cứ mở cho bất kỳ người nào biết gỡ!

Làm thơ, viết sách, dịch kinh, Sư Viên Thành đã tạo dựng ngôi chùa Tra Am như một cảnh thiên.

Ngăn ngang ngôi chùa là một con suối nhỏ chảy róc rách mùa nắng và ào ạt dâng đầy mùa mưa. Lúc tôi đến ở chùa, con suối vẫn còn cá lớn, bé mà người dân địa phương vẫn chăng lưới bắt khi mùa nước lớn hay ngôi cầu lúc rảnh việc.

Bằng qua con suối vào chùa bằng một cây cầu có tên là “Lược Ước Kiêu” được khắc vào tám bia đá bên cầu: Hãy bỏ lại những ước lệ cuộc sống, giảm đi những dục vọng, thành bại... để lại tất cả bên bờ suối rồi bước vào chùa với sự thanh thản, yên bình.

Nghe thầy trụ trì (lúc tôi đến) nói trước kia vào chùa phải lội qua suối, không có cầu dù biển đá vẫn gắn là “lược ước kiêu.” Cầu mà không có cầu, lội qua suối cho nước rửa sạch đi những muợn phiền, mê lầm trần tục để tinh sạch vào chùa.

Sư Viên Thành đã bắc một cây cầu cho đời đến với đạo như vậy. Thật là nói mà không nói, không nói mà lại nói rất nhiều là vậy.

Con suối quanh co có chỗ gắn biển là “Tẩy Bát Lưu.” Đây là nơi rửa chén bát cho người trong chùa. Rửa sạch những tham, sân si còn lưu lại trong lòng

người để tĩnh tâm tu tập. Bia đá im lặng nhưng dạy cho người đến chùa những bài học thấm đậm tính Thiên.

Chùa khi tôi đến đây được xây đơn sơ với ba gian, giữa là điện thờ chư Phật nhưng thật trang nghiêm, tĩnh lặng. Hai bên hông là hai dãy nhà tăng và nhà trai tịnh, bếp núc, nhà kho chứa đồ tế nhuyễn.

Bao quanh chùa là vườn cây trái, nhiều nhất là măng cầu (quả na) và vườn hoa hồng dài thành luống đủ màu. Cây cảnh quanh chùa nhiều loại, đa số có thể ướp làm hương cho buổi trà sáng như sồi, ngâu, mộc, hồng, ngọc lan, lài... Dù loại, mỗi ngày thưởng trà với mỗi mùi hương khác biệt, hơn tuần cũng chưa trở lại.

Quanh chùa lác đác vài nhà dân xa xa khỏi chùa. Khuôn viên chùa rộng thoáng nhìn sâu vào núi xuyên qua ruộng khoai sắn do nhà chùa tự tăng gia.

Cũng là đã được xây dựng lại năm 1960 do vị trụ trì là Hòa Thượng Như Ý chứ lịch sử lúc làm chùa năm 1923, Sư Viên Thành dựng lên một am tranh tre, một thầy, một chú đệ tử sống giữa thiên nhiên an lành dù núi non lúc ấy thỉnh thoảng vẫn có hổ về.

Ngày nay trở lại thì đồi núi đã thành phố thị, nhà dân lấn vào trong khuôn viên chùa, án ngữ cả mặt tiền chùa. Thời điểm tôi ở đây thì ngoài Sư thầy trụ trì, còn có thầy tri sự, coi sóc mọi việc vật chất, ăn uống cho đến sửa sang nhà chùa.

Có hai chú đệ tử quần quanh hầu thầy và giộng chuông sáng. Năm ấy tôi 25, 26 tuổi, chưa hiểu biết gì cuộc sống, chưa có gia đình, nhưng giữa không gian ấy đã ở liền một mạch gần năm trời cùng chay tịnh khổ hạnh, đàm đạo chuyện đời, chuyện người cùng Thầy trụ trì mà không thấy nhớ mặn, không muốn về phố thị.

Cho đến bây giờ, sau bao nhiêu thăng trầm, trôi nổi theo đời sống, lúc mệt mỏi, khi buồn bực tôi vẫn thường nhớ tiếc những tháng ngày mơ màng, sống vui “an bản lạc đạo” ở chùa Tra Am.

Về dựng lò nấu xì dầu liền với nhà trai, ngoài những giờ thầy trò cùng lao động, dần dà tôi cũng quen nếp sinh hoạt nhà chùa.

Lúc ấy điện đèn chưa đến Tra Am, nơi đây thường đi ngủ sớm sau buổi cơm chiều, nhưng thói quen ngoài đời khiến tôi thường kéo Sư trụ trì thức đến 9, 10 giờ, chuyện trò, trà lá nghe tiếng côn trùng nỉ non, tự sự hay lần giở sổ sách cũ trong rương, trên kệ bên ngọn đèn dầu leo lét.

Sớm tinh mơ, mưa cũng như nắng, gần bốn giờ sáng đã nghe tiếng niệm Phật đánh thức cả chùa của Sư trụ trì và tiếng đáp trả “A Di Đà Phật” của các Đệ tử trong chùa.

Ai nấy thức dậy lo kinh kệ thức sáng và bắt đầu ngày mới. Riêng tôi được ưu tiên sau thời kinh sáng mới trở dậy và ra nhà ngang ngồi chờ Thầy trụ trì xuống pha trà, ngắt hoa ướp vào trà rồi bắt đầu ngày bằng tuần trà sáng.

Lót dạ buổi sáng thường bằng bát cháo đặc chan tí

xì dầu của chùa sản xuất, hay sang trọng hơn là gói mì chay ăn liền, lâu lâu được đạo hữu cúng dường.

Có những lúc không nằm nán được, liền lên nhà chuông nghe chú điệu giộng chuông theo thời kinh Sư trụ trì tụng niệm trước điện Phật.

Các Đệ tử thường là trẻ con nhà nghèo, được gửi vào chùa cho đỡ miệng ăn hay con cái hoang đàng khó dạy bảo được gửi lên chùa làm đệ tử. Thường tuổi trẻ, ham ngủ, các chú cứ gà gật miệng đọc kinh, mắt mơ ngủ và tay vẫn giộng chuông đúng thời, cảm có sai. Có khi mê ngủ, đánh lạc tiếng chuông là đã nghe tiếng mõ cốc cốc nhắc Đệ tử của Thầy trụ trì đang hồi kinh sáng.

Cảnh an bình đó chắc bây giờ khó còn khi mọi thứ “hiện đại” đã lấn qua sân chùa, nhưng trong tôi bao giờ nghĩ đến chuyện tu tập là hình ảnh chú tiểu giộng chuông sáng luôn trở lại để nhắc nhở phải tìm ra sự quân bình giữa bản năng và lý trí.

“Sự nghiệp” nấu xì dầu ở chùa Tra Am khá thành công. Xa gần bắt đầu biết chùa nấu xì dầu nên tin tưởng tìm đến mua. Đạo hữu bắt đầu có cơ trở lại chùa và rộng lòng giúp đỡ, cúng dường.

Trong vòng ba tháng làm xì dầu, nơi đây đã bắt đầu có những thay đổi. Bữa ăn không còn chỉ tí rau lặt vụn quanh chùa hay bì đậu khuôn kho tới kho lui mà Thầy trò không phải trần lưng cuốc đám đất lèo tèo khoai sắn.

Ăn chay mà cầu kỳ nấu nướng cũng không khác cao lương mỹ vị, hàng vài tháng không làm tôi nhớ đồ ăn mặn. Làm được năm sáu tháng thì Sư thầy bắt đầu có đồng vô đồng ra, sửa chữa chỗ này, làm chuyện nọ kia.

Văn nhân tài tử, bạn bè... trước đã đến nay lại càng đông vui kéo theo nhiều đạo hữu đến chùa. Chùa bắt đầu trở lại những ngày phồn thịnh thuở trước, nhiều đám cúng kỵ có đến một vài trăm người. Sư trụ trì lại là người thông tuệ, bạt thiệp và có hiểu biết đạo, đời khá sâu, rộng nên ngày càng thu hút chúng đệ tử đến sinh hoạt.

Cho đến lúc bấy giờ, Thầy trụ trì chùa Tra Am là một Đại Đức khá giỏi giang, thành công trên đường tu được đạo hữu kính trọng quý mến. Cao hơn 1.8 mét, có nét đẹp nam tính, mạnh mẽ lại là người lợi khẩu, biện giải sâu sắc. Thầy thường thuyết giảng giáo lý, chuyện trò với đạo hữu, gây dựng được lòng tin của mọi người nhưng lại không được tin cậy cho lắm trong con mắt của chính quyền địa phương.

Thỉnh thoảng chính quyền địa phương đến thăm hỏi, xét nét còn Thầy hàng tháng lại phải trình diện báo cáo địa phương do từ nơi khác về (đã nhiều năm) mà chưa được cấp hộ khẩu tại chùa.

Hàng ngày, tuần trà buổi sáng là không thể thiếu của Thầy, có tôi tham gia. Qua những buổi trà tôi biết được thế nào là uống trà bằng vị trà hay bằng hương. Mỗi ngày ướp một loại hương nên trà có đỡ cũng thơm lừng, hấp dẫn. Đến khi có tiền mua được trà Bắc, có vị ngon kết hợp hương các loại cây cảnh trong chùa,



(Hình: Thái Nhân / Pexels)

Thầy thường đùa với tôi là mình hòa giải hòa hợp Nam Bắc - người Bắc thường uống trà bằng vị, còn người Nam thích trà có hương. Chỉ một chi tiết, Thầy cũng chỉ ra cho tôi tính cách người Nam, kẻ Bắc được hình thành ngay từ cách thưởng ngoạn.

Trưa, sau cúng ngộ thầy trò qua loa buổi cơm chay và chiều xuống, từ lúc có ít đông rừng rinh thì thêm chai rượu thuốc cùng nhâm nhi với các Thầy ở những chùa lân cận. Rượu chắc đã phạm giới luật nhà chùa, nhưng nếu chỉ để thành các “tiền tửu” làm cho câu chuyện trở nên hay ho, thú vị hơn mà bị cấm thì chắc chắn Lý Bạch, Phùng Quán, Văn Cao, Hữu Loan... đã không trở nên nhà thơ, nhạc sĩ... thiên tài. Rượu là “bà đỡ của thiên tài” hay để cho “rượu nhập tâm như cầu công tại thị” (chó điên ở chợ) thì tùy ở người uống vậy.

Theo với đạo hữu đến chùa, các gia đình Phật tử cũng bắt đầu tập hợp, sinh hoạt trở lại. Có nhiều gia đình Phật tử ở các phố Nam Giao, Bến Ngự, An Cựu... thường đưa các đoàn sinh đến Tra Am sinh hoạt, dần dà trở nên thân thiết với quý thầy, các điệu trong chùa.

Phụ trách, trông nom các gia đình Phật tử là các vị huynh trưởng. Có người lớn tuổi tu tại gia nhưng cũng có người vừa vào đời hay còn đi học. Họ tham gia gia đình Phật tử như người tham gia tu tập nhưng cũng có người do tâm hướng thiện muốn tổ chức các em sinh hoạt lành mạnh, tu tâm dưỡng tánh.

Trong số các huynh trưởng ấy có một cô giáo cấp hai, tuổi cận kề 28, 30 xinh xắn, nhiệt tình trong mọi việc. Ngoài trách nhiệm huynh trưởng, cô giáo còn tham gia những hoạt động của chùa. Cúng, kỵ giỗ của chùa, ngày vía chư Phật, Bồ Tát rồi đến cả những lễ cúng của đạo hữu cô giáo cũng tích cực tham gia.

Nhấn mạnh vậy nghĩa là thời gian ở chùa, tiếp xúc quý Thầy ngày càng thường nhật, có lẽ chỉ trừ lúc cô giáo lên lớp ở trường. “Mưa dầm thấm đất,” dù hình ảnh tôn nghiêm của vị thầy tu có làm e ngại, nhưng khi đã lân la “gần chùa gọi Bụt bằng anh” thì lòng tôn

kính ấy lại biến vị Thầy thành con người cụ thể cao đẹp đầy hấp dẫn.

Và chuyện cũng thường xảy ra khi ông thầy tu vẫn là một người nam và cô giáo kia lại là một người nữ. Luật âm dương hấp dẫn, hay nôm na như dân gian vẫn nói lửa gần rơm, giữa cô giáo và Sư thầy trụ trì nảy sinh quan hệ yêu thương trần tục.

Cũng không ai mất công tìm hiểu ai đến với ai trước, nhưng trong chùa bắt đầu có lời xầm xì quan hệ không bình thường giữa hai người.

Riêng tôi, cảm nhận điều này qua nỗi băn khoăn, ray rứt, buồn bã ở những buổi trà sáng. Không còn sự ung dung tự tại của một người tu hành. Thời gian này, tôi và thầy thường im lặng uống chén trà sáng hay ly rượu thuốc buổi chiều. Thầy vẫn không hé lộ cho tôi điều gì mà chỉ trầm tư, suy nghĩ, không còn cái hào hứng những ngày đầu làm ra lít xì dầu. Có lẽ phần đời còn lại đang đấu tranh với thành quả tu tập bao năm khiến Thầy trụ trì không yên.

Hơn mười tháng ở chùa, trong một buổi trà sáng, vị Sư trụ trì đã nói với tôi: Nhu cầu tiêu thụ xì dầu ngày càng nhiều, nhưng Tra Am không có khả năng phát triển hơn nữa, đường vận chuyển lại xa nên Thầy có ý kết hợp với Thầy tri sự chùa Từ Đàm để mở lại hiệu xì dầu Lá Bồ Đề truyền thống trước kia.

Thầy muốn chuyển lò nấu ở Tra Am ra Từ Đàm. Mọi việc nhờ tôi tính toán và sắp đặt. Sau vài lần tìm hiểu, tôi và Thầy tri sự chùa Từ Đàm quyết định không khôi phục các lò xì dầu cũ của Lá Bồ Đề mà xây lò mới ngay sau nhà trai, trong khuôn viên chùa Từ Đàm.

Vì những bếp lò cũ có quy mô lớn và gia nhiệt bằng cát, dễ hư hỏng và tốn kém thay vì gia nhiệt bằng dầu D.O như hiện các lò nấu đang làm. Vậy là làm một cuộc chuyển đổi từ làng núi Tra Am ra đến phố thị Từ Đàm.

Dưới sự quản lý của Thầy tri sự Từ Đàm mọi chuyện có vẻ tiến triển tốt hơn, tiêu thụ cũng tăng

gấp năm bảy lần khi còn ở Tra Am. Nhưng với tôi, mọi chuyện không còn vui nữa, những ngày tháng ở chùa không còn cho tôi cảm giác yên bình đáng sống nữa.

Khoảng hơn ba tháng sau khi về với Từ Đàm, tôi và Thầy tri sự Từ Đàm chia tay nhau trong vui vẻ. Trước đó, trong những lần vào lại Tra Am mọi thứ đã trở nên lặng lẽ.

Một lần trong buổi rượu chiều, Sư thầy Tra Am bỗng nói với tôi trong nước mắt: Thầy đang sai, thầy đang làm sai không cứu vãn nổi. Lúc ấy, tôi vẫn chưa rõ sự việc dù có tiếng qua lại, nhưng lòng yêu mến Thầy đã không cho tôi lời giải những giọt nước mắt ấy. Cuộc mưu sinh nhọc nhằn ngoài nhà nước khiến tôi rời Huế không kịp nhớ ra Tra Am.

Gần một năm sau, gặp lại người quen biết, tôi mới hay tin Sư thầy đã rời chùa, cùng cô giáo ra đi không biết ở đâu!

Có điều gì đó trong tôi rạn vỡ, buồn thương cho một đời tu đạo. Không chê bai, trách móc tôi hiểu ra Thầy đã phải đấu tranh lắm để nhận lãnh trách nhiệm làm cha, làm chồng, lấm mình vào cuộc sinh tồn thân phận.

Tôi cũng đã ra khỏi chùa, ra khỏi những tháng ngày êm đềm kinh sách, gác đi mọi chuyện khi bước qua “Lược Ước Kiều.”

Cũng hơn mười năm sau, trong một lần tình cờ, tôi gặp lại vị Sư Tra Am thuở nào. Vẫn dáng dấp từ tốn nhẹ nhàng, trong bộ áo quần nâu may kiểu nông dân, ông nói cho tôi nghe những thăng trầm mười năm với sự ổn định gia đình với hai đứa con và cô vợ giáo viên nợ.

Nói chung là sống được nhưng nỗi ân hận với đời tu khiến ông không lúc nào có sự yên ổn như lúc ở chùa! Tôi có đọc đâu đó là chính những ray rứt, ân hận đã tạo nên đạo đức, tính nhân bản.

Giới luật đạo Phật như vậy tôi không thể nói tốt hay không cho người xuất gia, nhưng có bao vị tăng ni làm trái giới luật mà không chút ăn năn, sám hối

vẫn giả dối nấp trong bộ áo nâu sòng để tiếp tục ở chùa, thăng tiến trong giáo hội, làm bao điều trái luân thường đạo lý, vẫn rao giảng lời Phật nhưng ngày ngày làm điều xằng bậy, càn rỡ.

Ngày còn ở trường đại học, tôi quen một thầy tu đã thọ giới Sa Di. Sư giỏi giang, uyên bác và trí nhớ của ông khiến ai cũng nể phục, không chỉ lúc trong trường mà sau này khi không còn là tu sĩ.

Sau 1975, mới biết vị thầy tu này được Cách Mạng bố trí ở chùa, mang lột Sư để hoạt động. Anh thăng tiến rất nhanh, Phó Chủ tịch Phường rồi Chủ tịch, Bí Thư. Mười lăm năm sau anh đã làm Bí Thư Thành Đoàn Đà Nẵng và thuộc diện quy hoạch để lên cao hơn.

Đùng một cái, mọi thứ vỡ tan như bọt xà phòng khi anh sống lén lút ngoài gia đình với một cô gái bán bia và có những sai sót, nợ nần tiền bạc. Bị tước hết mọi thứ, mất đảng, ra khỏi nhà nước, không còn cơ hội làm gì. Bạn bè thương mến nên lôi về làm việc này việc khác. Vẫn cứ bê bối vì phải lo toan cho cô gái đã thành vợ bé.

Những năm về làm việc với tôi, trong một dịp cùng nhau đi trên đường khi tôi hỏi anh sao thiếu suy nghĩ để đến tình trạng như vậy. Anh đã nói như lời sám hối: Tôi phải trả cho hết cái nghiệp đã lợi dụng nhà chùa để mưu danh, kiếm lợi. Bao giờ trả xong, tôi sẽ chấm dứt mọi thứ!

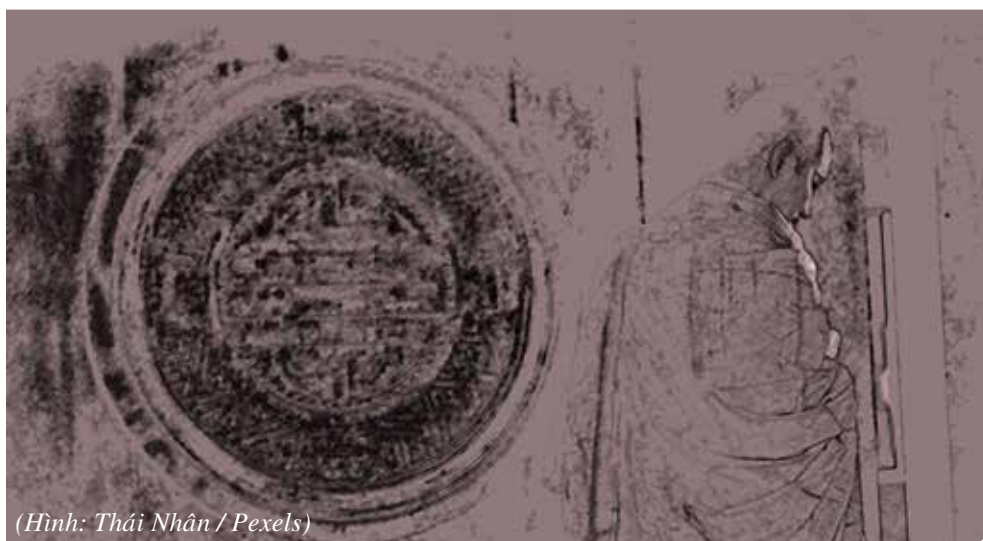
Tưởng lời nói chơi, nào ngờ khi anh giúp tôi xây dựng Khu Du Lịch Suối Lương ở Đà Nẵng, trong đó anh đã đứng ra lo liệu, dựng nên một ngôi chùa. Ngày khánh thành, anh đã chết trong một tai nạn giao thông quá nhỏ để nghĩ phải mất đi một mạng người! Có phải anh đã hoàn thành cái nghiệp của mình chăng?

Điều đáng buồn là khi tôi lục tìm trên mạng, trong sách tư liệu nói về chùa Tra Am, không có dòng nào ghi lại giai đoạn của Sư thầy đã ở đây, cho dù là vị trí một thầy tu chứ chưa nói đến đã từng trụ trì. Khoảng trống ấy được ghi một cách mập mờ cho người sư đệ của ông đã kể tục sau khi ông ra đi. Có lẽ sợ

xấu hổ khi ghi lại một người đã vụng đường tu, phạm giới luật! Người tu, lịch sử tu đạo cũng không muốn bày ra cái sự thật ấy ư?

Hãy làm một người đời tử tế hơn là ông thầy tu đạo dối trá, xấu xa. Đã có duyên, tất có nghiệp. Nghiệp lành hay nghiệp dữ cũng từ con người gieo nên. Có cảnh chùa nào giúp mình đường tu khi tránh bỏ trách nhiệm của đời!

Ngày ở Tra Am không nhiều nhưng đã cho tôi hiểu ra sự an vui ở đời chỉ có khi tự trở về với tâm mình, làm tròn bổn phận con người. ♦



(Hình: Thái Nhân / Pexels)



Hai trong một

Bài HONG TRAN (Facebook)

Qua thăm trang nhà của huynh Binh Anson, thấy hình một tượng Phật Thích Ca, tay đang kiết ấn giáo hóa (giảng pháp). Hình lấy từ nguồn trên trang nhà của bạn Ngô Quốc Trung, chụp từ một ngôi chùa trong nước.

Tượng có một dáng vẻ rất thanh thoát, với nụ cười vừa an nhiên tự tại vừa thấp thoáng nét từ bi, khiến

người xem nảy sinh tâm thương mến rất lạ.

Thường các tượng Phật được khắc họa khuôn mặt có nụ cười “niêm hoa vi tiếu” - nụ cười rất nhẹ; thể hiện trí tuệ của bậc toàn giác, người đã thể nhập vào toàn bộ không - thời gian của bản thể vũ trụ, đã nhìn thấu tâm thức của muôn loài muôn vật.

Tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm thì khác, nét từ bi tỏa rạng. Từ tư thế nghiêng người, lắng tai nghe những đợt sóng sinh tử dôn dập của thế gian; đến nét dịu dàng của hai bàn tay, khẽ nâng bình tịnh thủy, nhẹ rưới những giọt vị tha làm mát dịu tâm thức bất an của chúng sanh vạn vật.

Hình trên: Tượng Phật Thích Ca tại Thiền Viện Viên Không, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu. (Hình từ FB Ngô Quốc Trung)

Vậy mà tượng Phật giáo hóa nói trên lại có cả hai nét từ bi và trí tuệ. Thiệt là đặc biệt.

Không biết từ lúc nào, trí tuệ và từ bi dường như được tách biệt nhau.

Từ bi được hình tượng hóa -thành thân người nữ và là tính cách của các vị Bồ Tát, còn trí tuệ tượng trưng cho thể tánh của các vị Phật. (Lạ thiệt nha, Phật toàn là người nam không hà).

Người ta còn cho rằng, nữ giới không thể nào mà thành Phật được (phân biệt giới tánh quá “chờ”).

Kinh Pháp Hoa có nói đến một “nhân vật” gây nhiều dị nghị nhất khi cho rằng mình cũng có khả năng thành Phật.

Đó là nàng Long Nữ.

Dị nghị cũng phải thôi vì nàng không chỉ có một mà có đến ba điểm yếu kém: một là nữ, hai là loài vật (dù là rồng đi nữa), ba là còn trong độ tuổi nhi đồng. Súc mảy mà thành Phật được.

Nào ngờ, nàng tiểu Long Nữ thi triển thần thông, chuyển thân nữ thành thân nam trong chớp mắt, trước bao con mắt ngỡ ngàng của cả chúng hội trời người muôn loài. Thiệt là quá sức gay gân!

Truyện về nàng tiểu Long Nữ rất vui, vì có hai ẩn dụ thú vị.

Ẩn dụ thứ nhất nói về thân phận của nàng. Dù là rồng, nàng cũng ở vào hàng loài vật, sao bằng người với trời được?

Thầy kệ, nàng nghe Phật nói tất cả chúng sanh đều có tánh Phật (cơ may vượt thoát tử sinh luân hồi đâu phải chỉ dành cho loài người, loài trời thôi đâu). Lỡ không thành Phật được thì bất thường Phật vậy.

Ừ, chuyện rõ ràng ràng sao nói là ẩn dụ?

Phải rồi, đó là tầng trên. Tầng dưới mới thiệt là bí hiểm, sâu xa cách gì.

Ai cũng thấy tính cách quấy lộn tung trời của rồng, thoát ẩn thoát hiện, mới tức thì ở tuốt Long Cung, trong tích tắc vọt thẳng lên trời, đầu ló ra thì đuôi còn dấu trong mây. Đâu phải đám mây điện toán đâu mà kéo ra coi được? (cái này có khi lại là một ẩn dụ ngoại truyện mà người đời sau cách chi hiểu nổi). Thiệt là hồng biết đâu là đâu. Bất mết.

Cái tính cách quấy lộn, vọng động như vậy, nếu không chỉ cho cái tâm bất định - cái vọng tâm của chúng sanh - thì còn chỉ cái chi cho hợp hơn nữa?

Thì ra kinh nói về cái tâm chúng sanh, đâu phải nói long nói phụng gì?

Nói nào ngay, cái vọng tâm ở nàng tiểu Long Nữ đã được đối trị rất nhiều. Nàng thiệt ra đã tu tập quá sức là lâu. Lâu tới đối tâm tánh trở thành hồn nhiên như những đứa trẻ chưa từng lem luốc bụi đời.

Chùa Tây Lai (Tsi Lai Temple) ở vùng Los Angeles, California của người Đài Loan, có nhiều tượng con nít nhỏ dễ thương. Nhiều thiếu nữ phương xa, ngó thấy mấy tượng nhi đồng ngộ ngộ, tha hồ néo tai xoa đầu,

đứng ngồi chụp hình selfie đủ kiểu. Đâu biết là đang vò đầu giứt tóc mấy ông già tám mươi còn ít.

Thành ra, người ta nói tu riết có khả năng cải lão hoàn đồng. Hồng biết có tin được hay không?

Ẩn dụ thứ hai nói về cái phân biệt giới tánh, về cái thân phận nữ giới của nàng.

Thiệt ra, đâu có nam nữ gì ở đây.

Trên con đường tu học theo bước chân Phật, từ bi được coi là điều kiện đầu tiên và cần thiết. Có lòng thương xót nỗi đau của chính mình và cả của mọi người, mọi loài; mới nảy sanh tâm mong cầu giải thoát.

Tuy vậy, chỉ có lòng từ bi thôi thì không đủ. Từ bi tuy thiệt là hành trang của người mang hạnh bồ tát, những mong có khả năng thực hiện việc cứu khổ ban vui cho mọi loài; nhưng từ bi cũng vẫn là phương tiện đối đãi trong thế giới hữu tình hữu tướng.

Những người thường tụng kinh hàng ngày đều biết công thức “vào đại bi, ra bát nhã.” Trong nghi thức của kinh nhật tụng, ở phần mở đầu, bao giờ cũng là chú đại bi - để trui rèn tâm từ bi; phần cuối, bao giờ cũng là Bát Nhã Tâm Kinh - để khai mở trí tuệ bát nhã.

Như vậy, trí tuệ bát nhã là điều kiện thứ hai và là điều kiện đủ trên con đường tu Phật.

Trí tuệ bát nhã được nhiều người cho là tuệ giác về tánh không, về bản thể của vũ trụ. Chính nó là nguồn gốc dung chứa cả mười phương ba đời chư Phật và cũng bằng ấy số lượng chúng sanh.

Từ cái nguồn căn này - còn được gọi là Phật tánh - mà cả chư Phật và muôn loài vào ra thế giới hiện tượng hiện nay.

Có điều khác là chúng sanh khi đã lưu xuất khỏi nguồn căn này thì muôn đời loanh quanh luẩn quẩn trong sáu đường chúng sanh; rất ít người tìm trở lại được căn nhà đích thực của mình; còn chư Phật, chư Bồ Tát thì ung dung xuất nhập pháp giới, hoàn toàn theo nguyện lực độ sanh của mình.

Khi nhận ra thực sự cuộc sống hiện tượng chỉ là ảnh trong gương, chỉ là cảnh trong mộng; người ta mới nhận ra rằng công đức lớn nhất của sự hy sinh, của lòng bố thí chính là khi tâm hoàn toàn buông xả, không còn động niệm, không còn dính mắc mảy may với trần cảnh nữa.

Lúc đó, sống an nhiên giữa dòng đời như ánh trăng in trên mặt nước: nước chảy mà trăng không trôi, nước nổi sóng mà trăng không chìm, nước dơ bẩn mà trăng không đục.

Đó cũng chính là lúc mà nàng tiểu Long Nữ thi triển thần thông, chuyển thân nữ thành thân nam trong chớp mắt, hóa thành Phật trước bao con mắt ngỡ ngàng của cả hội chúng trời, người và muôn loài chúng sanh. Từ bi và trí tuệ. Phật và chúng sanh. Thiệt là hai trong một. Không hai cũng không một. Không một cũng không hai. ♦



Ca Sĩ Quang Tuấn

Con đường tu tập của một Phật tử thuần thành

Bài BĂNG HUYỀN

Âm nhạc và Phật giáo

Ca sĩ Quang Tuấn, một giọng ca ru say người nghe bởi chất giọng trầm ấm, truyền cảm và nam tính. Anh là một trong những giọng hát đã khẳng định được vị trí không thể thay thế trong làng nhạc của người Việt ở hải ngoại. Làn hơi của anh sâu vút đầy đặn, vô cùng biểu cảm ở những nốt trầm, với cách nhả chữ rất sang. Giọng hát Quang Tuấn luôn để lại dấu ấn đẹp trong lòng người yêu nhạc qua

những bài nhạc tiền chiến, những ca khúc trữ tình bán cổ điển, được anh thể hiện đầy tình tứ và nhiều xúc cảm, mang đậm dấu ấn của riêng anh, dễ dàng dẫn dắt người nghe chìm đắm vào những nốt trầm bổng thăng hoa của âm nhạc. Khi nghe Quang Tuấn hát có lúc tựa như con thác nhẹ nhàng, u ẩn nhưng cũng có lúc mãnh liệt, dữ dội vô cùng. Anh không cường điệu, nhờ biết tiết chế dồn nén, tựa như tiếng gào thét của nội tâm, tiềm tàng như nhóm lửa âm ỉ dưới cơn mưa.

Không chỉ thành công với ca khúc tân nhạc, Quang Tuấn còn là giọng hát quen thuộc với các Phật tử qua những ca khúc Phật giáo. Anh chọn cách thể hiện các ca khúc Phật giáo một cách chân phương, không quá kỹ thuật. Tiếng hát của anh như một làn gió mát lành

Ký giả Băng Huyền đã viết cho báo Viet Herald và Viễn Đông Daily News nhiều năm qua. Cô hiện cư ngụ tại thành phố Anaheim, Nam California.

đưa người nghe đến chiều sâu bí ẩn và hơi hướng linh thiêng, được khơi cảm hứng từ những giai điệu thanh thoát. Mở ra một không gian âm nhạc tĩnh lặng. Tạo cảm hứng, sự lạc quan và bình yên cho tâm hồn người thưởng thức.

Cũng như những ca sĩ hát nhạc Phật giáo khác, thông qua âm nhạc, bằng lời ca tiếng hát của mình, ca sĩ Quang Tuấn đã trợ duyên cho nhiều người biết đến Phật giáo, đặc biệt là với những fan hâm mộ giọng hát của anh.

Hát tình ca đã khó, hát thiền ca, những ca khúc Phật giáo còn khó hơn. Sở dĩ tiếng hát Quang Tuấn đã chuyển tải thành công những tác phẩm này đến người nghe, vì anh học hỏi giáo lý đạo Phật thật nghiêm túc. Khi hiểu bài nhạc, ca từ muốn nói gì thì mới có thể hát ra được bài hát đó. Mà Quang Tuấn không chỉ tìm hiểu đạo Phật đạo chơi tài tử, anh rất am hiểu sâu sắc. Vì anh là một Phật tử thuần thành đã quy y Tam Bảo với pháp danh là Nguyên Minh, và đã thọ Bồ Tát giới tại gia, có Pháp tự là Đức Quang.

Đối với ca sĩ Quang Tuấn, “Ca hát không phải là cái nghề, mà là cái nghiệp. Mình không buông bỏ nó, lúc nào mình cũng nhớ. Không mưu sinh trên công việc đi hát. Tôi có những công việc khác để làm lo cho hai bát cơm của mình và gia đình, cho chắc bụng.”

Thời gian chính hiện nay của Quang Tuấn vẫn đi làm tám tiếng để lo mưu sinh cho gia đình, thời gian rảnh anh thích đọc sách, nghe nhạc, tập hát, thiền định. Trước khi xảy ra đại dịch cúm Covid-19, anh thường xuyên thực hiện những việc Phật sự ở chùa. Anh học về nghi lễ tán tụng của quý thầy gốc Huế, và học đánh những khí cụ, gõ mõ, khánh linh, đàn cò... Nay vì đại dịch, anh không thể đến chùa, tự tu tập ở nhà.

Ca sĩ Quang Tuấn cho biết lâu nay anh có một ước nguyện làm một CD chuyên về nhạc Phật giáo. CD phải có giá trị nghệ thuật văn hóa, Phật giáo. Hiện anh đang tìm bài vở ca khúc Phật giáo Việt Nam.

Anh cho biết, “Những bài vở ca khúc Phật giáo rất ít so với nhạc Công giáo. Đã có nhiều bài nhạc Phật giáo bị mai một, không còn ai biết đó là bài gì nữa. Muốn tìm đầy đủ những tài liệu này phải về Huế, tìm ở những tổ đình ở Huế, tìm gặp các quý thầy để chép lại, đây là một dự án âm nhạc rất khó làm. Tôi vẫn còn phải sưu tầm nhiều. Những bài nhạc, bài hát lâu quá đã bị thất truyền, tôi vẫn còn đang liên lạc với một số quý ôn lớn tuổi.

“Ngày xưa quý ôn vẫn còn nhớ giai điệu bài hát đó, ôn sẽ hát cho tôi nghe, rồi tôi sẽ chuyển sang nhạc, rồi hát lại theo và thu âm. Những bài nhạc của Phật giáo đã và đang thất truyền, tôi rất muốn sưu tầm lại để giữ lại gia sản âm nhạc của Phật giáo cho nó tồn tại



thế hệ sau. Đây là điều mà tôi đang rất muốn làm. Những bài thiền ca, đạo ca đã được các ca sĩ khác hát rồi. Tôi muốn tìm lại những gì đã mất mát bao nhiêu thập niên qua. Vì đây là kho tàng văn hóa Phật giáo rất quan trọng. Nếu thuận duyên thì sẽ tìm đủ tài liệu sớm để thực hiện CD, vẫn chưa biết bao lâu sẽ hoàn thành xong CD này.”

Cơ duyên với Đức Phật với cửa Chùa

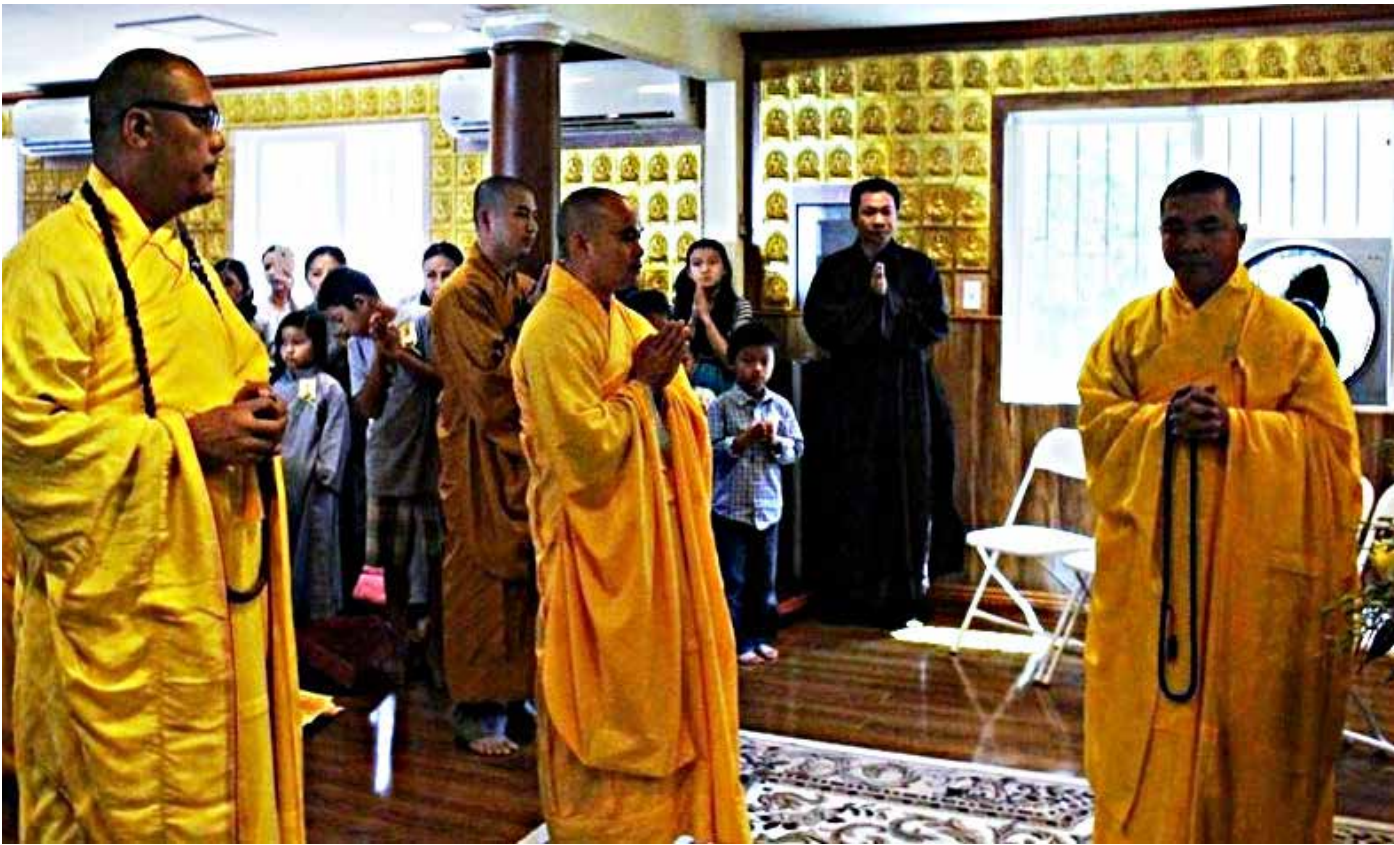
Nói về cơ duyên đến với đạo Phật, Phật tử Nguyên Minh kể, “Hồi nhỏ khi còn ở Việt Nam, tôi không chơi với bạn đồng lứa tuổi với mình. Không biết lý do tại sao. Trong trí nhớ của tôi lúc mình 6 tuổi, tôi rất thích vào trong chùa gần nhà để chơi một mình. Nhà tôi lúc đó ở Đà Lạt. Chùa có cây bồ đề tỏa bóng mát, có suối. Tôi thích vào

chùa chơi vì thoáng mát, thanh vắng, tôi thích lủi thủi chơi một mình. Sư ông trụ trì chùa thấy tôi chơi một mình, hỏi thăm con là con nhà ai? Rồi dặn dò tối hôm nào con rảnh, con đến đây chơi với thầy. Thế là tối tôi đến chơi.

“Tôi được sư ông cho bánh, kẹo, rồi kêu tôi lên ngồi bên cạnh tụng kinh với sư ông. Ở Việt Nam, trong một buổi lễ tại chùa, thường người chủ lễ ngồi ở trên, ở bên dưới là các Phật tử. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh tôi đến chùa buổi tối mỗi ngày, tụng kinh từ 7 giờ đến 9 giờ mới xong. Bên trong chánh điện phần lớn là mấy cụ. Sư ông kêu tôi lên ngồi kế bên sư ông, bảy giờ tôi nghỉ trong bụng, mình ngon lành quá. Lê ra mình phải ngồi tuốt dằng xa. Vì ngày xưa ở Việt Nam, kính lão đắc thọ. Người lớn tuổi ngồi ở trên, từ từ người trẻ hơn ngồi phía dưới.

“Trong lúc tụng kinh, sư ông một tay gõ mõ, một tay gõ chuông, lâu lâu sư ông gõ keng một cái, tôi thấy hay hay. Khi sư ông đang tụng, tôi cũng bắt chước gõ keng một cái. Nhưng tôi gõ lung tung. Sư ông không giận, không la mắng gì tôi hết. Đến khi kết thúc lễ, sư ông nói con đợi sư ông chỉ, con làm theo nha. Từ đó hầu như mỗi tối, tôi lại vào chùa tụng kinh kéo dài khoảng bốn, năm năm. Bảy giờ tụng kinh thì tôi tụng thôi. Chũ thì mình cứ đọc, nhưng tôi chẳng hiểu gì cả. Tôi cũng có thuộc những đoạn kinh như Chú Đại Bi, Kinh Bát Nhã Ba La Mật... Khi không thuộc thì nhìn vào sách kinh, dùng mắt dò theo sư ông và các Phật tử trong đạo tràng tụng. Đây là duyên khởi lúc ban đầu đưa tôi đến với đạo Phật. Tâm của mình dặt mình đi vào trong chùa, thay vì la cà theo bạn bè phá làng phá xóm, thì trong vô thức có sự dẫn dắt tôi bước vào chùa. Mà tôi thích chứ không phải là sự bắt buộc.”

Nhưng khoảng bốn, năm năm sau, khi gia đình rời lên Sài Gòn, anh không còn duyên đến chùa nữa. Thời gian đi học, phụ việc gia đình. Anh cũng ra đời sớm, phụ việc cho người chị buôn bán mưu sinh. Giai đoạn



Cư sĩ Quang Tuấn trong một buổi lễ có Thầy Hương Niệm (giữa) của Chùa Linh Quang. (Hình cung cấp)

đó là chấm dứt chuyện đi chùa, không đọc sách kinh kệ gì cả. Cho đến khi anh đi vượt biên bằng đường bộ vào năm 1986.

Ca sĩ Quang Tuấn kể, “Tôi vượt biên từ Việt Nam qua Campuchia rồi đến biên giới Thái- Miên. Trong khu rừng khi chuẩn bị gặp Hội Hồng Thập Tự để họ cứu vớt mình, thì tôi có duyên gặp một vị thầy tu Phật giáo. Thầy cũng đi vượt biên, tôi và thầy gặp nhau trong rừng. Tôi cũng đã không còn nhớ rõ vị thầy đó xuất xứ tu ở đâu. Nhưng trong giai đoạn ở trong rừng, tôi tiếp xúc với thầy, lo cho thầy từng bữa ăn, tìm rau... mưu sinh trong thời gian trong rừng.

“Khi vào trong trại lánh nạn Site 2, những ai được phỏng vấn đi qua nước thứ ba thì sẽ được chuyển sang trại tị nạn chính thức. Trong thời gian ở trại lánh nạn Site 2 khoảng hai năm, ngoài thời gian học Anh văn, ăn, ngủ, còn thời gian dư mình muốn làm gì thì làm. Tôi đã dành thì giờ còn lại của mình đến chùa trong trại lánh nạn này. Chùa Vạn Hạnh là một ngôi chùa trong trại, vốn là ngôi nhà lớn xây lên rất mộc mạc, mái lá tranh. Lúc bấy giờ tôi đã trở lại với Phật giáo.

“Tôi giúp quý thầy trong chùa này làm những việc công quả, tụng kinh. Vào những dịp lễ như Phật Đản, Vu Lan tôi cũng có hát những bài nhạc Phật giáo như Mục Kiền Liên, Bông Hồng Cài Áo... Đến năm 1989 qua Mỹ định cư thì tôi cũng thất lạc với quý thầy tại trại lánh nạn Site 2. Ở Mỹ, đời sống lại bận bịu mưu sinh, nên tôi cũng không còn đến chùa, không tìm hiểu kinh kệ, giáo lý Phật giáo. Thời gian ở trại lánh nạn, đã gần 20 tuổi, tụng kinh thì cứ tụng thôi, chứ không hiểu gì hết. Duyên khởi rồi duyên hết, vì mưu

sinh nên ngưng một thời gian không đến với Phật Pháp. Tới ngày lễ, mùng 1, 15, 30, 14 thì ăn chay. Nhưng ăn chỉ là ăn thôi, chẳng thấy ngon gì cả. Lúc đó chẳng hiểu sâu xa gì về ăn chay, tụng kinh, ý nghĩa ra làm sao, cứ làm thôi mà không hiểu rõ.”

Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy: “Nếu người chỉ gơ tay hoặc niệm Nam-mô Phật, đều sẽ thành Phật đạo.” Hạt giống Phật pháp một khi đã gieo vào tâm thức rồi thì không mất mà chỉ chờ hội đủ nhân duyên sẽ nảy mầm và đơm bông kết trái. Trường hợp của ca sĩ Quang Tuấn có lẽ là như vậy. Quả không sai khi mọi người phải thốt lên, “Phật pháp thật nhiệm mầu!”

Thuận duyên với tu tập

Nhớ lại chặng đường chính thức quay về với Phật pháp và trở thành Phật tử thuần thành rồi thọ Bồ Tát Giới, ca sĩ Quang Tuấn chia sẻ, “Năm 1993, tôi ghi danh thi cuộc thi Tuyển Lựa Ca Sĩ Tài Năng Mới do nhạc sĩ Ngọc Chánh tổ chức tại vũ trường Ritz và đã được giải nhì. Giải nhất cuộc thi này là ca sĩ Anh Dũng (hiện là xướng ngôn viên đài Việt Face) và đồng hạng nhất là ca sĩ Hoài Nam.

“Khi đậu vào bán kết tôi được nhạc sĩ Ngọc Chánh ký hợp đồng hát tại vũ trường Ritz hai năm, dù lúc đó tôi vẫn còn đang dự thi, chưa biết có đạt được giải gì không. Sau khi thi xong, tôi chính thức hát cho vũ trường. Đến năm 1995, sau khi hết hợp đồng với vũ trường Ritz, tôi chuyển về San Diego sống vì xin được công việc tại đây. Tôi sống ở San Diego năm năm (từ 1995 đến 2000). Tôi đi làm rất nhiều, mục đích dành dụm tiền làm CD cá nhân đầu tay.

“Trong giai đoạn năm năm này, duyên khởi đến với Phật giáo bắt đầu từ đây. Lúc bấy giờ tôi vẫn còn độc thân. Nên khi có việc làm ở đâu thì tìm thuê phòng ở nhà nào gần chỗ làm cho tiện. Lần cuối tôi đọc báo thấy có một nhà cho thuê phòng cách chỗ làm rất gần. Khi tìm đến nhà, gặp chị chủ nhà để xem nơi ở trước khi quyết định thuê. Bước chân vào tôi có cảm giác như đây là nơi ở của một người tu trong cái thất vậy. Có tượng Phật được trưng bày rất hài hòa và nghệ thuật. Có tủ sách cao đựng trên nhà đầy các sách kinh.

“Nhà chị có ba phòng, một phòng chị ở, một phòng cho cậu con trai, và phòng còn dư nên cho thuê. Tôi thuê được nơi đó mừng lắm, vì rất gần chỗ làm, lái xe năm, bảy phút là tới chỗ làm rồi. Tôi ở đó một tháng, nhưng tôi và chị chủ nhà chưa bao giờ nói chuyện. Vì tôi đi làm thì chị ở nhà, còn tôi ở nhà thì chị đi làm. Chị làm tới hai công việc, tôi chỉ gặp chị vào cuối tuần, nhưng thường cũng không gặp vì chị lo đi tu học.

“Một hôm ngày thứ Bảy, tôi có thói quen dậy sớm ra pha cà phê, mới thấy chị nằm bẹp ở ghế sofa ngoài phòng khách. Lúc đó mới biết chị trúng gió. Chị đang đợi người bạn cùng tu học nhà cách đây phải lái xe hai tiếng để xuống giúp. Nghe vậy tôi tình nguyện ra vườn nhà của chị hái chanh, lá sả để giúp chị nấu nồi lá xông. Sau lần đó, vào một hôm cũng cuối tuần, tôi lại gặp chị, hai chị em có dịp trò chuyện nhiều hơn. Tôi có kể chuyện từng đến chùa từ nhỏ và khi đi vượt biên. Chị đề nghị nếu khi nào tôi rảnh thích thì hãy cứ chọn quyển sách kinh Phật trên kệ sách của chị để đọc.

“Vài tuần sau, cũng vào một ngày cuối tuần, hôm đó tôi rảnh, nên tôi đứng nhìn kệ sách. Sách rất nhiều, nào là kinh Đại Thừa, kinh Địa Tạng, kinh Pháp Hoa... không biết lấy sách nào để đọc. Sau đó, tôi nghĩ thôi thì tùy duyên, tay chạm được cuốn nào, thì đọc cuốn đó. Quyển tôi chạm vào là Đường mây Trên Đất Hoa [do Thầy Thích Hằng Đạt với Nguyên Phong dịch và phóng tác] nói về cuộc đời của Hòa Thượng Hư Vân. Ngài là một Thiền sư. Ngài là sư phụ của thầy Tuyên Hóa ở Như Lai Thiền Tự (chùa Đài Loan).

“Tôi đã đọc quyển sách đó say mê đến nỗi bỏ luôn cả ăn trưa. Đọc từ đầu đến hết cuốn sách khoảng hai trăm mấy chục trang. Sách nói về cuộc đời của ngài từ khi sinh ra. Khi ngài trở thành một môn sinh, rồi sau này thầy đi hồng hóa.

“Một điều thật mầu nhiệm vô cùng. Ngày xưa khi



Từ trái là các ca sĩ Tuấn Ngọc, Hương Giang, Trần Thu Hà, Khánh Ly, và Quang Tuấn trong chương trình “Như Cánh Vạc Bay” tại Houston năm 2008. (Hình đăng trang blog Cỏ Thơm Magazine, không rõ nguồn)

sáu tuổi, tôi vào chùa tụng kinh, đọc chẳng hiểu gì. Qua trại tị nạn, đọc chẳng hiểu gì. Nhưng khi đọc sách của ngài Hư Vân, những gì ngày xưa tôi không hiểu, bây giờ được mở hết. Cái này bên Phật giáo gọi là Ngộ. Đây là một cái duyên mình Ngộ ra. Khi đọc sách ngài viết tới đâu, từng chữ một, tự dung trong đầu tôi mở hết, hiểu hết mà tôi không ngờ. Cuộc đời của ngài Hư Vân cũng na ná tương tự cuộc đời của tôi, không có bố mẹ, là người mồ côi, có nhiều tương đồng trong cuộc đời tôi lắm. Cho nên tôi thích. Khi đọc hết sách, tôi hiểu được nhiều.

“Sau đó tôi đã đi theo chị chủ nhà đến những nhóm tu học mà chị hay đi. Khi đó tôi mới biết rằng nhóm của chị tại San Diego là tu học theo phương pháp của sư ông Làng Mai (Thiền Sư Thích Nhất Hạnh). Họ tự tu học với nhau theo phương pháp của sư ông Làng Mai. Tôi có duyên gặp sư ông Làng Mai ba lần, nghe được Thầy thuyết pháp và giảng dịch. Sau đó tôi tự nghiên cứu sách, tự tu lấy một mình và đi theo nhóm tu học của chị chủ nhà cùng tu học với nhau mỗi cuối tuần. Kể từ đó tôi đã bước vào thế giới Phật giáo và tu thiền trong mốc giai đoạn từ 1998- 2000 và đã có duyên trở lại với Phật giáo.”

Năm 2000 ca sĩ Quang Tuấn rời San Diego trở lại Quận Cam, lúc này anh vẫn đi làm công việc khác để mưu sinh và nhận show đi hát vào cuối tuần. Lúc bấy giờ anh được quý thầy ở khắp các tiểu bang trên nước Mỹ mời hát những ca khúc Phật giáo trong những buổi lễ lạc tại chùa.

Ca sĩ Quang Tuấn tâm sự, “Khi tôi có duyên quay trở lại với Phật giáo, đến năm 2000 quay trở lại ca hát, tôi có tiếp xúc với quý thầy, đi hát ở những ngôi chùa, thiền viện... thì lúc đó tôi mới quy y. Lúc bấy giờ tôi đi hát ở Houston (Texas) và đã quy y tại chùa Việt

Nam do Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh, trụ trì của chùa làm lễ quy y cho tôi vào năm 2009. Lúc đó tôi đã có gia đình và có hai con rồi.

“Dù tôi đã gắn với giáo lý Phật trước đó, nhưng vẫn chưa đủ duyên để quy y. Lúc đầu, tôi rất muốn được sư ông Thích Nhất Hạnh đứng ra đại diện làm lễ quy y cho tôi, nhưng không có duyên. Để rồi đến năm 2009, tôi lại có duyên với ôn Thích Nguyên Hạnh. Ôn đứng ra làm một đại diện tam bảo làm lễ quy y cho tôi. Ôn đặt cho tôi pháp danh là Nguyên Minh. Ôn là Thích Nguyên Hạnh. Nguyên là một dòng họ bên nhà Phật. Nên Ôn lấy dòng họ ghép cho tôi pháp danh là Nguyên. Minh là từ chữ Tuấn mà ra (tên thật của ca sĩ Quang Tuấn là Lương Anh Tuấn). Minh quy y không phải với quý thầy nào, mà là quy y Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Các quý thầy chỉ là đại diện cho Tam Bảo, đứng ra làm lễ quy y thay thế cho đức Phật, chứ không phải Phật tử quy y với Thầy đó. Đây là điều mà quý Phật tử hiểu lầm rất nhiều.

“Đến năm 2015, tôi bước vào thọ Bồ Tát giới. Khi quy y Tam Bảo, người Phật tử thuần thành phải giữ Ngũ Giới (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không được uống rượu (những chất kích thích)). Khi mình giữ được ngon lành Ngũ giới, thì mình bước tới thực hành Thập Thiện Giới (cộng thêm 5 giới nữa) và sau khi giữ được rồi thì bước qua Bồ Tát giới.”

Phật tử Nguyên Minh giải thích, “Bồ Tát Giới được chia làm hai loại, một loại tại gia và một loại là Bồ Tát Giới xuất gia. Bồ Tát Giới tại gia thì Phật tử giữ từ 30 đến 50 giới. Còn Bồ Tát Giới xuất gia thì quý thầy giữ 128 giới. Những giới đó xuất xứ từ năm giới chính mà ra. Ví dụ giới nói dối. Một người Phật tử thuần thành không nên chuyện có nói thành không, chuyện không nói thành có. Khi thọ thêm giới, thì giới nói dối có thêm cái phụ. Ví dụ ai kể cho mình nghe câu chuyện, khi mình thuật lại người khác nghe, phải y như vậy, không được bẻ méo, thêm bớt câu chuyện để người A, B hay C mâu thuẫn với nhau. Đến năm 2015 tôi thọ Bồ Tát Giới.

“Nếu quy y Tam Bảo, thì chỉ cần một thầy đại



Trên: Bìa CD đầu tay của ca sĩ Quang Tuấn với tựa đề ‘Gửi Người Em Gái’ phát hành năm 2000. Đó cũng là năm anh trở lại ca hát, tiếp xúc với các thầy, hát ở các chùa, thiền viện.

Dưới: Hình ca sĩ trong CD ‘Gửi Người Em Gái.’

diện cho Đức Phật làm lễ quy y. Nhưng khi muốn thọ Bồ Tát Giới cần có 10 thầy chứng minh cho Bồ Tát Giới của người tu tại gia. Vì trong suốt thời gian mình học hỏi, tu học, làm theo những hành trì của người Phật tử trong suốt bao nhiêu năm tháng, thì quý thầy cũng có chất vấn và theo dõi mình học tới đâu. Khi mình thưa với quý thầy muốn thọ Bồ Tát Giới, thì quý thầy cũng sẽ chất vấn mình để xem mình hiểu được về Phật pháp như thế nào, thì mới cho thọ Bồ Tát Giới, chứ không phải tự dưng mình thích là được đâu.

“Khi thọ Bồ Tát Giới thì phải có 10 vị, thì trong đó có một vị Hòa Thượng lớn tuổi chứng minh cho buổi lễ. Vị chứng minh cho buổi lễ thọ Bồ Tát Giới cho tôi là Hòa Thượng Thích Chân Tôn ở Arizona. Thầy là trụ trì một chùa tại đây là chùa Việt Nam. Ngoài ôn Hòa Thượng chứng minh ra còn có một hội đồng Tôn Sư là Thượng Tọa và Đại Đức chứng minh cho buổi lễ.

“Nếu bước một bước nữa là tôi đã xuất gia rồi. Vì với người tu tại gia, thọ Bồ Tát Giới là chấm dứt. Hiện bây giờ tôi tu học tại nhà. Trước đây khi chưa bị đại dịch cúm Covid-19, tôi vẫn thường tới các ngôi chùa để tu học và giúp cho quý thầy một phần công sức trong ngôi chùa. Ví dụ những buổi nghi lễ, phụ với

quý thầy tụng kinh, gõ chuông mõ. Vì cần phải học mới làm được. Mà khi bước vô Bồ Tát Giới rồi thì các nghi lễ trong Phật giáo mình phải biết hết.

“Ví dụ vị trụ trì của chùa bận việc đi hoằng pháp bên ngoài, các Phật tử trong đạo tràng đến chùa tụng kinh mỗi tối, thì ôn trụ trì sẽ nhờ tôi thay thế ôn làm chủ lễ. Mà chủ lễ phải là người thọ Bồ Tát Giới và phải hiểu mới được thay thế thầy trụ trì, còn một Phật tử chỉ thọ Ngũ Giới thì không có quyền.

“Những chùa tôi từng tu học và từng được ôn trụ trì nhờ làm chủ lễ những lúc ôn vắng mặt như chùa Trúc Lâm tại thành phố Corona, nơi tôi đang sống hiện nay, Thiên đường Ấn Tôn và chùa Thiên Trúc, cả hai đều ở San Jose, trong thời gian tôi còn sống ở đây. Những buổi lễ tụng kinh Pháp Hoa, tụng đám cầu siêu cho quý Phật tử trong đạo tràng vừa qua đời được



Ca sĩ Quang Tuấn hát gây quỹ tại Houston năm 2013. (Hình từ Youtube)

siêu thoát.”

Phật tử Nguyên Minh bật mí, “Từ nhỏ đến nay, tôi luôn có duyên gặp quý thầy là người gốc Huế, chưa gặp vị thầy nào người Nam và người Bắc. Trong Phật giáo của quý thầy gốc Huế thì quý thầy thường tán tụng như hát. Vì tán tụng của Phật giáo gốc Huế ngày xưa ảnh hưởng bởi nhạc cung đình Huế, từ đó mới chế tác ra âm hưởng giai điệu riêng cho Phật giáo gọi là tán tụng rất hay. Tôi đang học tán tụng đó. Nhờ là ca sĩ, nên những nhịp nhàng của tán tụng bên Phật giáo gốc Huế tôi học rất mau. Có điều thể thức của tán tụng hơi khác với tân nhạc một chút, nhưng tôi mê lắm. Vì mê tôi học rất mau.

“Nhưng mê là một chuyện, mình cần có khiếu nữa và có giọng nữa. Có thầy tán tụng rất hay, nghe đã lắm, nhưng có thầy tán tụng không được. Vì cần phải có hơi, có giọng, phải có khiếu giống như đi hát vậy thôi. Tôi phải học hết những nghi lễ giống như những người xuất gia vậy, mà tôi tự thấy tôi vẫn còn chưa biết hết. Vẫn tiếp tục học mãi. Những điều mình học chỉ là hạt cát mà thôi, mình học tới đâu, biết tới đâu, hay ngộ tới đâu thì mình hiểu tới đó mà thôi. Còn ngoài ra mình vẫn phải học nhiều lắm, nhưng cái chính là phải thực tập và tu hành. Học chỉ là một nhưng thực hành là mười. Cũng giống như ngoài đời mà thôi.”

Phật tử Nguyên Minh cho biết các phương pháp tu tập mà anh theo suốt bao năm qua gồm có Tịnh Độ, Mật Tông, Thiền của sư ông Làng Mai. “Mỗi một tông phái có khác nhau nhưng quy tựu chung đều là thiền mà thôi. Mà Thiền của Sư ông Làng Mai kết hợp Thiền Tông và Tịnh Độ Tông. Nói chung từ cột mốc năm 2000 đến nay, bao nhiêu năm rông rã tôi



Cư sĩ Nguyên Minh (Hình cung cấp)

đi tu thiền, học hỏi rất nhiều ở quý thầy. Tôi cũng đã tìm hiểu sâu về Phật Giáo. Bây giờ tôi hành việc ngoài đời. Làm việc, lời nói, cử chỉ... tôi luôn cố gắng làm giống như một người xuất gia vậy. Hai mươi năm qua, những lúc không đến chùa được thì tự tu tập ở nhà. Vợ tôi trước khi kết hôn với tôi cũng chỉ là một người theo đạo thờ ông bà, không hiểu gì về Phật giáo cả. Khi vợ tôi thắc mắc gì, thì tôi hướng dẫn, chia sẻ với cô ấy.”

Khi một người biết đi chùa, thờ Phật, lễ Phật, tụng kinh, sám hối, làm phước, cúng dường, nghe Tăng Ni thuyết pháp hoặc tham dự các khóa lễ, khóa tu có nghĩa là người đó đã xác nhận mình là Phật tử. Nhưng để trở thành người Phật tử chân chính chúng ta cần phải biết rõ mục đích cốt lõi của đạo Phật là gì.

Phật tử Nguyên Minh chia sẻ, “Trong 20 năm tôi bước vô Phật giáo học hỏi và rút ra kinh nghiệm cho chính mình, xin gửi đến những người đồng tu chung với tôi, với quý Phật tử để chia sẻ. Dù mình có tu lâu năm đi nữa, đi chùa, ăn chay, niệm Phật hay thậm chí mình làm công đức thì mình phải hiểu một điều rằng, mình còn ham những vật chất không? Mình

còn ham với những danh lợi không? Mình có còn sân si không? Hay nổi nóng khi gặp những chuyện vô tội vạ, giận dữ bực tức không? Mình còn cái tôi, ngã mạn của mình lớn không? Khi ai khen thì mình vui, khi ai chê thì nổi nóng không? Mình còn chấp vô cái Đạo tôi, Đạo anh, Đạo chị không? Gây ra sự chia rẽ bè phái hay không? Những điều đó vẫn còn, thì dù mình có tu học 20 năm, 30 năm, 100 năm nó cũng là công dã tràng mà thôi.

“Đối với riêng cá nhân tôi, một người Phật tử khi quy y Ngũ giới thì mình hãy ráng làm sao cho trọn vẹn, đừng có phá hủy, đừng có làm sai. Ngày xưa khi Đức Thế Tôn chuẩn bị nhập diệt. Ngài A Nan có hỏi: Đức Thế Tôn nhập niết bàn, thì ai sẽ là người thay thế. Đức Thế Tôn trả lời không ai thay thế ta cả, mà vị Thầy của các con là Giới. Phải giữ được Giới. Giới là bậc thầy của các con.

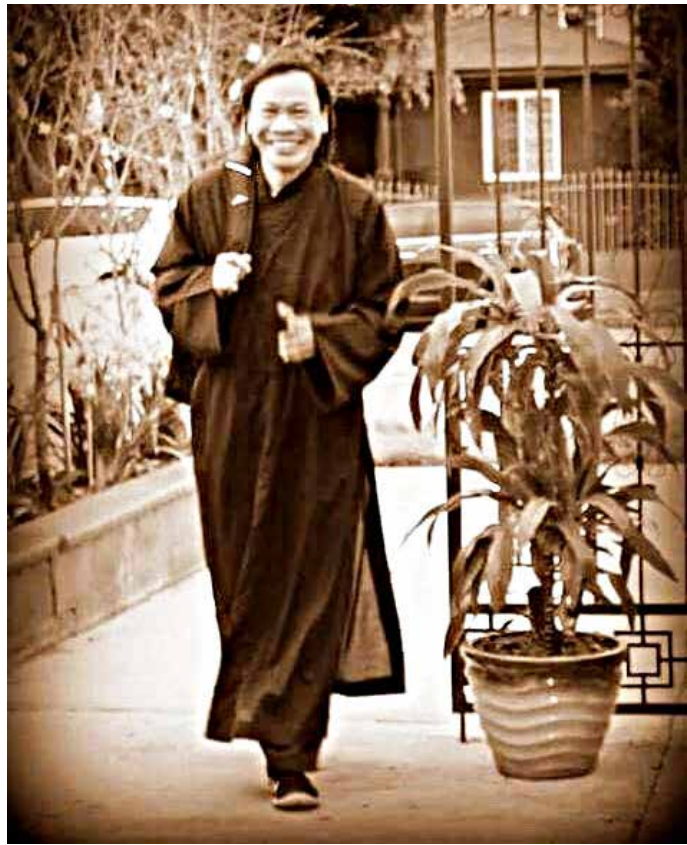
“Theo tôi nghĩ, một Phật tử thuần thành, ngoài

chuyện giữ Ngũ Giới, còn phải giữ Tứ Vô Lượng Tâm (Từ Bi Hỷ Xả) của Phật giáo. Từ là đối nghịch với giận hờn. Bi đối với tàn ác. Hỷ đối với ganh ghét. Xả đối với kỳ thị. Hãy bố thí cho thật nhiều, nên nói những lời ái ngữ cho thật đẹp, mình nên khiêm cung, lễ độ. Ngoài ra hãy luôn giữ Tam Thường Bát Túc. Đây không chỉ dành riêng cho người xuất gia mà người tu tại gia cũng phải thực hiện. Tam Thường Bát Túc nghĩa là trong ba cái ăn, mặc, và ở đừng bao giờ đầy đủ quá. Phần đông cứ bị đam mê trong lễ thói hưởng thụ ấy mà không để ý đến chuyện ngày tháng qua mau, khi giật mình tỉnh dậy thì đầu mình đã bạc. Đây là những giáo lý mà Đức Thế Tôn đã dạy có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đời tôi và tôi luôn áp dụng trong đời sống của mình.”

Đối với Phật tử Nguyên Minh, Phật giáo có nhiều học thuyết rất hay như nhân quả, nghiệp báo, luân hồi... Điều đặc biệt mà đạo Phật mang đến cho anh là sự thấu hiểu được lẽ vô thường của cuộc đời.

Anh bày tỏ, “Đạo Phật giúp chuyển hóa tôi 180 độ. Ngày xưa đời sống tôi khác. Khi còn sống ở Việt Nam và khi vượt biên chẳng hiểu gì về đạo Phật. Đến khi thuê phòng ở trong nhà chị chủ nhà tu theo phương pháp của sư ông Làng Mai, tôi đã hiểu ra và ngộ ra. Bên đạo Phật, ngộ Đạo đã là tốt rồi. Nhưng ngộ Đạo chưa đủ, phải chứng đạo. Muốn chứng Đạo mình phải giữ giới, tu học cho nghiêm túc. Chứng Đạo mới là khó. Ngộ Đạo đã là khá rồi. Nhưng phải chứng Đạo, học một mà phải thực hành nhiều. Ví dụ hạnh bố thí. Không nhất thiết phải bố thí tiền bạc, không nhất thiết phải bố thí về tinh thần. Mình có cái gì bố thí cái đó.

“Nhiều khi mình bố thí bằng lời nói cũng là bố thí. Chia sẻ cho người nghe trong lúc họ đang đau khổ, mình khuyên họ điều tốt đẹp, hướng dẫn họ đi con đường đúng, là những lời nói bố thí, để họ có đời sống tinh thần thật tốt. Cũng là một bố thí. Bất cứ những biến động nào xảy ra, không riêng gì trong dịch cúm này, mỗi người chúng ta hãy luôn giữ cho mình tốt. Còn chuyện tu học, mình biết được tới đâu thì cứ làm như vậy đi. Ngoài ra mình nên nguyện những lời cầu thế giới bình an, mọi người tai quan nạn khỏi,



hộ trì cho những gia đình nghèo khổ gặp những khó khăn trong đời sống, giúp cho họ một bàn tay.

“Nhờ có tu tập nên những biến động đến, tâm tôi cũng bình an hơn những người khác. Nếu lỡ như mình vướng phải căn bệnh ngặt nghèo, thì đó là do cái nghiệp của mình mà thôi. Khi mình bị nghiệp thì mình đừng than oán, trách móc ai. Vì khi đó mình phải mang.

“Bên đạo Phật có thuyết luân hồi. Nhân Phước Quả Báo luôn tuần hoàn. Mình làm điều gì đúng, điều gì tốt thì việc làm sẽ đến với mình tốt. Làm điều gì sai thì việc sai đến với mình ngay. Đây là cái nghiệp mà mỗi người phải tự gánh chịu lấy, không ai gánh cho ai, không ai tu cho ai cả.”

Để kết thúc phần tâm tình của mình, ca sĩ Quang Tuấn nói, “Thời gian này, vì đại dịch nên công việc của tôi cũng khó khăn hơn, làm nơi này thời gian bị lay off, phải tìm việc nơi khác để xoay sở lo cho đời sống gia đình. Nhưng tôi không cho đó là việc vất vả. Vì hiện nay rất nhiều người thất nghiệp. Mình có công việc làm là hạnh phúc rồi, không nên đòi hỏi gì quá đáng. Với tôi, cái ăn, cái mặc, cái ở làm sao cho vừa phải là hạnh phúc rồi. Còn nếu mình cứ căng thẳng quá, đòi hỏi quá, thì sẽ rất mệt.

“Hãy luôn nghĩ chuyện gì tới sẽ tới. Cuộc đời này rất vô thường. Đừng để tâm mình quá xao động. Không nên để lý trí quần quã sẽ có những hành động không được đẹp. Tôi xin nguyện cầu cho thế giới được bình an, tai qua nạn khỏi, dịch cúm mau hết. Nguyện cầu cho mọi người đều bình an, khỏe mạnh. Và xin nguyện cầu cho quý Phật tử càng ngày tu học càng thêm tinh tấn.” ♦

Xin làm cơn mưa pháp

Bài PHÚC QUỲNH

Bước vào con đường tu hành, cho dù là tại gia chứ chưa phải xuất gia, một kẻ sơ cơ và đã lưỡng tuổi như tôi đây gặp khá nhiều thử thách chứ không ít, trong việc buông xả những thói quen, sở thích đã từng có trước khi tâm hướng về đạo, mong cầu được thấy chân lý của đạo, được tỏ ngộ lời Phật dạy. Nói theo kiểu thời nay, tôi “tự hào” là đã bỏ được một số tập khí cũ như ăn mặn, uống bia, tụ tập để bù khú, nói phét với các bạn văn, bạn nhậu, xem phim ảnh, coi thể thao, v.v.. Nhưng tôi cũng rất xấu hổ khi biết mình còn nhiều thói quen chưa thể bỏ hẳn được, chẳng hạn như lái xe ngắm cảnh thiên nhiên, hảo món ngọt chocolate, ăn ớt cay, đọc truyện, nghe nhạc, v.v..

Món nghe nhạc ban đầu tưởng dễ bỏ dễ buông, nhưng có lẽ món đó là một phần của chất nghệ sĩ còn vương vấn trong tôi, nên khó dứt lìa hoàn toàn, không dễ ợt chút nào. Tôi từng một thời mê những giọng nam khá xưa như Anh Ngọc, Sỹ Phú, Tuấn Ngọc, Vũ Khanh, hay trẻ hơn chút như Anh Dũng, Don Hồ, Nguyễn Khang. Bỏ nghe mấy “anh” này thì cũng dễ thôi, vì những ca khúc đượm đầy tình cảm, mộng mơ của đời không còn làm rung động trái tim “nay đã chai đá” theo tiếng chuông chùa của tôi.

Nhưng tôi khám phá sở thích nghe nhạc của mình không dễ xả bỏ như tôi tưởng qua một kinh nghiệm mới đây. Hôm ấy, trong một dịp gặp gỡ các đạo hữu, tôi được anh bạn trẻ Hồ Quốc Việt tặng album nhạc đạo của anh. Vì công việc, tôi thỉnh thoảng được các ca sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ, thi sĩ, và có khi nhiếp ảnh... sĩ tặng tác phẩm



Chú thích: Hình mưa của Bibhukalyan Achar / Pexels, và ca sĩ Hồ Quốc Việt trên CD ‘Diệu Pháp Liên Hoa’

của họ. Thường thì tôi tặng lại các món quà cho những ai mà tôi biết mến mộ các nghệ sĩ đó. Thế nên đĩa 'Diệu Pháp Liên Hoa' của Hồ Quốc Việt cũng được tôi để nằm lay lắt trên bàn bày những món quà chờ được tặng người khác.

Nhưng rồi mỗi khi đi ngang bàn, tôi vẫn cầm lên đĩa CD của Việt, ngắm nghía, nhớ lại lời tâm sự của người bạn trẻ này: "Việt không hát nhạc đời nữa, không hát nhạc tình, Việt chỉ hát nhạc đạo, dành hết cho đạo."

Có lẽ vì lời chân thật ấy nên một buổi sáng kia tôi đã không kèm được tập khí cũ là thích nghe nhạc, tuy cẩn thận nhưng vẫn nôn nao khi mở vỏ bọc CD của Việt, đưa đĩa vào máy nghe mà từ lâu ít sử dụng. Và rồi một thời mê âm nhạc đã trở về trong khoảng khắc.

Lẽ đương nhiên tôi cũng có chút nội lực đủ để không hoàn toàn đắm chìm vào lạc thú của nhĩ căn, nhưng phải nói là album 'Diệu Pháp Liên Hoa' này đã làm tôi say mê nhạc trở lại sáng hôm ấy. Mở đầu cho tám ca khúc là bài hát mang tựa đề của album. Bản 'Diệu Pháp Liên Hoa' của nhạc sĩ Chúc Linh đã nổi tiếng từ mấy năm qua, được nhiều ca sĩ trình diễn khá xuất sắc. Ca khúc này càng tuyệt vời hơn qua tiếng hát của Hồ Quốc Việt. Anh có giọng ca khỏe, hùng mạnh, trầm ấm, mà cũng lên cao xuống thấp khá êm ái, sâu dày.

Những ca khúc kế tiếp đã được Việt biểu diễn vừa chuyên nghiệp, và cũng vừa truyền cảm đủ để chuyển tải ý đạo mà không rơi vào cảm xúc quá đáng của nhạc đời. 'Tiếng Chuông Khuya' của nhạc sĩ Giác An; 'Xuất Gia' thơ Tuệ Kiên, nhạc Võ Tá Hân; 'Dòng Sông Thấp Thoáng Con Thuyền' thơ Thanh Trí Cao, nhạc Hoàng Quang Hué; 'Dòng Sông Bến Cũ' thơ Thanh Trí Cao, nhạc Lâm Hoài Thạch; 'Quý Kính Phật Đà' của Giác An; 'Phật Là Ánh Từ Quang' của TVG Phi Long; và 'Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật' của Thẩm Oánh.

Hai ca khúc soạn từ thơ của Thanh Trí Cao, tức Thầy Thích Quảng Thanh, đã làm người nghe không khỏi bồi hồi, buồn sâu thẳm, một phần vì Thầy Quảng Thanh



Đại Đức Thích Viên Giác (Hình Chùa Phổ Hiền, Strasbourg, Pháp, 2018)

mới mất hồi năm ngoái 2019, nên lời nhạc càng gợi nhắc một hình bóng đã sang sông rồi "người sẽ về đâu."

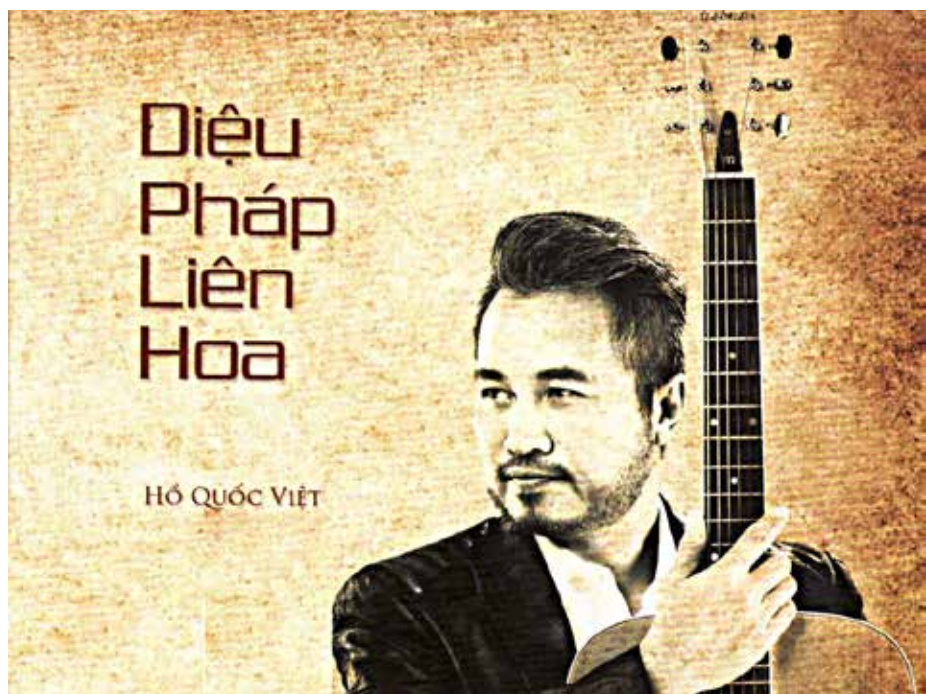
Tiếng hát của Hồ Quốc Việt đã tươi tắn và phấn khởi hơn trong ca khúc 'Xuất Gia' với nhạc của Võ Tá Hân, nói lên ý chí của Thái Tử Tất Đạt Đa trong đêm từ giả Công Chúa Da Du Đà La để tìm đường giải thoát cho chúng sanh "vì lòng từ bi."

Thú vị nhất cho tôi là ca khúc số bảy của album 'Phật Là Ánh Từ Quang' của TVG Phi Long. Lời nhạc tròn đầy ý đạo, mà tiếng hát

của Hồ Quốc Việt không chỉ chuyển tải được tinh thần kính mến Phật rất tha thiết, mà còn có chất giọng phơi phới thênh thang của tuổi trẻ lý tưởng trong điệp khúc "Xin được làm cánh đồng / Cho ngọn lúa xanh tươi," và "Xin làm cơn mưa pháp / Tươi mát đời khô khan."

Tìm hiểu thêm về ca khúc 'Phật Là Ánh Từ Quang' được nghe lần đầu này, tôi được biết chữ viết tắt TVG tên tác giả chính là "Thích Viên Giác," pháp danh của thầy Đại Đức trụ trì Chùa Đôn Hậu ở Trondheim, Na Uy. Dùng Google để tìm kiếm thêm nữa, tôi được biết Thầy Viên Giác từng vượt biển từ miền Trung Việt Nam, được một gia đình ở Na Uy bảo trợ. Hai ông bà người Na Uy trung lưu này không chỉ giúp thầy hội nhập vào xã hội Bắc Âu từ thời trung học, còn chỉ dẫn thầy cách chơi đàn guitar. Nhờ đó mà sau khi xuất gia tìm về gốc đạo của mình, Thầy Viên Giác khám phá khả năng viết nhạc để cúng dường chư Phật. Thầy Viên Giác năm nay được 56 tuổi, vẫn tiếp tục sáng tác nhạc đạo mặc dù bận với việc trụ trì một ngôi chùa Việt Nam mà nay khá nổi tiếng ở Na Uy.

Điều cũng làm tôi ngạc nhiên không kém là lời nhạc tiếng Việt của Thầy Viên Giác vẫn đượm đầy tình quê hương, ý đạo mặc dù thầy lớn lên với người Na Uy, thông



Album của Hồ Quốc Việt, mùa Thu 2019



Tượng Phật trong mưa tại đảo Bali, Nam Dương (Hình của Shair Afzal/ Facebook)

thạo ngôn ngữ của xứ này. Đây là lời của ca khúc ‘Phật Là Ánh Từ Quang’:

Phật là ánh từ quang

Soi lối con trở về

Nguồn pháp từ mênh mông

Đưa con về bờ giác.

Phật từ bi soi sáng

Đưa con thoát làm mê

Đã bao đời say đắm

Trên nhưng gấm lụa là.

Xin được làm con ngoan

Luôn sống bên cha lành

Xin được làm cánh đồng

Cho ngọn lúa xanh tươi.

Xin một lần được nương

Theo gót chân cha lành

Xin làm cơn mưa pháp

Tươi mát đời khô khan.

Phật là ánh từ quang

Cho tâm con bừng sáng

Thấu triệt đời hư vô

Đắm trong biển luân hồi.

Phật từ bi chỉ lối

Đưa con khỏi trầm luân

Nương tựa ba ngôi báu

Thoát khỏi đời bể dâu.

Có lẽ nhờ được thuận tiếng Việt như vậy nên ca khúc ‘Phật Là Ánh Từ Quang’ của thầy đã được nhiều ca sĩ ở Việt Nam trình diễn thường xuyên suốt mấy năm qua như Quách Tuấn Du, Ứng Hoàng Phúc, Gia Huy, Thầy Thích Nhuận Thanh, Thầy Thích Thiên Ân, Dương Triều Vỹ, Mai Quốc Huy, cặp song ca Nhật Quốc & Tuấn Quốc, Bé Ngọc Ngân, và còn rất nhiều ca sĩ khác trên Youtube.

Lẽ đương nhiên cuộc vui nào cũng đến lúc phải chấm dứt. Buổi

sáng nghe album ‘Diệu Pháp Liên Hoa’ của Hồ Quốc Việt cũng vậy. Trong dư âm sau cuộc “đi hoang” ra ngoài chánh niệm, “thả trâu” chạy lung tung với vọng tưởng, tôi thầm cảm ơn người bạn trẻ đã cho tôi được sống lại một sở thích mà tôi không chờ đợi được phần khởi với nhạc đạo đến như vậy.

Cất lại đĩa nhạc trong bì giấy, tôi già từ thú vui nghe nhạc để trở về với một cuộc sống thanh tịnh hơn cho tâm hồn. Nói vậy chứ không dễ đâu, vì bên tai tôi vẫn nghe âm thanh của một điệp khúc đang cất cánh bay bổng cao vút rồi hạ xuống nhẹ êm ngọt ngào, như đôi cánh của một vị bồ tát từ cõi Phật trở lại thế gian, để cứu độ chúng sinh.

Xin một lần được nương

Theo gót chân cha lành

Xin làm cơn mưa pháp

Tươi mát đời khô khan. ♦



(Buddha Bless You)

BÀI TRẦN NGHI HOÀNG

Mấy hôm trước Hoàng Mai Đạt gửi email đề nghị tôi viết bài cho Tinh Tấn Magazine. Trong thư, Đạt có nhắc tới sự ủng hộ tận tình của Phan Tấn Hải. Anh còn gửi kèm theo mấy số báo Tinh Tấn, chắc là để tôi có khái niệm về nội dung cũng như hình thức của tạp chí này. Đọc email Đạt, rồi đọc một bài của Đạt viết về lễ cầu siêu cho Cao Xuân Huy trên tạp chí, gặp lại tên của những người bạn viết cũ từ hơn ba mươi năm trước, lòng tôi thoát bụi ngùi, nhớ thời thường gặp Phan Tấn Hải tại nhà Tướng Năng Tiến ở San Jose và giọng nói khá đặc biệt của Hải. Và nhớ Cao Xuân Huy và bữa rượu ở Long Park, San Jose, bữa rượu mà tôi có nhắc tới trong bài viết về Huy trong cuốn ‘Trần Văn Thủy, Chuyện Không Tử Tế’ của tôi. Cuốn sách xuất bản năm 2004, lúc đó Huy còn sống, thỉnh thoảng hai đứa vẫn có liên lạc với nhau. Hốt nhiên, tên hai người bạn bỗng như mang lại cho tôi cả một bầu trời quá khứ. Thời gian đi nhanh như ánh sáng và tất nhiên không phút giây ngừng nghỉ. Tuy nhiên trong bụi ngùi tôi lại nhận ra rằng, có những thứ vẫn bám dính, vẫn song hành với thời gian. Đó là chân lý.

Hơn ba mươi năm trước, tôi đã từng viết hai câu thơ:

*“Pháp giới này mở ra để nói những điều mà ai cũng biết
Mà ai cũng nghĩ là”*

Bây giờ tình cờ đọc lại hai câu thơ này, tôi cảm thấy như vừa viết nó xuống.

Thử nhắc lại hành trạng kỳ bí của hai vị Tổ Thiên Tông. Nhị tổ Huệ Khả tới gặp Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma để hỏi pháp. Sơ tổ hỏi, “Ông đến gặp ta để làm gì?” Huệ Khả đáp, “Thưa, con đến để cầu pháp.” Sơ tổ hỏi, “Ông cầu pháp chi?” Huệ Khả đáp, “Bạch Hòa Thượng, con cầu pháp an tâm, bởi vì tâm con không an.” Sơ tổ nói, “Hãy đưa tâm ông đây, ta an cho.” Huệ Khả loay hoay năm hồi bảy lượt rồi quỳ xuống phục lạy Sơ tổ, thưa rằng, “Bạch Hòa Thượng, con không tìm thấy tâm của con.” Sơ tổ nói, “Ta đã an tâm cho ông rồi đấy.”

Sau câu nói của Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma, Nhị tổ Huệ Khả hoát nhiên đại ngộ và được Sơ tổ truyền y bát. Không thấy tâm mình ở đâu hết thì đó là chơn tâm, là Như Lai tạng. Còn thấy tâm mình ở đâu đó thì đó là

vọng tâm, là thấy nơi cái tâm mình đang trụ vào chứ không phải cái tâm bản lai.

Câu chuyện của Sơ tổ và Nhị tổ được Phật sử ghi là vào khoảng đầu thế kỷ thứ 6 sau Tây Lịch, nhưng trước đó 12 thế kỷ, tức là vào khoảng thế kỷ 6 trước Tây Lịch, trong kinh Kim Cang, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni đã dạy Tôn giả Tu Bồ Đề về pháp Bồ Tát Thí như sau: “Này Tu Bồ Đề, nếu vị Bồ Tát mà còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, thọ giả, thời chẳng phải là Bồ Tát.”

Còn chấp nơi sắc tướng thì hẳn nhiên không phải là Bồ Tát, chẳng nhất thiết là Bồ Tát. Chỉ cần là một Phật tử vẫn đang đi trên con đường Bồ Tát hạnh mà vẫn khăng khăng chấp lấy cái sắc tướng thì đã đi ra khỏi cái Bát Chánh đạo của Phật pháp. Đức Thế Tôn nói tiếp với tôn giả Tu Bồ Đề: “Tu Bồ Đề, lại nữa, vị Bồ Tát đúng nơi pháp phải nên không có chỗ trụ trước mà làm việc bố thí. Đó là không trụ trước nơi hình sắc mà bố thí. Không trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Này, Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát phải nên bố thí như thế. Chẳng trụ trước nơi tướng, tại vì sao? Vì nếu vị Bồ Tát không trụ trước nơi tướng mà bố thí, thời phước đức nhiều không thể suy lường. Tu Bồ Đề, ý của ông nghĩ sao? Có thể suy lường được cõi hư không ở phương Đông chăng?” “Bạch Đức Thế Tôn, không thể suy lường được.” “Tu Bồ Đề, có thể suy lường được cõi hư không ở phương Nam, Tây, Bắc, cõi hư không ở bốn hướng cạnh, và cõi hư không ở trên, dưới chăng?” “Bạch Đức Thế Tôn, không thể suy lường được.” “Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát không trụ trước nơi tướng mà bố thí, thời phước đức cũng lại như thế, không thể suy lường được.”

Nghe hoặc đọc đoạn Kinh Kim Cang trên ngữ như là Phật Thích Ca đang dạy cho Tôn Giả Tu Bồ Đề pháp bố thí của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát bố thí đúng cái hạnh của mình thì công đức sẽ vô biên vô tận. Thực ra, đây chỉ là ẩn dụ của Đức Thế Tôn. Đấng Thế Tôn muốn dạy cho tất cả các chúng sinh Phật tử chứ chẳng riêng gì Tôn Giả Tu Bồ Đề rằng cái công đức của Bồ Tát thí là vô biên vô lượng cho nên cũng phải thể hiện việc đó bằng cái tâm vô biên vô lượng. Cái tâm không trụ vào bất cứ hình sắc âm thanh ý thức tướng nào cả tức là cái “tâm không,” cái chân tâm. Một cái tâm không ngần mé.

Chân lý đó 12 thế kỷ sau đã được ngài Bồ Đề Đạt Ma thể hiện qua một phương tiện thiện xảo khác. Ngài Bồ Đề Đạt Ma đã dôn cho Huệ Khả nhận ra được, tâm nào mà ta còn tìm thấy được, đó là vọng tâm. Đó là chỗ trụ, chỗ bám víu của ta chứ không phải cái tâm chân thực của ta. Chân lý Đức Thế Tôn dạy thì triệu tỉ năm vẫn vậy, vẫn không thay đổi. Bởi thế, há chẳng phải pháp giới này mở ra để nói những điều mà ai cũng biết, ai cũng nghĩ là, sao?

Ai cũng biết chân lý là như vậy, như vậy đó, nhưng để hiểu được chân lý một cách ba la mật thì thiên nan vạn nan và phải có đủ cơ duyên và phước duyên.

Rốt ráo, sẽ cũng có người nhận ra rằng bên trong

cách Thế Tôn dạy cho Tôn Giả Tu Bồ Đề về phương pháp bố thí của Bồ Tát hay cách của Tổ Bồ Đề Đạt Ma chỉ dẫn cho Tổ Huệ Khả kiến chánh được chân tâm của mình mà giác ngộ cũng đều là phương pháp diệt ngã. Trước hết phải diệt được cái “ngã,” cái tôi của mình thì mới tìm thấy được chân tâm, mới tìm thấy được cái đệ nhất nghĩa đế là Phật tính của mình. Chân lý của Phật quả thật là những điều đã cũ kỹ, cũ kỹ hơn 2500 năm mà cũng có thể hơn cả triệu tỉ năm. Những điều mà ai cũng biết, ai cũng nghĩ là, nhưng thực ra chân lý của Phật mới trong từng sát na và lớn rộng vô biên vô lượng. Nên muốn dung chứa được cái chân lý này, phải có cái tâm vô biên vô lượng, tức là cái tâm không. Tâm Chân Như.

Trong bài viết “Sau Đại Dịch Vũ Hán COVID-19, Thế Giới Sẽ Đi Về Đâu?” ở cuối bài tôi có viết, “Sau đại dịch này, thế giới phải nhìn lại, từng người phải nhìn lại chính mình. Nhìn lại để nhận ra rằng đã đến lúc nhu cầu cho còn khẩn thiết hơn nhu cầu nhận.” Cho, trong ngôn ngữ nhà Phật là bố thí. Và cách bố thí cũng như vật bố thí trong nhà Phật có nhiều phương tiện thiện xảo khác nhau. Nhưng rốt ráo, dù là bằng cách bố thí nào, hay vật bố thí nào, trước hết phải được bao bọc thấm đẫm bằng cái đại từ đại bi. Nói gọn hơn là bằng tình thương của người với người, của người với vạn vật, với thiên nhiên, với môi trường mà bạn đang sống. Không có tình thương bao bọc thấm đẫm, mọi bố thí đều vô nghĩa.

Đến với Phật giáo như đến với một con đường, một cách sống, và sẽ thấy trong trùng trùng triết lý của nhà Phật là trùng trùng những duyên sinh duyên khởi thơ mộng và bạn sẽ dễ dàng nhận thấy những cái đẹp trong cuộc sống thường ngày.

Xin cầu nguyện cho thế giới sớm được bình yên.

Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật!

Gate, Gate, Para Gate!

Ngày 20 tháng Sáu, 2020, mùa đại dịch ♦

Nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình Trần Nghi Hoàng sinh năm 1949 tại Bến Tre, đến Mỹ năm 1975. Ông đã chủ trương tạp chí Văn Uyển và Văn Uyển Publishing (1986-1997) tại San Jose, California; chủ biên tuần báo Lẽ Phải 1999-2007. Ông đã có tác phẩm trong hơn một chục cuốn sách. Mới nhất là tuyển tập ‘Phê Bình Parable’ phát hành cuối mùa Hè năm nay với những bài nhận định về văn chương, nghệ thuật, chính trị, về các tác giả, hiện tượng văn chương, nghệ thuật và chính trị-xã hội thu hút được nhiều sự quan tâm trong thời gian qua. Ông hiện sống với gia đình tại Lancaster, Pennsylvania. (Chân dung tác giả trong tranh sơn dầu của họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi.)





Ngày lễ Vu Lan ở ngôi chùa quen

Bài TÂM HẠNH NGUYỄN THỊ THÊM

Nhớ ngày lễ Vu Lan, trong ngôi chùa thân quen ở Riverside, để thêm sức chú nguyện và cầu siêu cho những hương linh cha mẹ Phật Tử, hương linh thờ tại chùa cũng như tất cả các hương linh quá vãng, Thầy đã mời khá nhiều chư tăng. Những chư tăng ở các chùa quanh vùng và cả những vị sư thuộc phái Nam Tông tu ở các chùa xa. Các vị sư này thuộc các chùa Thái Lan, chùa Lào, chùa Khơ Me... mà mỗi năm đi hành hương thầy thường đưa Phật Tử đến viếng. Các vị sư không biết nói tiếng Việt, họ tụng kinh bằng tiếng bản xứ hay tiếng Pali và giảng pháp bằng tiếng Anh. Thầy đứng bên dịch lại cho Phật Tử nghe những lời Sư nói.

Thầy quan niệm cúng dường chư tăng là một hành động tạo phước báo cho mỗi Phật Tử. Cúng ít nhiều không thành vấn đề, chỉ cần tâm thành và hạnh nguyện. Thầy mời chư tăng là tạo điều kiện để Phật Tử gieo hạt giống phước báo cho mình. Thầy chuẩn bị những món

quà nho nhỏ như kẹo, bánh ngọt và những thứ gọn nhẹ để làm phẩm vật cúng dường. Thầy dạy các cháu học trò trong lớp học Việt Ngữ và các cháu trong gia đình Phật Tử đứng thành một hàng dài. Khi một vị tăng đến, các cháu chấp tay thành kính xá một xá và bỏ phẩm vật vào bình bát. Thầy tập cho các cháu có tâm bố thí và cúng dường. Vì vậy mỗi lần có lễ lớn, thầy đều để các cháu thực hành điều ấy. Các Phật Tử ai có gì cúng dường chư tăng thì cứ đứng vào hàng sau các cháu, chấp tay xá và bỏ phẩm vật vào bình bát mỗi người.

Khi chấp tay xá chư tăng cung kính là mình đã trở về tánh Phật trong con người mình. Lúc đó những sân si, hơn thua dừng lại để phát triển tâm từ bi. Thầy muốn mọi Phật Tử đều gieo duyên với tâm bố thí và cúng dường. Phẩm vật nhiều hay ít, giá trị như thế nào tùy ở tuệ tâm. Không biết các Phật Tử có hiểu được ý thầy và thực hành được gì không. Nhưng mọi người ai nấy đều hoan hỷ.

Sau buổi lễ tôn nghiêm nơi hội trường, các chư tăng ôm bình bát đi dài từ hội trường hành lễ đi lên chánh điện và vào nơi thọ trai. Phật Tử đứng chấp tay hai hàng tụng “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật” vang lên theo tiếng khánh. Những bước chân thật chậm thiên hành, những vị sư, vị tăng đi trong chánh niệm. Áo cà sa vàng tạo thành một dãy dài sáng rực trong ánh nắng buổi trưa thật đẹp.

Sau khi Chư Tăng đã đi qua hết, các Phật Tử về tập trung tại nơi thọ trai. Mọi người quỳ xuống trang nghiêm để cúng dường. Thầy trụ trì lên tiếng cảm tạ công đức quý chư tăng, sư, ni về đây chứng minh cho ngày lễ ở chùa. Một Phật Tử đại diện tác bạch và tất cả Phật Tử lạy ba lạy cúng dường.

Các vị Sư tu theo lối Nam Tông chỉ thọ trai một buổi trong ngày vào giờ Ngọ, nên thầy đã tổ chức buổi lễ thật đúng giờ. Hai bên dãy bàn dài quý Chư Tăng đang ngồi chấp tay mắt nhắm lại chú nguyện.

Trước mặt quý ngài là những bình bát đã được Phật Tử cúng dường. Thức ăn được để sẵn, bọc lại cẩn thận. Thức ăn do ban trai soạn nấu và Phật Tử nấu ở nhà đem đến.

Trước tiên là các chư tăng, đại đức niệm kinh, sau đó là các vị sư thuộc phái Nam Tông. Tiếng niệm kinh vang lên rõ ràng và mạch lạc. Nhất là âm điệu của thời kinh tiếng Pali của các vị sư nghe thật hùng hồn, đầm ấm nhưng có một uy lực thật lạ. Theo thầy, tiếng Pali là ngôn ngữ Phật đã dùng khi còn tại thế. Cầm chén cơm trên tay, các ngài chú nguyện trước khi thọ thực. Mỗi nghi thức đều được thực hiện đồng loạt, nhuần nhuyễn một cách thiêng liêng. Cho thấy ăn một hạt cơm cúng dường của bá tánh không phải chuyện dễ dàng.

Ánh nắng ban trưa chiếu vào những chậu hoa lan treo xung quanh dãy nhà dùng làm nơi thọ trai của chùa. Hoa mùa này không nở nhưng với bàn tay khéo léo xếp đặt của Sư Cô. Những chậu hoa lan, Hoa sứ bonsai đã tạo nên một khung cảnh thật đẹp tăng thêm thi vị cho khung cảnh nhà chùa.

Nhìn xéo qua một chút, phía bên kia là một hồ sen nhân tạo. Lúc trước nơi đây đặt một bức tượng Quan Thế Âm. Bức tượng nhỏ thầy thỉnh về an vị ở đó. Phật Tử và thầy trụ trì bỏ rất nhiều công khó mang về từng cục đá, từng cây sắt để dành. Khi đã đủ điều kiện và vật tư, ròng rã cả tháng trời mới thực hiện xong hồ nuôi cá và bệ thờ đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Các anh trong nhóm đến làm thiện nguyện hàng tuần chăm chút từng viên gạch, từng chậu hoa. Họ không ngại công khó. Họ cũng không vào tụng kinh niệm Phật như các Phật Tử khác. Họ đến thật sớm rồi lao vào làm việc. Đến trưa, sau khi các cháu học sinh lớp Việt Ngữ tan lớp và ăn xong thì thời kinh cúng nguyện và cúng vong cũng vừa mãn. Thầy mời mọi người dùng bữa. Các anh rửa tay vào ăn chung rồi làm tối tối mịt mới về nhà. Khi hoàn thành xong công trình họ cung kính chấp tay xá Quan Âm với tất cả lòng thành. Họ hồi hướng công đức cho tất cả Phật Tử đến chùa.

Hòn non bộ nhỏ xinh xinh, tượng Đức Quan Âm hiền từ cảm nhanh dương liễu đứng một cách trang nghiêm. Đàn cá vàng tung tăng bơi lội thật an bình. Khung cảnh tĩnh lặng và thật từ bi.

Phật Tử tới chùa, sau khi vào chánh điện lễ Phật đều ghé qua đây đốt hương lễ bái. Đây là tượng Phật lộ thiên nên bao nhiêu người lui tới, dù có trải một tấm thảm nhỏ nhưng vẫn rất dơ, nhiều bụi bặm và dấu chân. Có người đến lễ cởi giày, nhưng cũng có người không tháo giày ra. Nên thường Phật Tử chỉ đốt hương cầu nguyện rồi xá ba cái lui ra. Có người thành kính hơn quỳ xuống đánh lễ. Nhưng khi cúi đầu lạy phải nín hơi một chút để khỏi hít cái mùi từ dưới thảm bay lên.

Giàn hoa vàng trồng ngày nào được hưởng sự từ bi của Phật nên lớn thật nhanh. Lá xum xuê, hoa phủ xuống vàng rực thật đẹp. Những chú cá vàng lớn thật nhanh, đủ màu sắc và nhớn như bơi lội. Tuần nào cũng có các cháu nhỏ đến xá Phật rồi chơi với đàn cá thật dễ thương.

Vào một ngày Chủ Nhật vía Phật, ban trai soạn còn lo nấu nướng trong bếp, Phật tử chưa tới giờ làm lễ còn từng tốp trò chuyện, thầy đã cho phép vớt cá lên. Tối qua thầy đã tụng kinh và chú nguyện cho đàn cá trong hồ và quyết định hôm nay gửi đi nuôi nơi khác.

Phật tử xôn xao và tiếc rẻ nhìn từng con cá rất lớn đủ màu được cẩn thận vớt lên bỏ vào những cái thùng thật to để chuyển đi. Hỏi thì thầy chỉ nói:

- Mình không đủ điều kiện nuôi tiếp thì để người khác nuôi tốt hơn.

Nhưng thật ra thầy không muốn thấy thỉnh thoảng có những con chim tinh quái đến rình để săn mồi. Lại đôi khi có cá bị chết hay bệnh phải vớt lên. Thầy đi đâu cũng lo cho hồ cá đã được cho ăn chưa. Thầy nghĩ đến sự tù túng, giam hãm chúng sinh. Thầy quyết định dùng hồ này để trồng sen.

Bây giờ sen đã được trồng lên lá xanh phủ gần kín mặt hồ. Tượng Quan Thế Âm thầy chuyển đi nơi

khác vì đã có một tượng thật lớn uy nghi ở trước hội trường. Thầy đặt vào đó tôn tượng Phật Thích Ca. Tấm thảm được đẹp đi. Mọi người có thể đến đốt hương chấp tay chiêm bái xá ba xá tỏ lòng thành kính là đủ.

Khi các thầy ngồi thọ trai, các Phật Tử đến chùa cũng được dùng bữa ở dưới hội trường. Thức ăn thật nhiều do quý sư cô và ban nhà bếp nấu. Hôm nay có phở, có bánh ít trần, có chả giò chay, có xôi, chè, nước mía và nhiều món khác.

Món phở chay là món chủ đạo. Tất cả đã được chuẩn bị để sẵn trong tô được bọc lại cẩn thận. Tối giờ ăn, mọi người ngồi vào bàn, có để sẵn rau, tương ớt, tương ăn phở và muối, dưa, giấy lau. Phở được người phụ trách chan nước vào. Các cháu, các anh trong nhóm tiếp đãi bung đến tận bàn. Nếu muốn ăn thêm cứ lên tiếng gọi. Phần thức ăn khác thích thứ nào cứ tới bàn đó có người phục vụ. Ăn xong không cần tới lui cầm tô đi đẹp. Các cháu Phật Tử rất dễ thương sẽ đến mang đi dọn rửa.

Chùa không giàu, nghèo là đàng khác. Nhưng thầy, Sư Cô và các Phật Tử ở chùa lấy cái tâm cúng dường là chính. Cúng dường có nghĩa là làm cho mọi người được vui được hạnh phúc bằng khả năng mình. Như Thầy hay Sư Cô khi có người quá vãng cần đến để làm lễ là sắp xếp đến ngay. Ở chùa mỗi tuần cúng vong, cúng thất thì bếp chùa nấu gì cúng đó. Không đòi hỏi ra giá hay hơn thiệt. Có người xong việc tang ma, đem cái hộp cốt lên chùa rồi thì biến dạng. Hiếu sự, nghĩa sự cũng giao cho nhà chùa.

Các Phật Tử ở chùa không nhiều nhưng gắn bó từ lúc chùa còn hoang sơ. Nên họ coi như đây như là một gia đình. Ngày lễ lớn, họ góp tiền nấu nướng cúng dường phục vụ bá tánh. Người nào phụ trách nấu ở chùa thì nấu, người nào nấu ở nhà thì đem đến thì đem. Họ biết Sư Cô dù làm đồ chay để bán nhưng thu nhập không là bao. Góp một chút công đức cũng là một việc mà người con Phật phải làm.

Sư Cô cũng chuẩn bị một số thức ăn chay để Phật Tử bán dùm như bánh bột lọc, bánh tét, mứt

chay, chao, dưa món... Tiền nhận được sẽ dùng trang trải những khoản chi tiêu trong chùa.

Có những Phật Tử khi đi làm đã nhận đặt thức ăn chay cho các bạn chung sở và đem giao dùm. Thức ăn tinh khiết, thanh đạm và lấy công làm lời của Sư Cô nhiều người rất thích. Cho nên Sư Cô thỉnh thoảng cũng có công ăn việc làm.

Vào những ngày lễ lớn hay Tết, tội nghiệp Sư Cô cả ngày hì hục trong bếp, lau lá, gói bánh, làm đồ chay. Đâu phải chỉ vài ba chục người dùng, mà lượng Phật Tử đến viếng chùa lễ Phật rất đông vào ngày Tết. Những đoàn xe tới hành hương đôi khi lên đến tám chiếc một ngày. Mà Thầy thì luôn lo cho bao tử của mọi người. Đến chùa lễ Phật, dùng chay xong thầy còn lo gói gửi theo để Phật Tử dần bụng đường xa. Mỗi khi có lễ lớn hay có chuyến hành hương, Thầy đều nấu mấy nồi đậu phộng to dùng. Thấy canh lửa nấu cả đêm để sáng ra thọ dụng. Thầy cho vô từng bịch để các Phật tử hành hương đem theo ăn trên đường. Do đó Chùa Phật Tuệ còn có tên là “Chùa Đậu Phộng.”

Ngoài những thức ăn chay, cũng có một quầy bán hoa lan do Sư Cô cắm để Phật Tử đem về cúng Phật tại nhà. Sư Cô có khiếu thẩm mỹ và cắm hoa rất đẹp. Người cũng có tay trồng và chăm sóc hoa. Trong chánh điện những bình hoa to hoa nhỏ được Sư Cô chăm chút cắm thật nghệ thuật. Sư Cô tận dụng những cây trồng trong sân chùa để làm nền. Những bình hoa đó chi phí không nhiều nhưng rất đẹp, tăng vẻ trang trọng, uy nghi trên bàn thờ Phật.

Dưới bàn tay nhỏ nhắn của Sư Cô, dường như mỗi chậu hoa đều có linh hồn và biết hoan hỉ trước mọi sự việc. Xung quanh chùa những cảnh trí thật nghệ thuật đều do Sư Cô chăm chút tỉ mỉ tô điểm. Một cục đá vô tri, Sư Cô viết lên đó vài câu kệ với thư pháp thật đẹp. Chỉ thêm vào vài nhánh cây, một chút trang trí, hòn đá đã biết nói và truyền tải đi một sức sống, một lời khuyên hay một bài pháp.

Ngày thường tới chùa sẽ gặp ông thầy trụ trì dào dạt cuộc sống.



Cái nón bành che gần khuất khuôn mặt đen sạm, nhỏ nhắn. Tấm thân ốm yếu khi điều khiển chiếc xe ủi đất, thầy ngồi lọt thỏm trông thật tức cười. Sư Cô thì hì hục với đồng đá, bung từng cục rồi xếp như thế nào cho đẹp cho có linh hồn. Mười tám vị La Hán đã được an vị rải rác trong khuôn viên chùa. Mỗi vị chiếm một không gian riêng. Một phạm vi nhỏ nhắn, trang nghiêm đầy chất thiên và nghệ thuật. Bàn tay các sư cô chai vì làm việc, gương mặt r ám nắng bởi cả ngày ngoài vườn, nhưng nụ cười lúc nào cũng hoan hỷ, vui vẻ và yêu đời. Sư Cô nói đi tu là hạnh phúc, là thực hiện được tâm nguyện thì tại sao lại không vui. Thân này rồi sẽ hoại, nhưng chánh pháp thì đời đời.

Thầy dạy ngày lễ Vu Lan, Phật Tử đến chùa dâng hoa cúng Phật, tụng kinh cầu siêu cho cha mẹ vãng sinh, cầu bình an cho cha mẹ hiện tiền. Nhưng cái chính là nghe pháp và sống thật tốt với cha mẹ ở nhà. Dù cha mẹ già có sinh tật cũng biết tính ý mà uyển chuyển chiều chuộng, không làm cho cha mẹ tủi thân và buồn khổ. Cha mẹ đau yếu, bệnh tật phải năng thăm viếng và chăm sóc. Hiếu để phải thực hiện khi người còn sống. Đừng để cha mẹ qua đời mới khóc lóc tiếc thương.

Làm cha mẹ cũng đừng vì nghĩ mình có công sinh dưỡng mà tai ngược khó khăn làm khổ con cái. Cha mẹ và con có duyên với nhau

từ kiếp trước. Con cái với mình đôi khi là nợ phải trả, đôi khi là ơn nghĩa được đền bù. Được và mất cũng là nghiệp và phước báo do mình tạo ra.

Làm cha mẹ hãy làm hết khả năng và trách nhiệm của mình với tất cả các con không thiên vị. Cùng được sinh ra, cùng lối giáo dục nhưng có đứa thật ngoan cũng có đứa hư hỏng. Đứa giỏi thành công, ta không nên quá coi trọng. Đứa thất bại không nên hắt hủi, chê bai. Cũng không phải đổ cho nghiệp mạng rồi buông tay để mặc nó làm gì thì làm. Phải dùng hết khả năng, tình thương và sự giáo dục để giúp chúng sửa sai, mạnh dạn đứng lên xây dựng tương lai.

Khi con đã trưởng thành cha mẹ cũng phải tôn trọng sự riêng tư và quyết định của chúng. Đừng đem lên bàn cân hay thành kiến để hơn thua với con dâu hay con rể. Hãy thông cảm với con cái vì nó còn một gia đình phải lo lắng bảo bọc, cũng đừng xem con như lúc còn bé mà dang tay quá rộng chờ che hay cung phụng để chúng ỷ lại.

Hãy chấp nhận rằng khi mình bệnh hoạn, già yếu phải cần có người chăm sóc, nhưng người đó không nhất thiết, bắt buộc phải là con mình. Bởi vì nuôi con ăn học, hy sinh cho con không phải là bắt nó bỏ tất cả công việc và gia đình để ở nhà chăm sóc cho mình. Sinh tử luân hồi, có sinh sẽ có diệt. Cha mẹ khuất núi rồi cũng sẽ tới phiên ta. Hãy sống vui và cảm thông trong mọi công việc, mọi con người. Được như vậy, sẽ thấy giảm bệnh tật, hoan hỉ trong cuộc sống.

Rồi cũng sẽ có một ngày, vào lễ Vu Lan, con cháu sẽ quỳ xuống như ta bây giờ mà cầu nguyện hồi hướng cho ta. Lúc ấy trong tâm tưởng con cháu chúng ta, tất cả những gì tốt hay xấu mà ta đã làm sẽ hiện ra rõ ràng trong ký ức chúng.

Đâu có ai muốn con cháu tưởng nhớ những hình ảnh không đẹp mà mình đã làm lúc tại thế. Cho nên ngay từ bây giờ hãy sống thật dễ thương.

Bây giờ đã bước vào tháng bảy âm lịch. Ngày lễ Vu Lan lại gần kề. Chùa Phật Tuệ cũng như tất cả các

chùa khác trên khắp thế giới vẫn không thể nào tìm lại không khí náo nhiệt như các năm trước.

Dịch viêm phổi Vũ Hán là luồng hơi độc thổi đến thế giới này như từ miệng một con ác quỷ. Lời nguyện và tâm hiềm ác của nó đã giết hại không biết bao nhiêu sinh linh và phá hoại kinh tế của toàn cầu. Nó đến bất ngờ và lây lan khắp chốn. Khi con người lấy tình thương để sống và yêu thương thì nó khiến người ta phải cách xa nhau và đổ kỵ. Người này không biết người kia có mắc bệnh không, ai cũng đề phòng và tìm cách tránh xa nhau hơn 2 thước.

Con cái muốn thăm viếng cha mẹ cũng không dám lại gần. Người già hệ miễn dịch rất yếu nên con sợ lây bệnh đến cha mẹ. Đành thôi, mỗi ngày mua thức ăn đem đến rồi nhìn cha mẹ từ xa, yên lòng lên xe về nhà. Cháu không được ông bà ôm ấp. Ông bà ngồi nhà bó gối, không dám ra đường, không được đi đâu. Cuộc sống tẻ lạnh, cô đơn và đầy lo sợ.

Những lời ái ngữ không thể nói ra, những cử chỉ yêu thương gần gũi không thể thể hiện. Con cái tránh xa cha mẹ, cháu cách ly ông bà, bạn bè không thể thăm nhau. Chưa có bao giờ đời sống con người tẻ nhạt và thiếu chân tình như vậy. Mọi người đối diện và tiếp xúc với nhau bằng gương mặt thật, đôi mắt và nụ cười thân mến. Thế nhưng bây giờ mặt mũi nhau không thể thấy, muốn nói cũng khó khăn. Qua cái khẩu trang che kín đó hãy tâm niệm người kia cũng muốn nói lời từ ái với mình, cũng nghĩ tốt về mình và nghĩ những việc lành để tán thán công đức mọi người quanh.

Ngày Lễ Vu Lan năm nay phải cầu nguyện nhiều hơn nữa. Cầu nguyện bằng tất cả chí thành để những hương linh bằng bạc loanh quanh trong cõi mơ hồ được sớm siêu thoát. Đã qua sáu tháng biết bao nhiêu con người đã chết tức tưởi vì nạn dịch. Những cha mẹ, ông bà, anh em không được thấy gia đình họ hàng lần chót. Họ chết lặng lẽ, cô độc và đau đớn trong nhà thương. Họ bị đem đi thiêu xác vội vàng không được người thân



Ở Chùa Phật Tuệ (hm đạt)

đưa tiễn. Những hôn oan u uất đó cần được cầu nguyện và giúp đỡ siêu sinh. Hãy nghĩ đến cha mẹ quá vắng và nghĩ đến họ, những nạn nhân của dịch bệnh, nạn nhân của sự giết chóc dã man vì thù ghét và ganh tỵ. Những nạn nhân bão lụt, cháy nhà đang xảy ra trên khắp thế giới và ngay tại nước Mỹ này.

Cali đang đối diện với những trận cháy kinh hoàng, Những cơn bão sấm sét rền vang trời đất. Những nơi khác cũng đang bị cháy, bão tố, lốc xoáy có phải chẳng thiên địa đang nổi giận vì con người làm nhiều việc phá hủy thiên nhiên, tạo nhiều nghiệp ác giết hại chúng sinh. Người chết đã quá nhiều rồi. Những gì xây dựng đang bị trời đất trừng phạt, hủy diệt. Tại sao con người chưa tỉnh ngộ vẫn còn tranh chấp xâu xé và giết hại nhau bằng mọi mưu toan thâm độc. Bất cứ điều gì cũng đều có nhân và quả. Bệnh dịch và thiên tai như nhắc nhở con người hãy tỉnh táo, suy nghĩ để ngộ thiên cơ.

Hãy chấp tay cầu nguyện cho hai đấng sinh thành còn đang tại thế. Cầu nguyện cho họ thật nhiều sức khỏe và bình an. Cầu nguyện cho nạn dịch qua mau, cho những uất hận, thù ghét đừng biến thành đám mây u tối và độc địa bao phủ thế gian này. Cầu nguyện với tất cả tình thương và tâm thành để

chuyển hóa thế giới, chuyển hóa sự nổi giận của đất trời, địa phủ và con người.

Mặc dù không thể đến chùa để nghe Tăng Ni thuyết pháp hay niệm kinh, nhưng những lời cầu nguyện chí thành của tất cả tăng ni Phật Tử đều có sức ảnh hưởng rất lớn. Uy lực của tất cả tâm hồn hướng thiện sẽ quyện lên không trung tạo thành một nguồn năng lượng vô biên. Năng lực ấy có sức mạnh chuyển hóa những tâm sân hận, những tâm ma đang dậy sóng tìm được sự bình an.

Ngày rằm tháng Bảy xóa tội vong nhân. Năm nay có lẽ là năm xung quanh ta những hồn ma về nhiều nhất. Sợ ư? Đừng sợ họ mà hãy thương họ nhiều hơn nữa. Các Tăng Ni dù không được tập trung cầu nguyện như những năm trước, nhưng tháng này tôi tin tưởng Thầy, Sư Cô và các Sư trì chú tụng kinh nhiều hơn ở mỗi đêm.

Xin hãy chấp tay và cầu nguyện.

Nguyện đức Phật Quan Thế Âm Bồ Tát ra tay tế độ chúng sinh thoát qua kiếp nạn.

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát. ♦

'Mẹ đi chùa không?'

Bài KIỀU MỸ DUYÊN

Mẹ tôi đã qua đời năm 1996. Mẹ tôi đã đi xa nhưng trong trái tim của tôi mẹ vẫn còn ở đây. Tôi cứ tưởng mẹ tôi đi du lịch, và mẹ tôi sẽ trở về. Nhiều khi tôi nhìn những bụi cây trước nhà, tôi cứ tưởng mẹ đang chăm sóc hoa, cây kiểng.

Buổi chiều, mẹ tôi thường ngồi trước bàn Phật tụng kinh từ 3 giờ đến 6 giờ. Tôi tự hỏi sao mẹ tôi giỏi quá? Mẹ có thể ngồi liên tục mấy giờ đồng hồ mà không mệt? Hay thật!

Mẹ tôi hiền từ, không bao giờ lớn tiếng với bất cứ người nào. Mẹ tôi thường xuyên đi chùa. Mẹ gật đầu ngay mỗi khi tôi hỏi, "Mẹ đi chùa không?"

Không kể trời nắng hay mưa, mẹ tôi nhanh nhẹn trả lời, "Đi chứ!"

Thế là mẹ tôi thay áo dài ngay lập tức. Hình như mẹ tôi sợ chậm một chút là các con đổi ý. Lúc nào mẹ tôi cũng hái rau, trái cây, rửa thật sạch, đợi tôi đến hay gọi em gái tôi đi làm về là đi chùa, chỉ cần chúng tôi mở miệng hỏi, "Mẹ đi chùa không?"

Chỉ một câu thôi là mẹ tôi lập tức đi mặc áo dài, có lẽ cả ngày, cả tuần mẹ tôi chỉ chờ đợi có thể! Mẹ tôi biết chúng tôi bận rộn với công việc làm nên không bao giờ bảo chúng tôi chờ mẹ tôi đi chùa. Mẹ tôi chỉ chờ chúng tôi hỏi "Mẹ có đi chùa không?" Chỉ cần câu hỏi ngắn và gọn đó là mắt của mẹ tôi rục rịch, chứa chan hạnh phúc, đọng đầy trên mặt của mẹ tôi.

Nếu mẹ tôi còn sinh tiền, chắc chắn ngày nào tôi cũng hỏi mẹ câu này. Tôi muốn thường xuyên đưa mẹ tôi đi chùa hơn! Đi chùa như một nhu cầu cần thiết của mẹ tôi.

Mẹ tôi thường đem rau, trái cây do chính bà trồng đến chùa hàng tuần. Mẹ tôi trồng đủ loại rau: rau húng cây, rau dền, rau lang, rau muống, ngò, cần tây,... và nhiều loại cây trái khác, như là nho, mía, táo, đu đủ, tắc,... Tổng cộng hơn 36 loại rau trái.

Mẹ tôi nâng niu từng trái một. Trái nào thì đem cúng, trái nào nhỏ xíu thì để ở nhà ăn. Mẹ tôi thích tự tay mình hái trái cây, tự tay mình rửa rau, rửa trái cây. Mẹ tôi làm việc này với hạnh phúc.

Việc gì làm được cho người khác thì mẹ tôi không bao giờ từ chối.

Mẹ tôi rất thật thà ngay thẳng. Việc gì làm được thì nói được, không được thì nói ngay. Không bao giờ chần chừ hay nói vòng vo làm cho người khác hiểu lầm.

Mẹ tôi là một người rất mộ đạo. Từ ngày ba tôi mất, rồi đến em trai tôi mất, thì mẹ tôi tụng kinh nhiều hơn. Chiều nào mẹ cũng ngồi trước bàn Phật tụng kinh giờ này đến giờ khác. Mỗi lần về nhà thăm



mẹ tôi, nhìn mẹ tôi ngồi lần tràng hạt và tụng kinh, tôi thương mẹ tôi vô cùng.

Tôi là con cả trong gia đình. Ba tôi cũng là con cả. Ba tôi chỉ có một người em trai duy nhất. Ông bà nội mất sớm. Lúc đó tôi còn quá nhỏ (khoảng mấy tháng), nên tôi không có ấn tượng nào về ông bà nội. Nhưng tôi nghe nói lại thì ông bà nội thương tôi lắm! Mẹ tôi là con út trong gia đình có 9 người con. Tôi cũng chỉ nghe nói về ông bà ngoại. Tôi nhìn thấy mộ ông bà nội, ông bà ngoại, mà chưa bao giờ được biết về ông bà của mình. Đứa trẻ không có ông bà nội, ông bà ngoại cũng nhiều thiệt thòi. Vì thế tôi rất ngưỡng mộ về những ai có phước đức còn có ông bà nội, ông bà ngoại.

Mẹ tôi thường dạy chúng tôi rằng phước đức là do mình làm nên chứ không phải đi xin. Bà cũng dạy rằng nên làm việc từ thiện. Hạnh phúc là giúp đỡ cho người khác, chứ không phải nhận sự giúp đỡ của người khác. Chúng tôi có phước đức hơn nhiều người, vì chúng tôi khi trưởng thành vẫn còn cha mẹ. Cha mẹ chúng tôi không được như chúng tôi, vì ông bà nội, ông bà ngoại mất khi ba mẹ chúng tôi còn rất nhỏ.

Khi tôi vượt biên thì ba tôi mất. Mọi người ở nhà giấu, không cho tôi hay. Họ sợ tôi buồn quá rồi không học được. Mãi đến năm sau, cháu tôi ở Pháp cho tôi hay tin này. Khi biết tin buồn, tôi làm ngay một buổi lễ cầu siêu cho ba tôi ở chùa Việt Nam của Hòa Thượng Mãn Giác ở Los Angeles. Khi đó, Hòa Thượng không có mặt ở Hoa Kỳ. Hòa Thượng Nguyên Đạt đã làm lễ cầu siêu cho ba tôi. Chùa rộng lớn, trang nghiêm,

nhưng tôi chỉ có một người bạn tham dự buổi lễ này. Vừa chân ướt, chân ráo đến Hoa Kỳ, người nào cũng bận tối tăm mặt mày làm việc. Vả lại tôi cũng không muốn làm phiền ai. Lúc đó, tôi đang học và làm việc cho tờ báo Trắng Đen của ông bà Việt Định Phương.

Mấy năm sau, tôi bảo lãnh mẹ tôi và em gái tôi sang Hoa Kỳ. Mẹ tôi và em tôi sống với tôi. Sau đó, mẹ tôi dọn về nhà một tầng ở thành phố Westminster, gần Bolsa, để mẹ tôi xuống phố cho gần. Tôi nghĩ, người lớn tuổi ở nhà một tầng tiện hơn, mỗi ngày khỏi phải lên lầu xuống lầu. Nhà này tôi mua cho mẹ tôi lâu lắm rồi. Mua nhà cho người già phải chọn lựa nhà một tầng để khỏi phải lên lầu, xuống lầu hàng ngày.

Niềm vui của người già là đi lễ, và đi mua quà để gửi về Việt Nam cho thân nhân còn ở lại quê nhà. Mẹ tôi rất cẩn thận, kỹ lưỡng. Bao giờ mua quần áo mới, về nhà phải giặt, ủi cẩn thận, rồi mới tặng cho người nhà. Quần áo trẻ con để một bên, người lớn để một bên. Cháu nội còn ở Việt Nam. Mẹ tôi thương cháu nội lắm. Cháu là “cục vàng” của bà nội. Chúng tôi thường tặng tiền cho mẹ tôi, để mẹ tôi cần gì thì cứ mua. Bao giờ mẹ tôi cũng dành dụm để mua quà gửi về Việt Nam.

Mẹ tôi thích đi chùa làm công quả. Vào chùa, thấy việc gì cũng làm, như lật rau, bào cà rốt, quét rác ở sân chùa,... Mẹ tôi làm việc liên tục, không nghỉ ngơi. Tôi nhớ ơn Hòa Thượng Minh Mẫn, viện chủ chùa Huệ Quang. Khi mẹ và em tôi mới sang, tôi vẫn phải đi làm cả ngày. Tôi sợ mẹ tôi và em tôi buồn, nên đưa mẹ tôi và em tôi vào chùa Huệ Quang. Tôi vừa ngỡ ý, muốn mẹ và em tôi vào chùa để làm Phật sự, thầy Minh Mẫn nhận lời ngay không một chút do dự, mặc dù chùa lúc đó rất nhỏ. Thầy mua một ngôi nhà nhỏ bên cạnh cho thiện nam, tín nữ ở xa đến viếng chùa, có thể ở lại chùa. Tôi rất cảm động vì sự giúp đỡ của thầy.

Mẹ tôi luôn được chăm sóc chu đáo từ các con, ba

chị họ, các cháu con của dì tôi, nhưng mẹ tôi lúc nào cũng nghĩ về con dâu, cháu nội và bà con đang ở Việt Nam. Một sự thay đổi rất lớn của những người già. Mẹ tôi không bao giờ than vãn, nhưng tôi biết mẹ tôi cũng buồn và cô đơn khi các con đi làm. Mẹ ở nhà một mình chăm sóc cây kiểng, trồng rau, cây trái. Lấy đó làm niềm vui chờ các con về.

Mẹ tôi sống êm ả, và chết bình yên. Bệnh không kéo dài, không đau đớn. Mẹ tôi ra đi một cách êm đềm, thanh thản.

Bà ra đi vào một buổi trưa ánh sáng rực rỡ ngoài cửa sổ. Một tay tôi nắm chặt tay mẹ, một tay tôi gọi điện thoại cho em gái tôi tới bệnh viện. Khi tôi sờ vào chân mẹ tôi, bàn chân lạnh từ từ rồi lên đến đầu gối... Thôi, tôi biết không xong rồi.

Mấy tuần lễ ở trong bệnh viện, lúc nào bên mẹ cũng có chúng tôi túc trực. Ban đêm thì tôi trực, ban ngày thì em gái tôi ở bên cạnh mẹ. Khi mẹ qua đời, ở nhà còn nhiều thùng quần áo đã giặt sạch sẽ chưa kịp gửi về Việt Nam. Ban đêm tôi ở lại với mẹ trong bệnh viện, tôi gầy còn hơn lúc ở trong trại tị nạn lúc mới sang Hoa Kỳ.

Mẹ tôi ra đi trong sự bình thản.

Chúng tôi đã mất mẹ.

Chúng tôi mồ côi cha mẹ.

Và cho đến bây giờ chúng tôi vẫn yêu thương cha mẹ của mình.

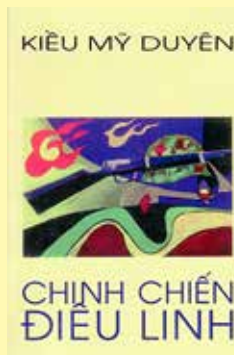
Tôi cứ tưởng mẹ tôi đang đi du lịch nơi nào đó và chúng tôi sẽ gặp lại người mẹ yêu thương của mình.

Biết bao nhiêu năm rồi, chúng tôi vẫn cầu nguyện cho ba mẹ chúng tôi về Cõi Niết Bàn, và bây giờ vẫn tiếp tục cầu nguyện, không phải đợi đến mùa Vu Lan mới báo hiếu.

Mẹ ơi! Chúng con thương Ba Mẹ lắm!

Orange County, tháng Tám, 2020 ♦

Cũng nhân đây, mời quý vị đọc cuốn Chinh Chiến Điều Linh, một bút ký chiến trường của ký giả Kiều Mỹ Duyên, bút hiệu của Broker An Nguyễn. Quý đồng hương muốn thành công hơn trong cuộc sống, muốn biết cách trang trí nhà cửa hợp với hướng và tuổi của mình, xin mời đọc bộ ba quyển sách phong thủy của tác giả Nguyễn Phúc Vinh Tung: Phong Thủy và Cuộc Sống Hôm Nay, Phong Thủy - Bí Quyết Để Thành Công, Cẩm Nang Phong Thủy áp dụng cho nhà ở và cơ sở thương mại.



10900 Westminster Avenue #10, Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-2299 Fax: (714) 636-2298

Chuyến taxi cuối cùng của một bà cụ

Bài KENT NERBURN

Đồng Phúc dịch



Tôi lái xe đến một địa chỉ đã được nhắn gởi cho hãng taxi và nhấn kèn xe. Đợi thêm vài phút, tôi lại nhấn kèn lần nữa. Vì đây là chuyến đón khách cuối cùng trong ca làm khuya, nên tôi có thoáng nghĩ rằng nếu khách không xuất hiện thì mình về thôi, hết giờ làm việc rồi. Thế nhưng thay vì bỏ đi, tôi đậu xe lại và bước tới cánh cửa, gõ vài tiếng vào tấm ván gỗ.

“Đợi tôi chút,” có tiếng nói khe khẽ của một phụ nữ lớn tuổi.

Tôi nghe có tiếng chân lê bước trên sàn nhà.

Sau một thời gian khá lâu, cánh cửa được hé mở. Trước mắt tôi là một bà cụ nhỏ bé, trên 90 tuổi. Bà mặc một chiếc váy in màu và đội một chiếc nón tròn như hộp đựng thuốc có kẹp một tấm vải che mỏng, nhìn rất điệu. Trông bà giống như một phụ nữ trong những phim thời xưa của thập niên 1940.

Cạnh bà là một chiếc vali nhỏ bằng nhựa. Bên trong nhà trông như không có ai ở trong nhiều năm. Tất cả bàn, ghế, tủ đều đã được che phủ bởi những tấm vải trắng.

Trên tường không có treo đồng hồ, mặt bàn ở bếp không có thức ăn hay muông nĩa ở bên trên.

Trong một góc phòng là một thùng giấy đựng đầy những cuốn album hình và các ly chén.

“Xin anh cầm giùm tôi chiếc vali này ra xe,” bà nói.

Tôi xách chiếc vali ra xe, rồi trở lại để giúp bà cụ. Bà nắm lấy cánh tay tôi, người tài xế của chiếc taxi. Tôi dìu bà đi chậm chậm đến lề đường.

Suốt quãng đường đi bộ từ cửa nhà đến lề đường, bà liên tục cảm ơn sự tử tế của tôi, khiến tôi phải nói, “Không có gì hết bà ơi. Cháu đối xử với tất cả hành khách của cháu như cháu muốn người khác đối xử như vậy với mẹ cháu.”

“Ồ, anh thật là một người con rất tốt,” bà nói.

Khi chúng tôi vào trong xe, bà trao cho tôi một địa chỉ và bảo, “Anh làm ơn lái xe băng qua thành phố được không?”

Tôi vội đáp, “Đi như vậy thì hơi xa, bà ơi, không

phải là đường nhanh nhất đâu.”

“Không sao đâu anh,” bà nói. “Không có gì phải vội vàng. Tôi đang trên đường đến nhà an dưỡng.”

Nghe đến đó thì tôi liền ngược mắt lên kiếng chiếu hậu, quan sát bà lão đang ngồi ở ghế sau. Đôi mắt bà ướt ướt.

“Tôi không còn người thân nào hết,” bà nói với giọng khe khẽ. “Bác sĩ nói rằng tôi không còn sống được bao lâu nữa.”

Tôi lặng lẽ đưa tay ra và tắt máy tính tiền, rồi hỏi cụ, “Bà muốn cháu đưa bà đi đường nào?”

Trong hai tiếng đồng hồ sau đó, chúng tôi đã đi vòng quanh thành phố. Chỉ tay vào một tòa nhà, bà nói đó là nơi bà từng giữ công việc điều khiển thang máy cho người ta lên xuống giữa những tầng lầu.

Băng qua một khu phố, bà nói đó là nơi vợ chồng bà đã từng sống khi họ mới thành hôn. Dừng lại bên ngoài một tiệm bán bàn ghế, bà nói khi xưa, xưa lắm, tiệm đó chính là một vũ trường mà thời còn con gái bà hay tụ tập với các bạn để nhảy nhót.

Có những lúc bà nhắc tôi hãy chạy chậm lại bên ngoài một ngôi nhà hay một góc phố. Vào những lúc đó bà chỉ lặng yên nhìn vào khoảng không gian tối đen, không nói một lời nào.

Đến khi có dấu hiệu của bình minh đang bắt đầu lộ dạng ở chân trời, bà cụ chợt nói, “Tôi mệt rồi. Hãy đến đó thôi.”

Tôi lái chiếc taxi đến địa chỉ mà bà cụ đã trao cho tôi. Nơi ấy là một tòa nhà thấp, giống như một viện dưỡng lão, có lối xe chạy vào bên dưới cổng.

Hai nhân viên đã bước tới ngay sau khi chiếc taxi dừng lại. Họ nói và hành động rất ân cần, chăm chú theo dõi từng cử chỉ của bà cụ. Họ đã chắc chắn chờ đợi bà cụ từ lâu.

Tôi mở cốp xe lấy chiếc vali nhỏ cho bà. Lúc đó thì bà đã ngồi trong xe lăn.

“Tôi thiếu anh bao nhiêu vậy?” bà hỏi, tay mở bóp như để lấy tiền.

“Không đồng nào hết, thưa bà,” tôi đáp.

“Nhưng mà anh cần kiếm tiền để sống,” bà đáp lại.

“Cháu có những người khách khác, bà đừng lo,” tôi trả lời.

Rồi không một chút suy nghĩ nào cả, tôi bỗng cúi người xuống để ôm lấy bà cụ. Bà ghì chặt lấy tôi.

“Anh đã cho bà lão già cả này một niềm vui,” bà nói. “Cám ơn anh.”

Tôi bóp nhẹ bàn tay của bà, xong tôi bước vào vùng ánh sáng ban mai. Đằng sau tôi, một cánh cửa đã khép lại. Đó là âm thanh của một cuộc đời vừa đóng lại.

Tôi không đón thêm khách nào nữa trong ca làm việc hôm ấy. Tôi đã lái xe loanh quanh, đầu óc miên man chìm vào những ý tưởng. Trong suốt phần còn lại của ngày hôm đó, tôi hầu như không nói với ai một câu nào. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bà lão ấy gặp phải một anh tài xế đang nóng giận, hay đang thiếu kiên nhẫn vì ca làm việc sắp hết? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không nhận đón khách đêm hôm ấy, hoặc là tôi chỉ nhấn kèn một lần, không thấy ai ra thì lái xe bỏ đi?

Nhìn lại, tôi không thấy mình từng làm một việc gì khác quan trọng hơn so với buổi đón khách ấy trong cuộc đời. Chúng ta đã được huấn tập rằng cuộc đời mình được đánh dấu xoay quanh những khoảnh khắc vĩ đại. Thế nhưng những khoảnh khắc vĩ đại ấy lại thường đến rất bất chợt, được bao bọc trong những gì ta tưởng là tầm thường mà hóa ra lại tuyệt vời. ♦

Ông Kent Nerburn, sinh năm 1946, đã viết bài này với tựa đề ‘And where there is sadness, joy’ (tạm dịch Ở đâu có nỗi buồn thì nơi đó có niềm vui) và đăng trong tuyển tập ‘Make Me an Instrument of Your Peace’ phát hành năm 1999.

Nhà văn Kent Nerburn từng giải thích vào năm 2008 trên một trang blog, khi biết câu chuyện của ông đã được nhiều người chia sẻ trên mạng:

“Tôi rất phấn khởi khi biết một khoảnh khắc đặc biệt trong cuộc đời tầm thường của tôi đã mang lại niềm an ủi hoặc niềm vui đến cho người khác. Câu chuyện xảy ra vào cuối thập niên 1980, khi tôi sống bằng nghề lái xe taxi ca khuya mà người ta gọi là ca chó ở Minneapolis, Minnesota. Điều đáng ghi nhận ở đây là tôi đã không tạo ra khoảnh khắc đó; tôi chỉ trải nghiệm và để cho nó tự mở ra và đến với tôi.”

Vào thời buổi đại dịch Covid-19 hiện nay, câu chuyện của bà cụ cô đơn và anh tài xế giàu lòng nhân ái càng làm cho chúng ta thương yêu hơn những vị cao niên đang sống trong lo âu trước nỗi sợ bị nhiễm dịch trong các viện dưỡng lão, và nỗi buồn của sự ra đi vĩnh viễn mà không có người thân ở bên cạnh.

Xin cầu nguyện cho những ai phải ra đi sẽ được đi trong sự bình an với Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về Tây Phương Tịnh Độ. ♦

Thơ Mật Nghiêm

Pháp giới

*Thế giới đang đảo điên
Trời đất đang biến thiên
Hoa vẫn cười Sen nở
Tâm đời khó bình yên.*

Về nhà

*Tôi đi tìm lại chính mình
Thấy dòng Tâm chảy thấy hình già nua
Nhìn trời thấy Sao Tua Rua!
Thấy mây vờn gió đang lùa đỉnh non
Thấy Trăng vẫn sáng, Trăng tròn!
Thấy thông đầu núi, vẫn còn hiên ngang
Nhìn đất thấy rộng thênh thang
Hoa còn đang ngủ... cánh vàng lá xanh!
Đợi bình minh đến nắng hanh
Cho đời nhộn nhịp trở thành khúc ca!
Ồn ào tả cảnh Ta Bà
Muôn loài vui sống một nhà thế gian!
Tâm nhìn cảnh động vẫn an...
Hòa cùng vũ trụ muôn vàn yêu thương!
Cuộc đời như bãi chiến trường
Đấu tranh để sống, vô thường, vô minh!
Tìm mình ở chốn vô sinh
Bằng Tâm vô niệm, quang minh tướng hình
Vô Trụ là không chấp tình
Thấy Tâm là một, an bình như nhiên!*

Photo: Clifford Mervil / Pexels

Ân nhân hùn phước của Tinh Tấn số 5

Hòa Thượng Thích Đăng Pháp
(Viện chủ Thiền Viện Chân
Nguyên, Adelanto, California)

Tỳ kheo Hộ Pháp
(Thích Ca Thiền Viện, Riverside,
California)

Ni Sư Thích Nữ Minh Từ
(Chùa Hương Tích, Santa Ana,
California)

Như Lai Thiên Đường
và quý đạo hữu
(Lancaster, Pennsylvania)

*

(Theo thứ tự nhận được)

Ông Bà Bác Sĩ Đồng Sĩ Nam
& Kristy Khang Đồng
(Westminster, California)

Đạo hữu Diệu Minh
Hoàng Thị Kiểm
(Westminster, California)

Bùi Kính
(Westminster, California)

Nhà báo Kiều Mỹ Duyên
(Garden Grove, California)

ĐH Tâm Minh Vương Thúy Nga
(Houston, Texas)

Ông bà Bác Sĩ
Nguyễn Thị Nhuận & Tống Hoàng
(Westminster, California)

ĐH Phạm D. Hải
(Westminster, California)

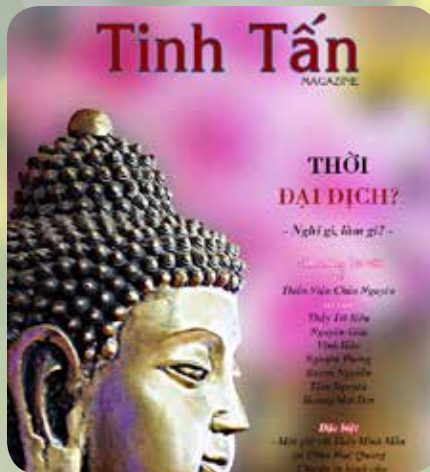
ĐH Phạm Châu
(Westminster, California)

ĐH Lâm N. Chiếu
(Stanton, California)

ĐH Thanh Niệm
(Garden Grove, California)

ĐH Hoàng Phu
(Green Brook, New Jersey)

ĐH Trương Tuấn
(Stockton, California)



*“Xin chân thành tạ ơn
tất cả mọi sự hỗ trợ bằng
tinh thần cũng như vật chất đã
giúp cho Tinh Tấn Magazine
được tiếp tục.
Xin hồi hướng mọi công đức, nếu
có, trong việc thực hiện tờ báo
này cho sự an lạc của tất cả
các chúng sanh.”*

ĐH Mật Nghiêm
Đặng Nguyên Phá
(Santa Ana, California)

ĐH Đào Thị Phụng
(Brea, California)

ĐH Bảo Diệu Châu
Trần Thị Ngọc
(Garden Grove, California)

Ông bà Nha Sĩ Nguyễn T. Ngọc
Sương & Bác Sĩ Vũ Duy Hiền
(North Tustin, California)

ĐH Thomas Trịnh Thành
(Bel Air, Maryland)

Ông bà Be Nguyen & Dung Ly
(San Jose, California)

ĐH Ann Quách
(Fontana, California)

ĐH Trương Thị Mỹ Vân
(Vancouver, Canada)

Ông Bà DH Cao Xuân Biên
& Võ Thị Như Mai
(Lancaster, Pennsylvania)

Ông Bà DH Phạm Phi Kiếm &
Lê Thị Thanh Nga
(Irvine, California)

Long Lê
(Garden Grove, California)

Trần Kim Thạnh
(Fountain Valley, California)

ĐH Túy Diệu - Bác Tư
(Westminster, California)

ĐH Kathy Diem-Khanh Tran
(Midway City, California)

Ông Bà DH Đặng Trần Hoa
(Westminster, California)

ĐH Chơn Thiện Hoa

Gia đình đạo hữu
Trịnh Thu Trang
(San Diego, California)

ĐH Orchid Thanh Lê
(Seaside, California)

ĐH Nguyễn Thị Ngọc Nhung
(Orange, California)

ĐH Diệu Tuyết Lê Thị Hồng
(Garden Grove, California)

ĐH Quảng Phúc
(San Diego, California)

ĐH Tanya Bùi
(Rosemead, California)

ĐH Đỗ Minh
(Lake Forest, California)

ĐH Tín Quang Đặng Bích Liễu
(San Diego, California)

ĐH Tuyết Nga Lee
(San Diego, California)

Và cháu Bi (Nguyễn Hoài Nam)
đã giúp phần kỹ thuật. ♦

Đọc Tinh Tấn Magazine trên mạng
<https://tinhtan.org>

Mọi hỗ trợ cho Tinh Tấn số 6 xin thư về:
9082 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683
email: tinhtan2018@yahoo.com

Ana Real Estate

Professional Real Estate Services

10900 Westminster Ave. #10 - Garden Grove, CA 92843 (714) 636-2299



12692 Gilbert St, Garden Grove, CA 92841

4 Bedrooms | 3 Bathrooms | 3,342 SF Living | 7,645 SF Lot

Luxury home build in 2004 by Brandywine Development - 4 bedrooms, 3 baths - 3 cars garage. Spacious lots between 7,645 sqft - One bonus room plus one bedroom and full bath downstairs. Granite in kitchens, beechwood cabinets, 2 fireplaces, 2 a/c jacuzzi tubs, vaulted ceilings and double doors, stainless steel appliances, alarm systems, surround sound in family room, and more!! Everything stays with the house. The "Beautiful House" Awarded by the city of Garden Grove. New painting in and out, will be new carpet/floor, and remodeled recently. Good neighborhood and school.



AN NGUYEN

R.E. BROKER | BRE#: 00847066

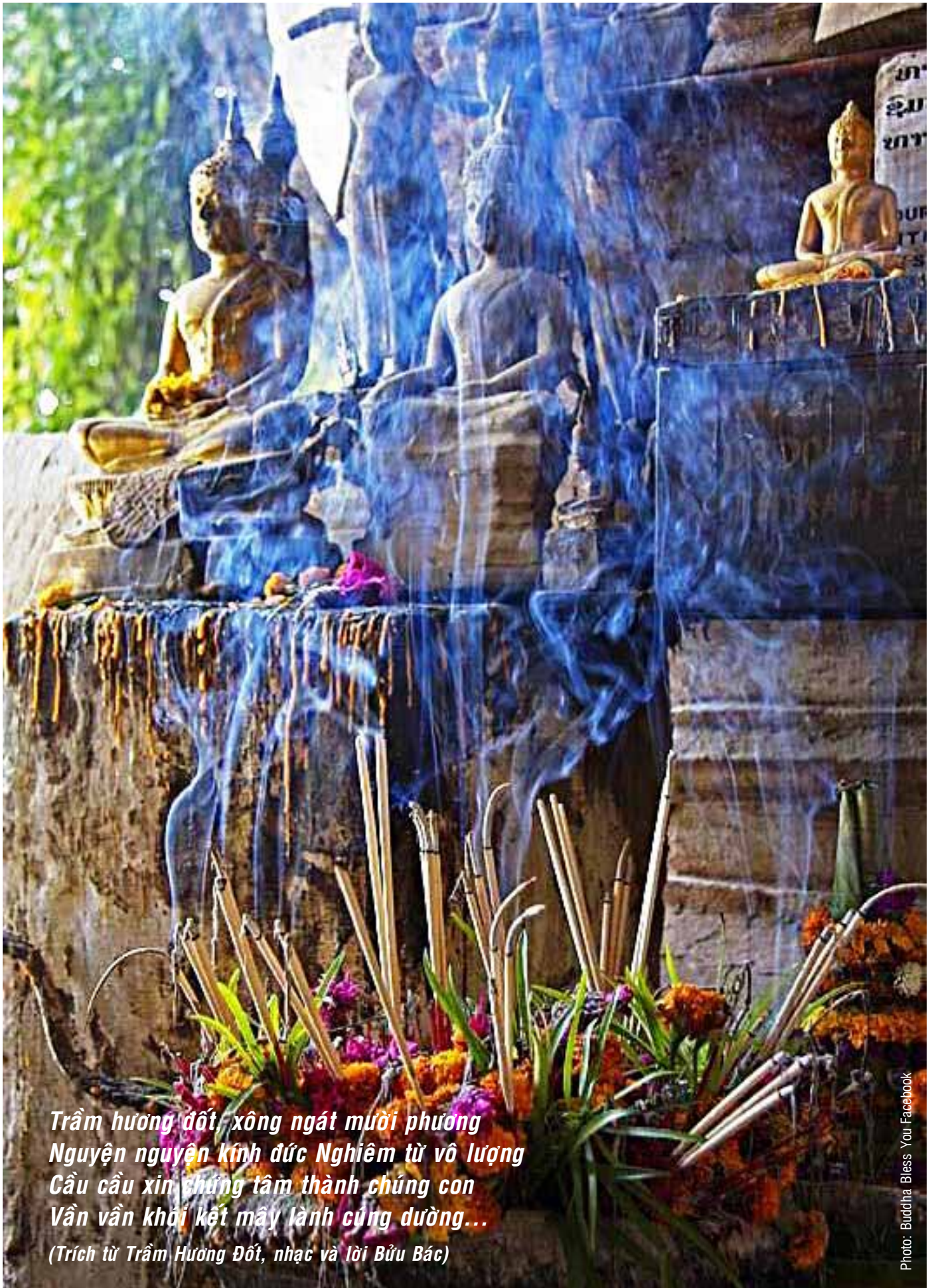
(714) 260-5884

Email: kieuymyduyen1@yahoo.com

Asking Price: **\$1,070,000**

DON'T MISS THIS GREAT BUY!!

Information deemed reliable but not guaranteed to be accurate



*Trầm hương đốt, xông ngát mùi phương
Nguyện nguyện kính đức Nghiêm từ vô lượng
Cầu cầu xin chứng tâm thành chúng con
Vần vắn khỏi kết mây lành cúng dường...
(Trích từ Trầm Hương Đốt, nhạc và lời Bửu Bác)*

Photo: Buddha Bless You Facebook



Chùa Phật Đà
4333 30th Street
San Diego, CA 92104
Phone (619) 278-9837

**DINH DƯỠNG ĐẦY ĐỦ
THÂN THỂ KHỎE MẠNH
TRÍ ÓC MINH MẮN**

Là Châm Ngôn của Phòng Mạch

Bác Sĩ Đồng Sĩ Nam

Tốt Nghiệp Chuyên Khoa Nhi Đồng Tại Hoa Kỳ

Khám Định Kỳ, Tổng Quát, Chích Ngừa

Trị các bệnh về Trẻ Sơ Sinh, Trẻ Em Thanh Thiếu Niên



NHẬN BẢO HIỂM MEDI-CAL, CALOPTIMA, HMO, PPO

ĐỊA CHỈ PHÒNG MẠCH

14082 Magnolia St, Phòng 111, Westminster, CA 92683

Điện Thoại (714) 898-0424